

# PHẬT PHÁP

---

# BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng/Edition bimestrielle Số N. 15 08/2003

Mùa Vu Lan Báo Hiếu Ullumbana

Hư không vô nội ngoại  
Tâm pháp diệt như thử  
Nhược liễu hư không cố  
Thị đạt chân như lý.

*Hư không chẳng trong ngoài  
Tâm pháp cũng như vậy  
Nếu thấu rõ hư không  
Thông đạt lý chân như.*

Tổ thứ tám Phật Đà Nan Đè Tôn Giả.

Vacuité n'est ni dedans ni dehors,  
Esprit est comme Vacuité,  
Si on comprend la Vacuité,  
On pénétrera le Dharmakaya,  
(vraie nature de Bouddha)

Huitième Patriarche Vénérable Bouddhanandi

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.  
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous  
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

**PHẬT PHÁP**

BOUDDHADHARMA

**Mục Lục / Sommaire**

<p><input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Vén. Thích Minh Định.</p> <p><input type="checkbox"/> Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương.</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Trần Xuân Tiến, Cô Hiếu Thảo, Cô Hạnh, Phan Ngọc Anh.</p> <p><input type="checkbox"/> Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiém Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.</p> <p><input type="checkbox"/> Ban phát hành : Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Diệp Văn Thọ, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hào, Cô Cẩm Vân, Fahmat Fakine, Nguyễn Thị Kim Liên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</p> <p><input type="checkbox"/> La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên lạc về : Chùa/Pagode Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66 kimquang@free.fr kimquangtu@hotmail.com</p>	<p><input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 6</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Lăng Nghiêm 9</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 12</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 14</p> <p><input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 16</p> <p><input type="checkbox"/> Thiên Thất Khai Thị 18</p> <p><input type="checkbox"/> Mất Thân Người .... 21</p> <p><input type="checkbox"/> Xin Bồ Tát Làm Tiêu Độc ... 22</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Nhân Quả Ba Đời 23</p> <p><input type="checkbox"/> Có Làm Có Chịu 24</p> <p><input type="checkbox"/> Hãy Học Cho Giỏi ... 25</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30</p> <p><input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna 35</p> <p><input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra ... 37</p> <p><input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 39</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra De La Cause ... 41</p> <p><input type="checkbox"/> Prions Le Bodhisattva ... 42</p> <p><input type="checkbox"/> Comprendre et Pratiquer ... 44</p> <p><input type="checkbox"/> On Récolte Ce Qu'On A Semé 45</p> <p><input type="checkbox"/> Améliorer La Vertu Est Digne ... 47</p> <p><input type="checkbox"/> Les Termes Bouddhistes 48</p> <p><input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie ... 49</p> <p><input type="checkbox"/> L'Histoire Du Bouddha 51</p>
--	--

# KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**P** hú Đơn Na là tên của loài quý, dịch là "xú nga quý". Trên thân của chúng bay ra một thứ mùi hôi thối, thứ mùi hôi này nếu người nào hít vào thì sẽ bị sốt nặng, mất tự chủ, mất trí. Chúng dùng pháp thuật này để hại người, cho nên gọi là nhiệt tạt quý.

Lại có vô lượng vô biên Đại Long Vương. Những đại Long Vương này đều là đại Bồ Tát thị hiện, để quản lý rừng độc không giữ quy cụ, không để cho chúng nổi gió làm sóng hại người, càng không để cho chúng phun chất độc hại người.

Vị Đại Long Vương thứ nhất tên là Tỳ Lô Bác Xoa. Dịch là Quảng Mục là một trong Tứ Thiên Vương, thống lãnh phương Tây. Vì vị này quản lý rừng không giữ giới luật, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ hai tên là Sa Kiệt La. Dịch là Hải. Vì vị này là Hải Long Vương quản lý tất cả rừng trong biển, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ ba tên là Vân Âm Diệu Tràng. Vì vị này phát ra một thứ âm thanh, ở trong hư không biến thành mây hình bảo tràng, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ tư tên là Diệm Khẩu Hải Quang. Vì trong miệng của vị này phun ra lửa ngọn, lại ở trong biển phóng quang, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ năm tên là Phổ Cao Vân Tràng. Vì vị này hiện ra mây cao khắp hết, giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ sáu tên là Đúc Xoa Ca. Đúc Xoa dịch là "năng hại". Ca dịch là "sở hại". Rừng là năng hại, chúng sinh là sở hại. Khi rừng nổi giận thì bất cứ chúng sinh nào mà vị này thấy đều sẽ bị độc mà chết. Lại dịch là "đa thiệt", vì vị này thích nói hơn các rừng khác nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ bảy tên là Vô Biên Bộ, chẳng có nơi nào mà vị này chẳng đến được, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ tám tên là Thanh Tịnh Sắc. Vì vị này có màu sắc thanh tịnh mà không tạp nhiễm, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ chín tên là Phổ Văn Đại Thanh. Vì âm thanh của vị này rất cao xa diệu vợi, truyền đạt đến khắp bốn phương, cho nên được tên này.

Vị Đại Long Vương thứ mười tên là Vô Nhiệt Não. Vì vị này đắc được pháp thanh lương, chẳng có nhiệt phiền não, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Đại Long Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị Đại Long Vương này đều siêng năng tu tập. Nổi mây làm mưa khiến cho nhiệt não của tất cả chúng sinh đều tiêu diệt.

Mười vị Đại Long Vương này là đại biểu thượng thủ các Đại Long Vương khác, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Đại Long Vương.

Những vị Đại Long Vương này đều siêng năng tinh tấn tu tập Phật pháp. Nhiệm vụ của chúng là nổi mây làm mưa, làm cho chúng sinh tiêu diệt nhiệt não, đắc được thanh lương. Chúng là một trong tám bộ đại hộ pháp thiện thần. Ở trên là chúng thứ sáu Đại Long Vương.

Lại có vô lượng Cưu Bàn Trà Vương. Đó là : Cưu Bàn Trà Vương Tăng Trưởng. Cưu Bàn Trà Vương Long Chủ. Cưu Bàn Trà Vương Thiện Trang Nghiêm Tràng. Cưu Bàn Trà Vương Phổ Nhiêu Ích Hành. Cưu Bàn Trà Vương Thâm Khả Bố Úy. Cưu Bàn Trà Vương Mỹ Mục Đoan Nghiêm. Cưu Bàn Trà Vương Cao Phong Huệ. Cưu Bàn Trà Vương Dũng Kiện Tỳ. Cưu Bàn Trà Vương

## Vô Biên Tịnh Hoa Nhân. Cưu Bàn Trà Vương Quảng Đại Thiên Diện A Tu La Nhân.

Nam Phương Thiên Vương tên là Tỳ Lâu Lạc Xoa. Dịch là "tăng trưởng". Vì vị này có thể làm cho căn lành của mình và người đều tăng trưởng, cho nên được tên này. Vị này quản lý hai bộ, một là Cưu Bàn Trà, hai là Yểm Mị Quỷ.

Cưu Bàn Trà là tên của loài quỷ, dịch là "đồng qua quỷ", vì giống như hình thù đồng qua, chẳng có đầu, cũng chẳng có tứ chi. Lại dịch là "úng quỷ", vì hình thù của chúng như hũ rượu, miệng nhỏ bụng to. Đây là loài quỷ hại người. Chúng đến các nơi tìm người âm thanh dương suy để hại. Loài quỷ này khinh suy sợ thạnh. Gặp người dương khí thạnh thì chúng trốn đi ; nếu gặp người dương khí suy thì chúng hại người. Yểm quỷ chuyên ở trong mộng hại người, làm cho người khiếp sợ vạn phần, mà thân thể không động đậy, loài quỷ này chuyên môn hại thân thể bệnh nhân suy nhược.

Mị quỷ, thứ quỷ này lợi hại vô cùng, gặp loài vật thì biến thành hình, làm hồ ly tinh, hoặc làm lang sói, hoặc làm mãng xà, chuyên môn trộm tinh khí của người để bổ thân mình. Nếu đối tượng là người nam thì chúng biến thành người nữ ; nếu đối tượng là người nữ thì chúng biến thành người nam. Tóm lại, chúng dùng sắc đẹp để dẫn dụ kẻ khác làm mất đi đồng thể. Cho nên chúng ta là người tu đạo phải luôn luôn đặc biệt chú ý cẩn thận, đừng để bị hại mà mất đạo nghiệp.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ nhất tên là Tăng Trưởng. Vì vị này là một trong Tứ Thiên Vương. Nam Thiên Vương Tăng Trưởng quản lý Cưu Bàn Trà và Yểm Mị Quỷ, hai loài quỷ này là bạn tốt với nhau, dựa nhau làm bậy, hợp tác với nhau, chuyên làm việc ác. Vị Thiên Vương này khiến cho chúng tăng trưởng căn lành, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ hai tên là Long Chủ. Vì vị này là thủ lĩnh trong loài rồng, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ ba tên là Thiện Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này khéo trang nghiêm tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ tư tên là Phổ Nhiêu Ích Hành. Vì vị này nhiều ích khắp hết thấy chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ năm tên là Thâm Khả Bố Úy. Vì tướng mặt của vị này rất xấu ác, không những người thấy vị này sinh tâm sợ sệt, mà quỷ thấy vị này cũng sợ hãi vô cùng, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ sáu tên là Mỹ Mục Đoan Nghiêm. Vì mắt của vị này rất mỹ lệ và trong sáng, tướng mạo của vị này rất đoan chánh và trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ bảy tên là Cao Phong Huệ. Vì trí huệ của vị này rất cao, giống như đỉnh núi cao, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ tám tên là Dũng Kiện Tỷ. Vì sức mạnh cánh tay của vị này rất khoẻ và cứng chắc, dũng mãnh kiện tráng, do đó chẳng sợ bất cứ vũ khí gì, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ chín tên là Vô Biên Tịnh Hoa Nhân. Vì mặt của vị này thanh tịnh như hoa, chẳng có trần cấu lại có thể phóng vô lượng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Cưu Bàn Trà Vương thứ mười tên là Quảng Đại Thiên Diện A Tu La Nhân. Vì bộ mặt của vị này rất lớn, mắt là nộ mục như mắt của A Tu La, rất đáng sợ giống như nổi sân hận, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Cưu Bàn Trà Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị này đều siêng năng tu học pháp môn vô ngại, đều phóng đại quang minh.

Mười vị Cưu Bàn Trà Vương này làm thượng thủ trong chúng Cưu Bàn Trà Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm được.

Những vị Cưu Bàn Trà Vương này đều rất tinh tấn siêng năng tu tập Phật pháp, tu pháp môn vô ngại. Bỏ lại chúng là đen tối, bây giờ tu pháp môn vô ngại cho nên phóng đại quang minh. Ở trên là chúng thứ bảy Cưu Bàn Trà Vương.

Lại có vô lượng Càn Thát Bà Vương. Đó là : Càn Thát Bà Vương Trì Quốc. Càn Thát Bà Vương Thụ Quang. Càn Thát Bà Vương Tịnh Mục. Càn Thát Bà Vương Hoa Quan. Càn Thát Bà Vương Phổ Âm. Càn

Thất Bà Vương Lạc Giao Động Diệu Mục. Càn Thất Bà Vương Diệu Âm Sư Tử Tràng. Càn Thất Bà Vương Phổ Phóng Bảo Quang Minh. Càn Thất Bà Vương Kim Cang Thụ Hoa Tràng. Càn Thất Bà Vương Lạc Phổ Hiện Trang Nghiêm.

Đông Phương Thiên Vương tên là Đê Đầu Lai Thác dịch là "Trì Quốc". Vì vị này hộ trì quốc độ, an trụ chúng sinh, cho nên được tên này. Vị này quản lý hai bộ, một là Càn Thất Bà, hai là Tỳ Xá Xà.

Càn Thất Bà là tên của Thần, dịch là "Tâm hương", chúng dùng hương làm thức ăn, thân của chúng cũng tỏa hương. Đến thời chúng ăn cơm thì nghĩ đến thức ăn chay nhà nào thì đến nhà đó tấu nhạc ca xướng, khiến cho họ sinh tâm hoan hỷ mà cung cấp thức ăn, chúng bèn nghĩ mùi hương rồi đi.

Lại dịch là "Thần ca". Chúng là thần ca nhạc của trời Đê Thích, khi thiên cung có nhạc hội hoặc là yến tiệc thì chỉ đốt hương trầm thủy chiên đàn thì vị thần này sẽ đến, vì chư thiên mà diễn xướng ca hát.

Hình dáng của Càn Thất Bà, đầu đội mũ bát giác, tóc màu diệp quang, tướng thân màu thịt đỏ, thể như đại ngu vương, tay trái cầm ống sáo ống địch (một thứ nhạc cụ), tay phải cầm bảo kiếm, đủ loại oai lực của vị tướng.

Tỳ Xá Xà là tên của loại quỷ, dịch là "ăn tinh khí", chuyên hút tinh khí của người và ngũ cốc. Chúng ta là người tu đạo, nếu không đoạn dục khử ái thì loài quỷ này sẽ đến nhiễu loạn. Bạn tu đến trình độ vô lậu thì chúng chẳng làm gì được bạn. Nếu bạn chưa đến trình độ vô lậu thì chúng sẽ đến dẫn dụ bạn rỉ lậu, như thế thì đối với chúng có ích, nhưng có hại đối với bạn. Nên nhớ, đừng để mất đạo nghiệp.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ nhất tên là Trì Quốc. Vì vị này là một trong Tứ Thiên Vương. Đông Phương Trì Quốc Thiên Vương, vị này chuyên hộ trì quốc độ được bình an, khiến cho chúng sinh an cư lạc nghiệp, nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ hai tên là Thụ Quang. Vì quang minh của vị này phóng ra giống như đại thụ, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ ba tên là Tịnh Mục. Vì vị này có cặp mắt thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ tư tên là Hoa Quan. Vì mào của vị này đội dùng hoa làm thành, rất đẹp vô cùng, vừa thơm vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ năm tên là Phổ Âm. Vì âm nhạc của vị này tấu khắp cùng thế gian, các nơi đều nghe được thứ diệu âm này, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ sáu tên là Lạc Giao Động Diệu Mục. Vì vị này thích nhảy múa, vừa ca hát vừa nhảy múa. Mắt của vị này vi diệu mỹ lệ, rất được mọi người hoan nghênh và mọi người đều muốn nhảy múa với vị này, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ bảy tên là Diệu Âm Sư Tử Tràng. Vì nhạc phổ do vị này làm ra, tấu lên rất mỹ diệu và êm tai. Âm thanh của vị này ca oai nghiêm như sư tử tràng, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ tám tên là Phổ Phóng Bảo Quang Minh. Vì vị này phóng ra khắp hết thủy quang minh bảy báu, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ chín tên là Kim Cang Thụ Hoa Tràng. Vì vị này dùng hoa cây Kim Cang làm thành tràng báu, không những có hương quang mà còn trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Càn Thất Bà Vương thứ mười tên là Nhạc Phổ Hiện Trang Nghiêm. Vì âm nhạc của vị này tấu, khắp hiện ra rất trang nghiêm, khiến cho người nghe sinh tâm cung kính, cho nên được tên này.

(còn tiếp)

# KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 9. A Nậu Lâu Đà.

Vị Tôn Giả này tức là Tôn Giả Không Nghèo, còn gọi là A Na Luật. Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài từng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật, nhưng lúc cúng dường Ngài không biết vị đó là Bích Chi Phật. Nguyên lực của vị Bích Chi Phật đó là bảy ngày mới xuống núi một lần, hóa duyên bảy nhà, nếu bảy nhà không có ai cúng dường, thì Ngài chẳng hóa duyên nữa mà trở về núi. Vốn bảy ngày vừa qua, Ngài chẳng khát thực được gì, mà lần này cũng như thế, do đó vị Bích Chi Phật lại phải ôm bát không trở về núi, vì đời sống của người dân lúc đó rất khó khăn khổ sở, đâu có thức ăn dư mà bố thí cho người xuất gia. Ngài A Nậu Lâu Đà lúc đó là người nông dân nghèo, mỗi ngày làm ngoài đồng rất vất vả mà ăn cơm rất là đạm bạc. Buổi trưa hôm ấy, Ngài thấy vị Tỳ Kheo già chẳng khát thực được gì, bèn sinh tâm cảm động nói : "Ngài là người xuất gia tu đạo gặp lúc thất mùa đói khát, chẳng có cơm ăn, thật là đáng thương. Ngài không hiềm cơm canh đạm bạc thì con dâng cúng cho Ngài".

Vị Bích Chi Phật nói : "Ông chịu bố thí cho tôi thật là tốt, tôi sẵn sàng nhận sự cúng dường của ông, nhưng ông lấy gì để ăn ?" A Nậu Lâu Đà nói : "Hôm nay con không ăn cũng không sao". Do đó, vị Bích Chi Phật thọ trai xong rồi bèn hiển thần thông hiện mười tám biến nói : "Ta đã thọ sự cúng dường của ông, sau này đời đời kiếp kiếp ông sẽ chẳng còn nghèo khổ nữa". Vị Tỳ Kheo hồi hướng cho ông rồi, A Nậu Lâu Đà tiếp tục làm, chẳng bao lâu trong rẫy chạy ra một con thỏ. Con thỏ rất kỳ lạ, nhảy nhót đùa giỡn chung quanh rồi chạy lên vai A Nậu Lâu Đà không chịu xuống. A Nậu Lâu Đà lấy xuống mà không cách chi gỡ xuống được, mới trở về nhà, kêu vợ của ông ta cầm con thỏ xuống. Cầm xuống thì con thỏ sống đã biến thành con thỏ bằng vàng óng ánh sáng chói, do đó ông ta bèn chặt cái chân trước để đi bán lấy tiền,

nhưng cái chân bị chặt chẳng bao lâu lại mọc ra như cũ. Cho nên từ đó về sau A Nậu Lâu Đà không những đời này trở thành phú ông giàu có, mà cho đến chín mươi kiếp cũng đều vinh hoa phú quý.

Đó là A Nậu Lâu Đà cúng dường cho vị Bích Chi Phật mà đắc được quả báo không nghèo.

A Nậu Lâu Đà thích nhất là ngủ, có một lần Phật đang giảng Kinh thuyết pháp mà Ngài ngủ gục, bị Phật quở trách, Ngài A Nậu Lâu Đà hổ thẹn vô cùng, mới phát tâm tinh tấn dừng mãi không ngủ. Bảy ngày bảy đêm không ngủ, mắt bị lòa. Phật thương xót mới dạy Ngài tu Tam Muội Kim Cang Diệu Minh. Không lâu Ngài đắc được thiên nhãn thông, thấy rõ ba ngàn đại thiên thế giới, như thấy trái Am Ma La trong lòng bàn tay. Trong số đệ tử của Phật Ngài A Nậu Lâu Đà là người có thiên nhãn đệ nhất.

## 10. Kiếp Tân Na.

Cha mẹ của Ngài Kiếp Tân Na đã bốn năm mươi tuổi mà chưa có con, do đó mới đến miếu thờ vì sao thứ tư trong nhị thập bát tú để cầu con. Tâm thành sở chí, cảm ứng linh nghiệm, chẳng bao lâu hạ sinh một đứa con, do nhân duyên đó cho nên đặt tên là "Phùng Tú". Tôn giả Kiếp Tân Na tức là vì sao thứ tư đó. Trong số đệ tử của Phật, Ngài là người tinh thuật học (giỏi về chiêm tinh) đệ nhất.

## 11. Kiêu Phạm Ba Đề.

Vị Tôn giả này có động tác rất là kỳ quái, tức là mỗi khi ăn cơm xong thì giống như bò gặm cỏ, trong mồm cứ nhai nuốt không ngừng, cho nên gọi là Ngưu Từ Tôn Giả, lại gọi là Ngưu Vương. Vì Ngài có tập khí này, cho nên Đức Phật sợ người đời thấy Ngài mà sinh hủy báng, sẽ bị đọa

lạc, do đó mới kêu Ngài lên sống ở trên cõi trời, thọ nhận chư thiên cúng dường. Tại sao Ngài có tập khí này ? Vì quả báo ác khẩu (chửi mắng). Vô lượng kiếp về trước, khi Ngài còn là chú tiểu Sa Di, đã từng khinh mạn chửi mắng một vị Bích Chi Phật già, ăn cơm như bò gặm cỏ, tuy vị Bích Chi Phật khuyên Ngài lập tức sám hối, song Ngài chẳng hổ thẹn chút nào, ngược lại còn bôi bác nói : "Sám hối cái gì ? Tôi đâu có giống ông như thế !" Do chửi mắng khinh khi như thế, cho nên chết rồi đọa làm bò năm trăm đời, về sau được chuyển làm thân người, nhưng không tránh khỏi hình tướng tập khí làm bò, ăn rồi vẫn giống như bò gặm cỏ. Đó là vì quá khứ đã phỉ báng vị Bích Chi Phật. Do đó cử chỉ, hành động gì chúng ta đều phải cẩn thận, kiểm thảo phẩm tính chính mình, đừng tùy tiện phỉ báng khinh khi phá hoại người khác.

## 12. Ly Bà Đa.

Ly Bà Đa là tiếng Phạn, là vì sao thứ bảy trong nhị thập bát tú, cha mẹ của Ngài cũng cầu sao mà được con. Ngài còn có tên là "Giả Hòa Hợp", trước khi chưa xuất gia, Ngài nghèo khổ vô cùng, có lần đến ngủ ở trong miếu hoang. Ban đêm có hai con quỷ, một lớn một nhỏ đến kéo theo một thầy người chết. Hai con quỷ gặp Ngài hỏi rằng : "Ê ! Người muốn chúng ta ăn thầy chết này hay là ăn người !" Ngài Ly Bà Đa chẳng đếm xỉa gì đến bọn chúng, do đó hai con quỷ thương lượng, con quỷ lớn thì ăn thầy chết, con quỷ nhỏ thì xé từng bộ phận của Ngài Ly Bà Đa đắp vào thầy chết. Chẳng bao lâu, con quỷ lớn ăn hết thầy chết, đầu mất tay chân đều bị con quỷ nhỏ đem ráp vào thầy chết. Lúc đó, Ngài kinh hãi vạn phần : "Toàn thân của tôi đã bị quỷ xé rách ra, bây giờ tôi chẳng còn thân thể nữa, làm sao đây ?"

Ngài lập tức chạy về xóm làng, thấy người bèn hỏi : "Tôi có thân thể chăng ? Xin nói cho tôi biết !" Nhưng ai cũng đều cho rằng Ngài bị điên. Lát sau Ngài gặp một nhóm hoà thượng lại hỏi rằng : "Các vị có thấy tôi có thân hay không ?" Trong số hoà thượng đó có vị đã chứng quả A La Hán, biết có thể độ Ngài xuất gia mới nói : "Thân người vốn là giả mà chẳng tự có, nếu ông tu hành chứng quả, đắc được tự tính quang minh, thì đó mới là chân thật không giả, ông có hay không có nhục thân này lại có quan hệ gì ?" Ngài nghe như vậy rồi thì theo vị Hoà Thượng đó xuất gia, chẳng bao lâu thì Ngài khai ngộ. Vì Ngài bị

quỷ xé thân ăn, ngộ được lý thân người giả hợp, cho nên có tên là "Giả Hoà Hợp".

## 13. Tất Lăng Già Bà Tha.

Tất Lăng Già Bà Tha dịch là "Dư Tập", vì Ngài chưa khử hết sạch tập khí nhiễm ô nhiều đời nhiều kiếp. Có một lần, Ngài đi qua sông thì kêu thần sông ngưng nước lại đừng chảy, vị thần sông này là người nữ, do đó Ngài nói : "Tiểu tì, ngưng chảy." Vì Ngài đã chứng quả A La Hán có thần thông. Tuy nhiên nói như thế nhưng thần sông cũng không dám không nghe chỉ thị của Ngài, song trong tâm rất bức bối, nhưng chẳng dám nói ra. Tình hình như thế xảy ra nhiều lần, nữ thần sông không còn nhẫn nhịn được nữa bèn đi lên gặp Đức Phật nói : "Đức Thế Tôn ! Ngài có vị đệ tử hiệu là Tất Lăng Già Bà Tha, vị đó chẳng tôn trọng con chút nào, mỗi lần đến bờ sông của con thì nói : "Tiểu tì, ngưng chảy." Nói lời như thế thật là vô lễ, thật chẳng có lễ độ đối với người." Đức Phật nói đợi vị ấy về thì sẽ bảo vị ấy xin lỗi với thần sông. Chẳng bao lâu, Tôn Giả trở về, Phật nói với Tôn Giả : "Con qua sông Hằng thì tại sao gọi thần sông : "Tiểu tì, ngưng chảy." Đó thật là vô lễ, phải mau xuống xin lỗi với vị thần ấy." Do đó Ngài Tất Lăng Già Bà Tha đến bờ sông, chấp tay lại cười hì hì nói : "Ê ! Tiểu tì, đừng giận !" Nói như vậy càng làm cho thần sông bức mình. Thần sông bèn nói với Đức Phật : "Ngài thấy đó ! Đang ở trước mặt Ngài mà Tôn Giả này vẫn còn kêu con như thế." Phật nói : "Con không biết đâu ! Năm trăm đời về trước, con là tôi tớ của Tôn Giả Tất Lăng Già Bà Tha, Tôn Giả kêu con 'tiểu tì' đã quen rồi, bây giờ tuy con làm thần sông nhưng tập khí của Tôn Giả vẫn chưa thay đổi. Vì các con có quan hệ chủ tớ như thế, cho nên Tôn Giả bây giờ vẫn cứ gọi con là tiểu tì." Thần sông nghe Đức Phật nói như thế thì mới vỡ lẽ. Cho nên Tôn Giả Tất Lăng Già Bà Tha tập khí nhiều đời nhiều kiếp vẫn còn, cho nên gọi là "dư tập".

## 14. Bạc Câu La.

Tên của Tôn Giả này dịch là "Thiện Dung", đó là vì tướng mạo của Tôn Giả đoan nghiêm trang trọng. Tôn Giả trong vô lượng kiếp về trước chuyên tu giới không sát sinh. Ngài chuyên môn

tu giới này, không những biểu hiện bên ngoài chẳng phạm giới mà nội tâm bên trong cũng thanh tịnh trong sạch, chẳng khởi ý niệm giết hại. Vì giữ gìn cẩn thận, cho nên cảm ứng được năm thứ quả báo hại không chết.

Khi Ngài vừa mới sinh ra thì đã biết nói, vui vẻ tươi cười nói : "Cha mẹ, cha mẹ." Rất kháu khỉnh dễ thương, nhưng cha mẹ sợ hãi hoảng hốt, cho rằng Ngài là yêu ma quỷ quái chuyển thế. Do đó mẹ của Ngài sinh tâm độc ác đem bỏ Ngài vào lò nấu muốn nấu chín Ngài. Nhưng nấu mãi mà không chết, mà còn cười cho rằng là trò chơi. Mẹ của Ngài nói : "Thằng này là yêu quái chẳng sợ lửa, nhưng chắc chắn sẽ sợ nước." Do đó đem bỏ Ngài xuống sông cũng không chết.

## 15. Ma Ha Câu Hi La.

Tên của Tôn Giả này dịch là "Đại tất" (đầu gối to), vì đầu gối của Ngài rất lớn. Ngài là cậu của Ngài Xá Lợi Phất, trước khi xuất gia Ngài biện luận với Đức Phật, đánh cuộc rằng : "Nếu ta thua thì hãy chém đầu ta, nếu ta thắng thì ta sẽ dẫn cháu về." Cuối cùng Ngài biện luận thua, nhưng Phật không cần chém đầu Ngài mà thuyết pháp độ cho Ngài xuất gia. Ngài Ma Ha Câu Hi La biện tài vô ngại, là người biện tài đệ nhất. Ngài với Tôn Giả Bạc Câu La đều là thường tùy chúng của Đức Phật (Chúng luôn luôn đi theo Đức Phật).

## 16. Nan Đà.

Đức Phật có ba đệ tử đều gọi là Nan Đà : Nan Đà, A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà. Vị Nan Đà này là chỉ vị Phóng Ngưu Nan Đà (Nan Đà chăn bò), dịch là "Thiện Hoan Hi". Vì Ngài hỏi Phật mười một việc

chăn bò, biết đức Phật đầy đủ Nhất Thiết Trí mới theo Phật xuất gia, chứng được quả A La Hán. Ngài rất là thông minh, có âm thanh tuyệt vời.

## 17. Tôn Đà La Nan Đà.

Tên của Tôn Giả này lấy theo tên vợ của Ngài (Tôn Đà La) mà làm tên, vì Ngài thương mến lưu luyến vợ của Ngài. Tôn Đà La dịch là "hảo ái" hoặc là "doan chánh", tướng mạo của vợ Ngài là tuyệt thế giai nhân, là người đẹp nhất trong xứ Ấn Độ. Do đó Ngài Tôn Đà La Nan Đà rất thương yêu vợ vô cùng. Khi Phật thấy Ngài nhân duyên đã chín mùi, muốn độ Ngài xuất gia (Ngài là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật). Nhưng Ngài chẳng bỏ được người vợ xinh đẹp, cho nên chẳng muốn xuất gia. Do đó Phật dùng phương tiện pháp môn. Một ngày nọ Phật vào vương cung khát thực, muốn Ngài ôm bình bát của Phật về Tinh xá Kỳ Hoàn, nhưng Ngài bước từng bước mà không muốn rời xa vợ, song chẳng dám từ chối mạng lệnh của anh mình (Phật), do đó giải thích với vợ nguyên nhân phải ra đi. Tôn Đà La nhỏ nước bọt trong lòng bàn tay nàng, hạn định Tôn Giả Nan Đà phải trở về trước khi nước bọt khô, nếu không thì cô ta sẽ không mở cửa cho Tôn Giả Nan Đà vào.

Tôn Giả hứa sẽ trở về liền, không ngờ đến Tinh xá Kỳ Hoàn rồi Phật không cho Tôn Giả về mà muốn Tôn Giả xuất gia, do đó xuống tóc cho Tôn Giả. Tuy nhiên đã xuất gia nhưng hằng ngày Tôn Giả đều muốn tìm cơ hội trốn về nhà, vì Tôn Giả chưa xả bỏ đặng nàng Tôn Đà La ! (còn tiếp)

# KINH LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Tiếp theo kỳ trước

**T**hế nên trong ba loại giác ngộ, đạt đến quả vị Bích Chi Phật cũng chỉ là tự giác, không phải giác tha, đến Bồ Tát thừa mới là giác tha. Bồ Tát do tu lục độ vạn hạnh, tu sáu ba la mật và hành muôn hạnh, mà thành.

Thành Bồ tát đạo lại tinh tiến hành Bồ tát hạnh, hành cho đến khi viên mãn, đó gọi là giác hạnh viên mãn, bèn thành Phật. Cho nên muốn "giác hạnh viên mãn" thì không được rời hạnh Bồ tát. Giác hạnh viên mãn là sự khác biệt giữa Bồ Tát và Phật.



Ba loại giác ngộ, ở đây chỉ nói từng đó, nhưng ở phương diện thực hành thì thật thiên sai vạn biệt, trong từng trình độ lại có trình độ, trong khác biệt lại có khác biệt. Viên mãn ba giác ngộ rồi thì thành Phật.

“**Đảnh**”: có nghĩa là chí cao vô thượng, không còn cái gì có thể cao hơn gọi là Đảnh, giống như trên đảnh của chúng ta gọi là đảnh đầu, trên đảnh đầu là thiên, cho nên gọi là đảnh thiên lập địa, đội trời đạp đất. Chúng ta, không chỉ là nam nhân mà nữ nhân cũng vậy, nữ nhân cũng là đảnh thiên lập địa, đội trời đạp đất, đó là đảnh đầu – đảnh ở trên đầu.

Vậy thì ba chữ “**Đại Phật Đảnh**” hợp lại, dù tôi không giảng, cũng tin rằng mọi người đều hiểu rõ, đó là chỉ cho cái đảnh của vị Đại Phật, một vị Phật lớn. Phật lớn là bao lớn? Có lớn bằng tượng Đức Phật trong Chánh Điện này

không? Thực ra, Đức Phật trong Chánh Điện đây không phải là vị Phật lớn, mà chỉ là một giọt nước trong bể cả, như một hạt bụi tí trong Tam thiên thế giới. Quý vị không nên lầm cho rằng đó là Phật lớn. Vị Phật lớn thì không có gì lớn bằng; lớn mà không lớn, nên gọi là “Đại.” Vậy Đức “Phật” này là Phật nào? Là vị Phật biến mãn khắp mọi nơi, không chỗ nào mà không có.

Thưa: “Phật ở đâu?”

Phật chỗ nào cũng không có!

“Thế thì, Phật không có ở chỗ nào?”

Ngài chỗ nào cũng có!

Quý vị nói xem, Ngài bao lớn? Quý vị không có biện pháp nào đo lường được độ lớn của cái lớn này. Lớn đến trình độ nào mới là cái lớn chân chánh? Đến cái lớn không còn nữa, không còn cái nào lớn hơn cái lớn này, đó mới là cái lớn nhất.

“Vậy ai lớn nhất?”

Là Đại Phật. Mà vị Đại Phật ấy là ai? Chính là quý vị! Cũng chính là tôi.

“Nhưng con không có lớn như vậy, và theo như con thấy, Thầy cũng không có lớn như thế. Thế nào Thầy lại nói chính là con, chính là Thầy?”

Nếu không phải là quý vị không phải là tôi, thì nói nó làm gì? Chính vì có quan hệ với tôi với quý vị, cho nên kinh mới đề cập đến.

“Vậy thì, Thầy và con thế nào mà to lớn như thế?”

Phật tánh mà quý vị và tôi vốn đầy đủ, chính là vị Phật lớn này. Vị Phật này lớn không có gì sánh bằng, nên gọi là Đại Phật

Không những là Phật lớn, mà là đảnh của vị Phật lớn. Vị Đại Phật này, vốn không có gì lớn hơn cao hơn; tuy thế, cái cao hơn Đại Phật là cái “đảnh” trên đầu của Ngài. Mà trên đảnh đó lại có một vị Phật lớn nữa.

“Vị Phật lớn đó lại bao lớn?”

Vị Phật lớn đó thì không thấy được, cho nên trong bài kệ của chú Lăng Nghiêm nói: “*Vô kiến đảnh tướng phóng quang Như Lai tuyên thuyết thần chú.*”

“*Vô kiến đảnh tướng*” thì không hiện hữu, là không có vì vô kiến (không thấy) mà! Đã không thấy, sao lại nói là có vị Phật lớn?”

Nhìn không thấy, chính vậy mới là lớn! Vì sao? Vì lớn đến độ quý vị nhìn không thấy. Nếu Phật không lớn, tại sao quý vị không nhìn thấy?

“Làm sao mà không thấy được? Quá nhỏ con mới không thấy, nếu lớn thì con nhất định thấy.”

Nếu là lớn thì quý vị thấy thế nào được? Bầu trời lớn như thế, quý vị có thể thấy hết không? Quý vị thấy không suốt hết đâu. Đất lớn như vậy, quý vị có thể hoàn toàn thấy hết diện tích của đất không? Không thấy hết được. Do vì thấy không được mới thiệt là lớn. Nếu không lớn, quý vị có thể thấy được. Cho nên Vô kiến đảnh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết thần

chú.

Vô kiến đánh tướng của vị Phật lớn *phóng hào quang*.

“Hào quang ấy bao lớn?”

Quý vị nghĩ xem, là Đại Phật, Ngài có thể nào phóng hào quang nhỏ? Đương nhiên là phóng hào quang lớn rồi! Phật lớn thì phóng hào quang lớn. Hào quang lớn này chiếu cùng khắp tất cả mọi nơi.

“Có chiếu đến con không?”

Chiếu đến quý vị từ lâu rồi!

“Tại sao con không biết?”

Quý vị muốn biết phải không? Tôi đã từng nói: *“Tâm thanh thủy hiện nguyệt, ý tịnh thiên vô vân.”* Tâm của quý vị nếu thanh tịnh đến cực điểm, hào quang của Phật sẽ chiếu đến. Tâm không thanh tịnh, giống như hồ nước dơ, ánh sáng mặt trăng không chiếu xuống nước dơ được; nếu nước trong sạch, ánh trăng sẽ chiếu đến ngay. Tâm thanh tịnh như ánh trăng sáng chiếu đến hồ nước trong. Hào quang của Phật lúc đó sẽ chiếu đến tâm chúng ta. “Ý tịnh thiên vô vân,” ý niệm của quý vị nếu định thì giống như trên trời không mây vậy, cảnh giới vi diệu không thể nói được. Nếu mỗi người thật sự thanh tịnh hóa tâm mình, thì có thể đắc được định lực của Lăng Nghiêm Đại Định.

*Như Lai*: “Như” tức là không có gì mà không như như bất động (vô sở bất như). “Lai” tức là không có nơi nào mà không đến (vô sở bất lai). Như là bản thể của pháp, bản thể của Phật pháp là Như, dụng của Phật pháp là Lai; đó là chữ thể dụng. Phật là như như bất động, đến mà không đến. Nên nói rằng:

*Như như bất động,*

*Đến đến lại đến,*

*Đến mà không đến.*

“Nếu vậy thì Ngài đi đâu?”

Không đi tới một nơi nào.

“Vậy Ngài từ đâu đến?”

Cũng không từ nơi nào đến.

Nên kinh Kim Cang nói: *“Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ.”* Cũng không đến chỗ tôi, cũng không đi đến chỗ quý vị; mà cũng ở nơi quý vị, cũng ở nơi tôi, đó chính là Như Lai.

Như Lai là một trong mười hiệu của Phật. Phật có mười danh hiệu. Tối sơ mỗi vị Phật có một vạn danh hiệu, sau đó mới giảm ít đi, vì người nhớ không nổi. Sau đó mới giảm xuống mỗi vị Phật một ngàn danh hiệu, nhưng một ngàn danh hiệu người ta nhớ cũng không nổi, cho nên lại giảm xuống một trăm danh hiệu, mỗi vị Phật có một trăm danh hiệu không giống nhau. Không những vị Phật này có một trăm danh hiệu không giống nhau, mà mỗi vị Phật đều có một trăm danh hiệu không giống nhau. Vậy mà chúng sanh vẫn không nhớ nổi, cho nên lại giảm, giảm đến chỉ còn mười danh hiệu. Mười danh hiệu này, cũng chính là danh hiệu chung của mỗi vị Phật.

Danh hiệu thứ nhất là Như Lai. Như Lai là nương tựa vào đạo như thực mà đặng chánh giác, tức là thành Phật.

Danh hiệu thứ hai là Ứng Cúng. Ý nói là bậc xứng đáng được trời người cúng dường.

Ba là Chánh Biến Tri.

Bốn là Minh Hạnh Túc.

Năm là Thiện Thệ Thế Gian Giải.

Sáu là Vô Thượng Sĩ.

Bảy là Điều Ngự Trượng Phu.

Tám là Thiên Nhân Sư.

Chín là Phật.

Mười là Thế Tôn.

Mỗi vị Phật đều có mười danh hiệu như thế. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật.

“**Mật Nhân**”: Mật nhân là gì? Là bản thể định lực của mỗi chúng ta. Tại sao là Mật

nhân mà không gọi là Hiển nhân? Bốn thể định lực thì mỗi người đều có sẵn, đều vốn đầy đủ, không ai mà không có, song mỗi người tự mình lại không biết, bởi vì không biết nên mới gọi là Mật nhân, biến thành bí mật. Cái bí mật này chính là bốn thể định lực, chính là bốn thể định lực của Như Lai, cũng chính là bốn thể định lực của tất cả chúng sanh. Mọi người đều có bốn thể định lực này, nhưng chỉ vì tự mình không biết, không phát giác ra mà thôi. Vì không biết nên gọi là Mật nhân.

**“Tu Chứng Liễu Nghĩa”:** Mật nhân này là để làm gì? Chúng ta cần phải *tu nó* thì mới chứng đắc mà thành Chánh quả được. Cần phải tu, nhưng tu như thế nào? Tham thiền hay niệm Phật đều là tu. Nhưng chữ “tu” ở đây chỉ cho tu tham thiền, chuyên tham thiền mới có thể chứng đắc. Chứng đắc cái gì? Chứng đắc “liễu nghĩa.”

“Liễu nghĩa” là gì? “Nghĩa” là ý nghĩa. Liễu nghĩa tức là nghĩa liễu rồi thì không còn ý nghĩa nữa.

“Thế thì nó là vô nghĩa, không có ý nghĩa gì cả?”

Chúng ta những phàm phu, làm nhiều việc không chút ý nghĩa gì cả, đó là không có ý nghĩa. Nhưng cái “liễu nghĩa” này có nghĩa là đối với tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian là đã chứng đắc hoàn toàn, không thừa sót. Không còn pháp để tu, không còn pháp gì để chứng, đó cũng chính là *“Quân bất kiến! Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân, bất trừ vọng tưởng bất cầu chân.”* trong “Chứng Đạo Ca” của Vĩnh Gia Đại Sư.

“*Tuyệt học*” là cái học tối cao, cái học mà không còn học nữa; “*vô vi*” là không làm nữa; “*nhàn đạo nhân*” là người ung dung thanh tịnh nhàn nhã, cái gì cũng không làm hết. (còn tiếp)

# CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 28. Nam Mô Bạt La Ha Ma Ni.

**Kê** : Lìa cấu thanh tịnh Đại Phạm Thiên  
Oai đức lẫm liệt rất trang nghiêm  
Làm tông chủ Bà La Môn giáo  
Thiểu dục tri túc tự an nhiên.

**Giải** : Câu này là "quy kính đánh lễ Đại Phạm Thiên Vương và Đại Phạm Thiên chúng". Đại Phạm Thiên chúng dịch là "hào ly cấu". Lìa khỏi tất cả nhiễm ô, tu phạm hạnh thanh tịnh. "*Ly cấu thanh tịnh đại phạm thiên.*" Vì họ tu trì phạm hạnh thanh tịnh, giữ giới luật cho nên có oai đức lẫm liệt, rất trang nghiêm tự tại. "*Làm tông chủ Bà La Môn giáo.*" Bà La Môn giáo tôn Đại phạm thiên vương là giáo chủ của họ. "*Thiểu dục tri túc tự an nhiên.*" Họ luôn luôn thiểu dục tri túc, chẳng tham gì, cũng không cầu gì, cho nên tri túc thường lạc, họ đều luôn luôn khoái lạc, không có phiền não.

Chú Lăng Nghiêm bắt đầu từ câu thứ nhất "*Nam Mô Tát Đát Tha Tô Già Đa Gia*" đến "*Nam Mô Nhân Đà La Gia*" có 29 câu. Hai mươi chín câu này, chúng ta người tu đạo phải quy mạng đánh lễ hết thầy chư Phật Bồ Tát A La Hán Thánh hiền thiên tiên .v.v. Hai mươi chín câu Chú này một khi niệm ra, thì sẽ xuất hiện một cảnh giới, có thể nói cảnh giới này vốn là thật, cũng có thể nói là huyền. Tại sao ? Vì tất cả thiên ma ngoại đạo nhìn cảnh giới này thì là thật, người tu đạo thì tự mình biết. Đây đều là do thần lực của Chú sở hiện mà không phải chính mình, là sức lực của tam muội, là sức lực của Chú. Cho nên cũng có thể nói là huyền, tụng trì hai mươi chín câu Chú này thì sẽ hiện ra cảnh giới như sau : Hành giả hiện một thứ thân pháp, bốn mặt tám phương có rất nhiều, rất nhiều hoa sen đỏ đến ủng hộ người trì Chú này, cho nên nói : "*Ngàn đóa sen đỏ hộ người trì.*" Nếu bạn đầy đủ tâm thành thì nhiều hơn nữa, không chỉ

ngàn đóa thôi. "*Ngồi cõi con kỳ lân đen*", lúc này chỗ ngồi không phải là máy bay, không phải là xe lửa, cũng không phải là xe buýt mà là con kỳ lân, vì có oai đức tướng hiện ra, cho nên yêu ma quỷ quái thấy thì phải chạy xa. Vào thời nhà Tống, Tế Điền tức là Tế Công Hòa Thượng thường dùng đoạn Chú này để hàng phục thiên ma không chế các ngoại đạo rất linh nghiệm cảm ứng. Do đó chúng ta học Chú Lăng Nghiêm phải biết sự diệu dụng của Chú, đoạn Chú Lăng Nghiêm này là pháp khuất phục, khi bạn tụng Chú này thì bàn môn tả đạo ma quỷ tà thần đều không dám tác quái, đều lão thực.

## 29. Nam Mô Nhân Đà La Gia.

**Kê** : Thiên chúa chân thần Nhân Đà La  
Chân thực thí quyền đại Bồ Tát  
Tích thiện tu phước hành lục độ  
Thích Phạm Thánh chúng đều tôn trọng.

**Giải** : Câu này là nói chúng ta phải quy y thiên chủ (chúa chư thiên), nhân gian thì có nhân chủ (chúa loài người), đất đai thì có địa chủ (chúa cai quản đất đai), thiên địa nhân đều có chúa, địa chúa tức là địa chủ công (thần thổ địa). Tại Trung Quốc tỉnh Quảng Đông có phong tục là mỗi nhà đều cúng thổ địa, và có thần xã tắc, thổ địa thành hoàng, thổ địa là dương trong âm, quản đất đai tức là quản việc âm gian, âm gian tức là thế giới của loài quỷ, dương gian là thế giới của loài người. Thế giới của loài quỷ thuộc âm, nhưng thần thổ địa quản loài quỷ là dương trong âm, thần thổ địa như là huyện trưởng, Thành Hoàng như là tỉnh trưởng, đất có địa chúa, người cũng có nhân chúa tức là làm quan. Người là nửa âm nửa dương cho nên làm quan cũng là nửa âm nửa dương hoặc có thể nói là âm trong dương. Vì có những sự tham quan ô sủ, không lo cho bá tánh, làm những việc xấu ác, bỏn lai là nửa âm nửa dương nhưng hoàn toàn biến thành âm. Đây là nói chúa nhân gian tức là

hoàng đế. Địa chúa là vì quá khứ y làm việc thiện. Nhân chúa là do mọi người ủng hộ y làm hoàng đế, hoặc làm tổng thống. Chúa cõi trời làm thế nào để làm được ? Không phải là do tuyển chọn mà là do nghiệp cảm quả báo sở hiện. Trong vô lượng kiếp trong quá khứ có một người nữ đi các nơi giúp người làm việc, một ngày nọ cô ta thấy trong ngôi chùa cổ có tượng Phật bằng vàng cũ kỹ tróc sơn, chùa cũng hư hại đột nát. Trong tâm không đành làm ngơ bèn đi tìm người phụ giúp, tìm được ba mươi hai người nữ cùng đi các nơi hóa duyên để sửa chùa lại. Người nữ này làm chủ công đức đề xướng sửa chùa, sơn tượng lại trang hoàng đẹp đẽ. Do công đức này sở cảm, mạng chung được sinh lên cõi trời Đao Lợi, do thiện nghiệp sở cảm được làm thiên chúa, tức là phần đông thường nói là chân thần. Chung quanh trời Đao Lợi, đông tây nam bắc mỗi hướng có tám cõi trời, cộng thành ba mươi hai với chính giữa cộng thành ba mươi ba ! Thiên chúa cõi trời Tam Thập Tam là tiền thân của người nữ ấy, tức cũng là chân thần, thượng đế, chủ thể vạn vật mà Gia Tô Giáo, Thiên Chúa Giáo sùng bái. Vì y làm thiên chúa cõi trời và cai quản nhân gian.

Nhân Đà La dịch là "tôn trọng", vì trời người đều tôn trọng. Cho nên tạo chùa, tạo tượng đều có công đức. Hai mươi chín câu Chú này là *xua đuổi thiên ma quỷ quái*. Tuy là thế nhưng bạn phải tu hành, có đạo đức thì tụng trì Chú này mới linh nghiệm. Nếu bạn không tu hành, không có đạo đức thì tụng Chú gì cũng không linh. Vì bạn không tu hành, không có đức hạnh, tất cả chúng thần không nghe Chú của bạn, không nghe bạn chiêu hô, không y giáo phụng hành. Vạn Phật Thành trước đây mấy năm cũng tụng hai mươi chín câu Chú này để thanh tịnh pháp giới, thanh tịnh chu vi đạo tràng mấy trăm mẫu. Lúc đó tôi kêu các bạn tụng, nhưng các bạn không biết nguyên nhân, bất quá tụng Chú không cần biết Chú có oai lực gì, biết rồi ngược lại tâm không chuyên nhất, không biết mới là diệu, biết rồi thì không diệu nữa. Diệu tức là không thể nghĩ bàn, có thể nghĩ thì không diệu. Cho nên tại sao không giải thích Chú cũng là vì bảo trì sự diệu này, nếu bạn biết rồi thì không còn diệu nữa. Bạn tụng Chú thì biết oai lực của Chú không thể nghĩ bàn, cũng giống như ăn cơm, chúng ta biết nó có công năng. Công năng này tức là làm cho chúng ta không đói, không cần biết ngon hay dở, tiêu hay không tiêu, mặc y phục cũng như thế, tụng Chú cũng như thế.

Nhân Đà La này là Trời Đế Thích, một tên hiệu trong 108 tên hiệu. Trong Kinh Di Đà xưng là Thích Đề Hoàn Nhân. Thích dịch là "năng", Đề Hoàn dịch là "Thiên" (trời), Nhân tức là Nhân Đà La Gia dịch là "chủ" (chúa), tức là năng thiên chủ, có khả năng làm chủ cõi trời. Thiên Chúa Giáo đồ nghe đoạn này rồi sẽ nói chúng ta tin Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa này. Vậy Thiên Chúa nào ? Nếu không phải là Thiên Chúa này, chẳng lẽ có hai Thiên Chúa, tôi đây có một Thiên Chúa, bạn đó cũng có một Thiên Chúa, trong đó có một Thiên Chúa thật, một Thiên Chúa giả ! Cứu kính cái nào là thật ? Bạn muốn bạn là Thiên Chúa thật, tôi muốn tôi là thật Thiên Chúa. Vậy có gì thật giả, bạn cũng không thấy qua Thiên Chúa, tôi cũng không thấy qua Thiên Chúa. Thiên Chúa thật hay giả không cần bình luận. Nếu y không phải thật, bạn nói là thật cũng không thể làm cho y trở thành thật. Nếu y không phải giả, bạn nói y là giả, cũng không thể làm y trở thành giả, con người tùy tiện dùng tư tưởng ngôn ngữ để hình dung Thiên Chúa, cứu kính có thể biết sự thật về Thiên Chúa chăng ? Bạn nói Thiên Chúa giáo đồ Thích Đề Hoàn Nhơn là Thiên Chúa, họ nói không phải, vì Thiên Chúa của họ là vạn năng. Sao bạn biết Thích Đề Hoàn Nhơn này không phải là vạn năng, vô sở bất năng ! Đây là tướng điên đảo của chúng sinh, tin Phật thì nói giúp cho Phật, tin Thiên Chúa thì nói giúp cho Thiên Chúa, tôi là thật, là chánh, còn bạn thì giả, không thật, sự chấp trước của chúng sinh là như thế. Cho nên Thiên Chúa, chân thần, thật ra là Nhân Đà La, Nhân Đà La là Chúa, Chúa tức là Chúa, còn có gì thật với giả. *“Chân thật thí quyền đại Bồ Tát”*, Thiên Chúa cũng hành Bồ Tát đạo. Y là Phật Pháp chân thật lại hành quyền pháp, dạy bạn tin Thiên Chúa, tin Gia Tô, tin thần thổ địa, tin Ngọc Hoàng. Đây chỉ là đến dẫn dụ bạn hướng từng bước từng bước đi trên đại lộ, đây gọi là chân thật thí quyền, vì chân thật, trước hết cho bạn một phương pháp quyền xảo phương tiện, dạy bạn tu hành, đây là đại Bồ Tát. Thiên Chúa trong quá khứ cũng đã từng tích thiện tu phước hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, lục độ. *“Thích Phạm Thánh chúng đều kính trọng”*, hết thầy chư thiên, đại Phạm Thiên Vương đều rất khách sáo đối với Thiên Chúa. Mọi người đừng tin Thiên Chúa liền mê Thiên Chúa, tin Phật liền mê Phật, vì Thiên Chúa, vì Phật mà tranh chấp kiện tụng.

(còn tiếp)

# Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

## 48. Di Đế Lị Dạ

Kê :

Từ bi thị hiện hoá ác nhân  
Đắc đại an ổn mộng thần thanh  
Cánh hoạch phước báo vô hữu tận  
Bồ đề Bát nhã tự hành thâm.

"Di Đế Lị Dạ": Câu Chú này lại là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "chánh lượng". Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "đại lượng", tức là số mục rất nhiều. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "tâm đại từ bi". Tâm từ bi này sao gọi là đại ? Vì chẳng có bờ mé, cho nên gọi là lớn. Tâm đại từ bi này hay bảo hộ tất cả chúng sinh được an ổn khoái lạc, chẳng có sợ hãi và tai nạn.

Thủ Nhân này là "Tích Trượng Thủ Nhân". Trên tích trượng có ba bộ phận và chín cái khoen. Trước kia người xuất gia đều mang tích trượng, mỗi khi đi đường cây tích trượng phát ra âm thanh, tức khiến cho súc sinh ở dưới đất nghe tiếng động thì bỏ chạy, khiến cho bạn không đạp chết chúng. Tích trượng là một thứ pháp bảo ở trong Phật giáo. Bạn thấy Bồ Tát Địa Tạng luôn luôn cầm cây tích trượng dùng để mở cửa địa ngục, đó là chìa khoá mở cửa địa ngục. Cho nên tu Thủ Nhân này thì có thể dưỡng tâm của bạn thành tâm đại từ bi để cứu hộ tất cả chúng sinh.

## 49. Na La Cẩn Trì.

Kê :

Quán Âm thị hiện Long Thọ Tôn  
Phổ nhiếp quần cơ ly hoả kháng  
Phản bản hoàn nguyên thành chánh giác  
Vi trần phẩu xuất pháp giới kinh.

"Na La Cẩn Trì" : Cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hiền ái, hiền thủ", ý nói là đứng đầu trong hàng

Thánh Hiền. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "thiên hộ, thiên đĩnh", ý nói là khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, khéo độ thoát chúng sinh đến quả vị tối cao.

Thủ Nhân này gọi là "Bảo Bình Thủ Nhân", còn gọi là "Tịnh Bình Thủ Nhân", còn gọi là "Hồ Bình", tức cũng ở trong Cam Lò Thủ Nhân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tịnh bình đựng nước cam lồ. Tịnh bình này có thể trừ khử tất cả ô uế của thế gian, vì trừ khử tất cả ô uế nên cũng bao quát hay giải trừ tất cả bệnh tật của chúng sinh, cho nên gọi là thiên hộ, thiên đĩnh. Bồ Tát tu Thủ Nhân này cũng khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, cho nên nếu tu Bảo Bình Thủ này thành công thì cũng có thể trợ giúp tất cả chúng sinh, giải trừ tai nạn của tất cả chúng sinh.

## 50. Địa Lị Sắt Ni Na.

Kê :

Hạng quả nhân đầu niệm linh văn  
Thủ chấp thiết mâu nhật dạ tuần  
Hoán tính chúng sinh hành chư thiện  
Khổ hải vô biên mặc trầm luân.

"Địa Lị Sắt Ni Na": Câu Chú này dịch ra nghĩa là "kiên lợi", kiên là kiên cố, lợi là phong lợi, rất mau vô cùng. Còn dịch ra nghĩa là "kiếm", tức là mặt bảo kiếm rất bén nhọn.

Đây là "Bảo Kiếm Thủ Nhân". Bảo Kiếm Thủ Nhân này có tác dụng gì ? Trước kia khi tôi dạy Bốn Mươi Hai Thủ Nhân đã có nói qua.

Bảo Kiếm Thủ Nhân hàng phục được tất cả lị mị, vọng lượng, quỷ thần .v.v. Bạn tu Thủ Nhân này thành công thì tất cả thiên ma ngoại đạo, lị mị, vọng lượng đều lão thực, vì chúng sợ bảo kiếm này của bạn. Thủ Nhân này rất là lợi hại, hay phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, hàng phục tất cả

thiên ma ngoại đạo. Bất cứ thiên ma ngoại đạo nào nếu không nghe bạn giáo hóa thì bạn có thể dùng bảo kiếm này chém chúng, cho nên Thủ Nhân này lợi hại vô cùng.

## 51. Bà Gia Ma Na.

Kê :

Bạt chiết la chữ trấn quần ma  
Liên hoa số châu niệm Phật đà  
Lôi thanh kinh tỉnh si mê giả  
Mộng giác nguyên lai nhất tự đa.

"Bà Gia Ma Na" : Là tiếng Phạn, dịch ra có rất nhiều nghĩa. Nghĩa thứ nhất là "danh văn", vì tên của Ngài trong mười phương thế giới đều nghe, đều biết. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "hỉ xưng", vì mười phương chư Phật đều hoan hỉ khen ngợi kêu tên của bạn. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "thành danh", thành tựu tên của bạn. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "nhất thiết nghĩa thành tựu", tất cả mọi việc đều có thể thành tựu.

Thủ Nhân này gọi là "Bảo Tiến Thủ Nhân". Bạn tu Thủ Nhân này thì có thể khiến cho bạn mau gặp được tất cả bạn bè tốt.

## 52. Ta Bà Ha.

Kê :

Tiêu tai tăng phước diệu các tường  
Phật Pháp Tăng Bảo phóng hào quang  
Quán hành như tâm vô tướng lễ  
Thị đại bồ đề hoá vạn phần.

"Ta Bà Ha": Câu này rất quan trọng. Trong Chú Đại Bi có mười bốn câu "Ta Bà Ha", mỗi một câu Ta Bà Ha đều có sáu ý nghĩa, do đó bạn nên nhớ, bất cứ trong câu Chú nào có Ta Bà Ha thì đều có sáu ý nghĩa.

Sáu ý nghĩa là : Ý nghĩa thứ nhất là "thành tựu". Bạn niệm Chú này thì tất cả mọi sở cầu, mọi sự hy vọng đều sẽ thành tựu. Nếu không thành tựu thì bạn chẳng thành tâm, nếu bạn thành tâm thì sẽ thành tựu. Nếu bạn có chút nghi ngờ trong Chú này thì sẽ không thành tựu; bạn phải có tâm tin chân thật thì sẽ thành tựu.

Ý nghĩa thứ hai là "cát tường". Bạn tụng Chú này thì tất cả sự việc không cát tường đều sẽ cát tường, song bạn phải có tâm tin chân thật; nếu bạn chẳng có tín tâm thì không thể cát tường được. Khi bạn tụng Chú tin hay không tin Bồ Tát đều biết, hoặc bạn có niềm tin chân thật hoặc nửa tin nửa ngờ, hoặc nghi nhiều hơn tin, Bồ Tát đều biết. Bạn muốn đắc được thành tựu này thì phải có tín tâm. Bạn muốn cát tường thì phải có tín tâm. Bạn cầu việc gì, ví như cha bị bệnh, bạn muốn cho cha hết bệnh, bạn tụng Chú, song bạn phải có tâm tin chân thật thì tụng mới có cảm ứng. Hoặc bạn có người bạn tốt nhất, rất lâu chưa gặp lại, bạn hy vọng gặp lại người bạn đó mà bạn tụng Chú này một cách thành tâm thì cũng sẽ được gặp lại. Hoặc là bạn chẳng có bạn trăm năm, bạn muốn có người bạn trăm năm tốt thì bạn cũng phải có tín tâm tụng trì Chú này, tụng lâu thì cũng sẽ được một người bạn tốt. Thậm chí bạn muốn được vị thiện tri thức cũng sẽ thành tựu.

Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "viên tịch". Khi vị Tỳ Kheo vãng sinh, Niết Bàn gọi là viên tịch, song viên tịch ở đây chẳng phải là chết. Vậy nếu tôi niệm Chú này tức là niệm chết, nghĩa là "Ta Bà Ha, Ta Bà Ha...!" Viên tịch, viên tịch tức là chết. Vậy tôi niệm có ý nghĩa gì ? Ai ai cũng chẳng muốn chết, tôi biết. Chẳng phải như thế. Viên tịch ở đây là "công vô bất viên", công của bạn viên mãn; "đức vô bất tịch", đức hạnh cũng đến cực điểm, chẳng phải một số người biết được, chỉ có Phật Bồ Tát biết được đức hạnh của bạn.

Ý nghĩa thứ tư là "tiêu tai", tiêu trừ tai nạn.

Ý nghĩa thứ năm là "tăng ích": Tăng thêm lợi ích của bạn. Bạn niệm "Ta Bà Ha" thì lợi ích của bạn sẽ tăng thêm, đặc biệt có ích lợi đối với bạn.

(còn tiếp)

# ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

**T**hế nào là Tăng-Già ? Nhiều Tỷ-Khưu hòa hợp một chốn gọi là Tăng Già. Các Tỷ-Khưu hòa hợp cho nên sinh ra tên Tăng. Tăng có bốn thứ : Hữu tu Tăng, vô tu Tăng, á dương Tăng và thực Tăng.

Hữu tu Tăng là người giữ giới, thân miệng thanh tịnh, phân biệt được tốt xấu, chưa đác đạo.

Vô tu Tăng là người phá giới, thân miệng không thanh tịnh, không có điều ác gì mà chẳng làm.

Á dương Tăng là tuy không phá giới nhưng độn căn, không có trí tuệ, không phân biệt được tốt xấu, không biết khinh trọng, có tội hay không tội. Nếu có việc Tăng, có hai người đấu tranh, không thể quyết đoán được mặc nhiên không nói. Như con dê trắng đến lúc người ta giết cũng kêu không ra tiếng, nên gọi là á dương Tăng.

Thực Tăng là những vị hữu học, vô học ở trong bốn quả Thánh, hoặc đang hướng về bốn quả Thánh.

Bồ-Tát có hai thứ Tăng : Hữu tu Tăng và thực Tăng. Thanh Văn có một. Đó là thực Tăng. Ngoài ra đều gọi là Tăng.

**Kinh : Số đại có năm ngàn phần.**

**Luận : Thế nào là số đại ?**

Ít qua, ít giảm là số đại.

Thế nào gọi là phần ?

Lấy một phần của chúng, như trong ngàn muôn Tỷ-Khưu chỉ lấy một phần năm ngàn người gọi là ngũ thiên phần (phần năm ngàn).

**Kinh : Đều là A-La-Hán.**

(Nghĩa chữ A-La-Hán đã giải trong phần Bà-Già-Bà).

**Kinh : Các lậu đã hết.**

**Luận :** Trong ba cõi, ba thứ lậu đã hết không còn dư, nên nói là lậu tận.

**Kinh : Không còn phiền não.**

**Luận :** Tất cả kết, sử, lưu, ái, ách, phược, cái, kiến, triền, đã đoạn trừ hết nên gọi là không còn phiền não.

**Kinh : Tâm được hỏ giải thoát, tuệ được hỏ giải thoát.**

**Luận :** Người tu theo ngoại đạo ly dục, tâm trụ một nơi được giải thoát, nhưng chưa giải thoát được tất cả pháp chướng ngại, chỉ có A-La-Hán là tâm được hỏ giải thoát, tuệ được hỏ giải thoát.

Lại nữa, các A-la-hán có hai đạo giải thoát : Kiến đế đạo và tư duy đạo (kiến đế : thấy thánh đế ; tư duy : suy ngẫm), nên gọi tâm được hỏ giải thoát. Các vị hữu học (từ Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm) tuy được giải thoát nhưng không phải hỏ giải thoát vì còn có tàn kết sử vậy.

Lại nữa, các pháp trợ đạo của ngoại đạo không được đầy đủ. Nếu làm một hoặc hai công đức cầu đạo chưa đủ. Như người bố thí cầu thanh tịnh, tế trời cầu thoát ưu suy, được thường vui, sinh nơi đô hội. Thanh tịnh có tám cách : Tụ giác, nghe nhiều, đọc kinh, sợ nổi khổ sinh cõi trời, người, được thầy tốt và bố thí. Có ngoại đạo chỉ bố thí, trì giới, nói là thanh tịnh. Có đạo chỉ bố thí, thiền định, bảo là thanh tịnh. Có đạo chỉ bố thí cầu trí tuệ nói là thanh tịnh. Như thế, v.v. các ngoại đạo không được đầy đủ. Nếu không công đức hoặc ít công đức nói là thanh tịnh ; kẻ đó tuy tâm trụ một chỗ được giải thoát chẳng gọi là hỏ giải thoát, đạo Niết-bàn không đầy đủ vậy.

Như kệ nói :

Người không công đức chẳng thể qua,

Sinh, già, bệnh, chết, là biển lớn !

Người ít công đức cũng chẳng qua,



Khéo hành đạo pháp Phật đã nói.

Kinh nói : Ông Tu-Bạt-Đà tu theo Bà-la-môn được năm phép thần thông, đêm nằm mộng thấy tất cả mọi người mất con mắt, ở trần đứng trong chỗ tối, mặt trời rơi, đất nứt, nước bể lớn khô cạn, gió lớn bốc thổi, núi Tu-Di tan hoại. Tỉnh dậy sợ hãi, lo lắng, tưởng mình sắp chết hoặc chúa thiên địa muối rơi, bỗng có trời từ trên không hiện xuống nói : Ông chớ lo sợ, có người Nhất Thiết Trí gọi là Phật đem nay vào Vô Dư Niết-Bàn, nên ông mộng chứ không phải là thân ông.

Sáng hôm sau, Tu-Bạt-Đà vào rừng gặp ngài A-Nan đang đi kinh hành, nói rằng : Tôi nghe thầy ông nói đạo Niết-bàn, đêm nay sẽ diệt độ, tôi có điều nghi muốn xin yết kiến Phật. Ngài A-Nan không muốn cho ông Tu-Bạt-Đà đến làm quấy nhiễu trong lúc này nên từ chối không cho vào. Ông Tu-Bạt-Đà ba lần thỉnh cầu như vậy đều bị khước từ. Từ xa, Phật nghe tiếng dạy ngài A-Nan cứ để cho ông Phạm Chí Tu-Bạt-Đà vào tự do hỏi.

Tu-Bạt-Đà được vào yết kiến Phật, chào hỏi xong, ngồi một bên, tâm niệm rằng : Đạo ta bỏ ân ái, lia tiền của, xuất gia mà không đắc đạo, duy có Sa-Môn Cồ-Đàm đắc đạo. Nghĩ xong, hỏi Phật rằng : Bạch đức Thế Tôn, bọn lục sư tự xưng là người nhất thiết trí, lời nói ấy thực không ?

Đức Thế Tôn nói kệ :

Ta mới mười chín tuổi,  
Xuất gia học đạo Phật.  
Ta xuất gia tới nay,  
Đã hơn năm mươi năm.  
Tịnh giới, thiền, trí tuệ,  
Ngoại đạo không một phần.  
Chút phần còn không có,  
Huống chi nhất thiết trí !

Nếu không có Bát Chánh Đạo, không có đệ nhất quả, nhị quả, tam quả, đệ tứ quả ! Nếu có Bát Chánh Đạo, sẽ có các quả trên. Tu-Bạt-Đà ! Pháp của ta có Bát Chánh Đạo, nên có bốn đạo quả. Các ngoại đạo thấy đều không : Không đạo, không quả, không Sa-môn, không Bà-la-môn !

Tu-Bạt-Đà nghe pháp liền đắc quả A-La-Hán. Suy nghĩ rồi nói : Ta chẳng nên vào Niết-Bàn sau Phật. Bèn ở trước Phật ngồi kiết già, dùng

sức thần thông lấy lửa trong mình tự đốt mà diệt độ.

Cho nên Phật nói không hoặc ít công đức là pháp trợ đạo, đều không được độ. Tất cả công đức đầy đủ mới có thể độ đệ tử. Như thầy thuốc nhỏ có một vài thứ thuốc không thể chữa tất cả bệnh.

**Hỏi** : Nếu lia tất cả phiền não trong ba cõi, tâm được giải thoát, tại sao Phật nói bỏ nhiễm ái tâm được giải thoát ?

**Đáp** : Ái có sức mạnh hay ràng buộc, đóng bít tâm vì thế nên không nói dư phiền não ; ái đoạn thì dư phiền não cũng đoạn ! Như cầm kéo một đầu khăn, chỗ còn lại phải theo hết. Ái nhiễm cũng thế. Lại nữa, các kết sử đều thuộc ái, kiến thuộc ái, phiền não che phủ, tâm thuộc kiến, phiền não che tuệ. Như thế, lia ái nên những kết sử thuộc kiến cũng lia, được tuệ giải thoát. Lại nữa, năm ngàn A-La-Hán tinh tấn không ngừng được vô sinh trí, nên nói tâm được hạo giải thoát, tuệ được hạo giải thoát, chẳng lui sụt vậy.

**Kinh** : Tâm đều nhu nhuyễn.

**Luận** : Nếu người cung kính, cúng dàng hoặc giận tức, đánh đập, mắng nhiếc mà tâm yên không có gì khác. Nếu được trân bảo, sỏi đá coi như một loại. Nếu có người cầm dao chém chặt tay chân hoặc đem bột chiên đàn bôi xoa thân mình, cũng bình đẳng không khác. Lại nữa, dâm dục, giận tức, kiêu mạn, nghi, kiến căn bản đã đoạn, ấy là tâm điều nhu nhuyễn.

Lại nữa, A-la-hán ở nơi có dục nhiễm không nhiễm, ở nơi bị sân không sân, ở nơi đáng si không si, luôn phòng giữ sáu tình nên gọi là tâm điều nhu nhuyễn. Như kệ nói :

Người thủ hộ sáu tình,  
Như ngựa tốt khéo điều.  
Như thế người thực trí,  
Chư thiên tôn kính vậy.

Còn hạng phàm phu chẳng hay ngăn giữ sáu tình ; dục, sân, mạn, si, nghi không bỏ nên không gọi là điều nhu. (còn tiếp)

# THIÊN THẤT KHAI THỊ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

## Tiếp theo kỳ trước

Tuy nhiên nói là "Ngồi lâu có thiền". Nhưng chân chính tham thiền, không những chỉ ngồi mới có thiền, mà đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể tham thiền. Người dụng công không phân biệt, rảnh hoặc bận ; thời thời khắc khắc đều chiếu cứ thoại đầu "Niệm Phật là ai ?" Tham đến "hết núi cạn nước", tham đến tột cùng. Đi đứng nằm ngồi đều có oai nghi. "Tọa như chung" (Ngồi như đại hồng chung). Không những ngồi không giao động mà phải ngay ngắn thẳng thẳng; mắt quán mũi, mũi quán miệng, miệng quán tâm, lưỡi thì uốn cong lên để ở hàm trên. Có nước dãi thì nuốt vào. "Hành như phong" (đi như gió thoảng). Chạy hương thì như gió thoảng. Gió thổi thì trên không thấy trời, dưới không thấy đất, giữa không thấy có người. Vì dụng công thì không thấy có người, không thấy có tướng. Cho nên trên không thấy trời, dưới không thấy đất, giữa không thấy có người. Đi chậm thì như gió mát thổi đến, như mặt hồ tĩnh lặng. "Trạm như tùng" (đứng như cây tùng). Đứng thì thẳng lưng giống như cây đại tùng. "Ngọa như cung" (nằm như cây cung). Ngủ thì duỗi thẳng nghiêng bên mặt, tay phải gối dưới đầu, tay trái duỗi thẳng để trên đùi chân trái ; nằm theo tư thế cát tường.

Vĩnh Gia Đại Sư có nói : "Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói năng động tĩnh thể an nhiên, ngộ gặp đao nhọn thường thản nhiên, uống nhàm độc dược cũng nhàn nhàn".

Đạt Ma Sư Tổ trải qua sáu lần bị kẻ ngoại đạo hạ độc. Ngài rõ biết là thuốc độc cũng uống vào trong bụng. Có thể thấy rằng Ngài không thấy có tướng ta, xem sự sống chết rất thường tình.

Người dụng công thời kinh thiên, động địa, quỷ thần sầu, ma vương cũng hoảng sợ. Chúng ta nếu

có thể hai mươi một giờ mỗi ngày, cước đạp thật địa (chân thật tham thiền). Luôn luôn tranh thủ dụng công, tất nhiên sẽ kinh thiên động địa.

Chúng ta tu hành pháp vô vi. Trước phải từ pháp hữu vi mà dụng công, không sợ chạy hương, ngồi hương. Chạy hương là hữu vi, ngồi hương là vô vi. Cho nên nói : "Vô vi hữu vi, hữu vi vô vi, tức hữu vi, tức vô vi. Hữu vi là vô vi, vô vi cũng là hữu vi".

Thiền thất thứ nhất đã trôi qua rồi. Hôm nay bắt đầu thất thứ hai. Pháp môn ngồi thiền phải từ chữ nhẫn mà nắm lấy (trước thủ). Phải nhẫn khổ, nhẫn đau, nhẫn đói, nhẫn khát. Nếu bạn thiếu sức nhẫn thì không thể ngồi thiền. Tâm như con vượn, ý như con ngựa, luôn hướng bên ngoài truy cầu. Tóm lại là ngồi bất động.

Có những người ngày ngày dụng công thì toàn khởi vọng tưởng. Tưởng đông tưởng tây, tưởng những việc nhân sự không có ý nghĩa gì hết. Các vị phải hồi quang phản chiếu, phản tỉnh các bạn từ đâu đến ? Nếu là từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác mà đến thường có những tâm tham, tâm sân, tâm si thì lập tức trừ khử ba độc. Mục đích chủ yếu ngồi thiền là tiêu diệt ác nghiệp trong quá khứ. Khôi phục trí huệ, thành tựu thiện nghiệp. Cho nên ngồi thiền phải có sức nhẫn nại, tức là không sợ khổ. Người xưa ngồi thiền, một lần ngồi mấy ngàn năm. Bây giờ tôi kể một câu chuyện dùng để tham khảo.

Vào đời Đường, Đại Sư Huyền Trang đi Ấn Độ thỉnh Kinh. Trên đường đi thấy một vị tu hành đang ngồi nhập định. Chim làm tổ trên đầu ông ta. Y phục đều đã rách hết. Đại sư Huyền Trang đánh thức ông ta dậy. Lão tu hành hỏi : "Ông từ đâu đến ?" Ngài Huyền Trang đáp : "Tôi từ Đường triều đến, đang đi Ấn Độ thỉnh Kinh, Ngài ở đây làm gì ?" Lão tu hành nói : "Tôi đợi Phật Thích Ca xuất thế, giúp Phật hoàng dương Phật pháp". Ngài Huyền Trang nói : "Sao Ngài còn đợi Phật xuất thế, Phật Thích Ca đã vào Niết Bàn hơn một ngàn năm rồi". Lão tu hành nói : "Thật chẳng ? Vậy tôi sẽ đợi Phật Di Lặc ra đời". Lão tu hành đang chuẩn bị nhập định trở lại thì Ngài Huyền Trang nói : "Tôi có việc muốn thương

lượng với Ngài. Đây không phải là việc riêng của tôi. Tuy nhiên Phật Thích Ca đã nhập Niết Bàn, nhưng Phật pháp còn trụ thế, tôi muốn Ngài trợ giúp hoàng dương Phật pháp, tục Phật huệ mạng. Bây giờ Ngài đến Trung Hoa đợi tôi thỉnh Kinh trở về rồi cùng nhau hoàng dương Phật pháp. Ngài từ đây đi về hướng đông. Nhớ tái sinh vào nhà nào có nóc ngói bằng vàng lưu ly".

Ngài Huyền Trang lên đường thẳng đến Ấn Độ thỉnh Kinh. Trước khi đi thỉnh Kinh, Ngài Huyền Trang nói trước với vua Đường Thái Tông rằng : "Nhánh cây tùng, hiện tại lớn lên ở hướng tây, đợi khi nào hướng về hướng đông mà phát triển thì tôi mang Kinh trở về". Một ngày nọ Đường Thái Tông nhìn thấy chi nhánh cây tùng hướng về phía đông phát triển, liền biết Ngài Huyền Trang sắp trở về.

Khi Ngài Huyền Trang về đến Trường An thì vua Thái Tông xuất lãnh văn võ bá quan đến cửa tây nghinh tiếp. Nghi thức tổ chức rất long trọng. Ngài Huyền Trang nhìn thấy Đường Thái Tông liền lập tức nói với vua Thái Tông : "Kính hỷ bệ hạ có thêm một vị hoàng tử". Thái Tông nói : "Ta không có thêm thái tử, chỉ có một vị thái tử". Ngài Huyền Trang lập tức quán sát sự việc cứu kính như thế nào ? Nguyên lai Ngài kêu lão tu hành thác sinh vào nhà vua. Lão tu hành tái sinh lộn nhà, sinh vào nhà ông thừa tướng, làm con của thừa tướng. Ngài Huyền Trang đến khuyên con trai ông thừa tướng xuất gia, nhưng bị cự tuyệt. Phải chờ Đường Thái Tông hạ chiếu chỉ khiến cho xuất gia. Ngài Huyền Trang nói với Đường Thái Tông : "Chỉ cần y xuất gia, bất cứ yêu cầu gì đều có thể đáp ứng". Đường Thái Tông tức thời hạ thánh chỉ, khiến con trai ông thừa tướng xuất gia. Y phụng chỉ xuất gia, liền hướng hoàng đế yêu cầu ba điều kiện. Thứ nhất : "Vốn Phật giáo cấm uống rượu, nhưng tôi không muốn giữ giới rượu. Tôi hy vọng bất cứ đi đến đâu phải có một xe rượu bên tôi". Hoàng đế biết trong năm giới có một giới không uống rượu, nhưng Huyền Trang Đại Sư đã nói bất cứ điều kiện gì của y yêu cầu đều phải đáp ứng. Cho nên hoàng đế hứa khả yêu cầu thứ nhất. Điều kiện thứ hai là : "Tôi sinh vào nhà võ tướng, tập quán ăn thịt đã quen, sau này mỗi ngày phải có thịt mới và tươi dâng cho tôi ăn". Vốn người xuất gia không ăn thịt, nhưng

Ngài Huyền Trang đã nói rõ thỉnh hoàng thượng đáp ứng bất cứ điều kiện gì cho nên Đường Thái Tông đáp ứng điều kiện thứ hai. Điều kiện thứ ba là : "Từ khi tôi sinh ra, vốn thích gái đẹp, bất luận đi đến đâu, phải có một xe gái đẹp đi theo". Đường Thái Tông đáp ứng điều kiện thứ ba.

Con trai của thừa tướng xuất gia, triều đình văn võ bá quan đều hộ tống anh ta đến Trường An xuất gia ở Đại Hưng Thiện Tự. Ngày ấy chuông trống trong chùa đánh vang lên. Khi anh ta nghe đến tiếng chuông trống, tức khắc khai ngộ. Mới nhớ ra mình vốn là lão tu hành, vì giúp Ngài Huyền Trang hoàng dương Phật pháp mà đến. Tự chứng đắc tức mạng thông rồi Ngài liền buông xả rượu, thịt, gái đẹp ba xe. Cho nên Khuy Cơ Tổ Sư (pháp hiệu của Ngài) lại có biệt hiệu là "Tam Xa Tổ Sư".

Vị Tổ Sư này có thể đọc một lần hàng chục hàng chữ. Tai thì nghe hàng trăm người nói một lúc. Khuy Cơ Tổ Sư giúp Ngài Huyền Trang phiên dịch các luận Pháp Tướng Tông và các Kinh điển khác.

Lão tu hành một khi ngồi mấy ngàn năm, mà chúng ta mỗi ngày chỉ bất quá ngồi hai mươi một giờ. Cho nên phạm sự việc gì, đừng có chấp trước, phải chịu khổ chịu đau. Chịu đau một thời mới có thể đắc được khoái lạc vĩnh viễn.

Các vị muốn dừng mãnh tinh tấn, nỗ lực tu hành, thì tất cả chương ngại đều phải tiếp nhận mà giải quyết.

Tôi có một phương pháp trị đau chân, lúc các vị đau chân thì có thể nói gạt chân rằng : "Tôi mới ngồi một chút mà thôi, bất quá chỉ ngồi mười lăm phút". Đợi bạn ngồi hai mươi một giờ cũng ngắn giống như mười lăm phút, chân lúc này sẽ hết đau. Nếu phương pháp này linh nghiệm thì đó là diệu pháp. (còn tiếp)

## MẮT THÂN NGƯỜI, VẠN KIẾP KHÓ ĐƯỢC LẠI

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**H**ôm nay nói chuyện về ý nghĩa sám hối trong đạo Phật. Chư Phật và chư vị Bồ-tát

không nhìn vào lỗi của chúng sanh, chúng sanh nếu có lỗi và tự làm ngơ đi, Phật cũng chẳng để ý tới. Nhưng tự mình đã tạo nên nghiệp tội thì tới lúc nghiệp chín, tự mình sẽ lãnh đủ quả báo. Chúng sanh giác ngộ thì ít mà mê mờ thì nhiều; sáng suốt thì ít, ngu si thì nhiều. Cho nên chúng sanh nào sáng suốt, giữ phép tắc, sẽ không làm những chuyện điên đảo. Những chúng sanh chân chánh giác ngộ cũng không có tà tri tà kiến, nghĩa là hiểu biết và nhận thức sai lầm. Trong chôn biển khổ mênh mê, không biết đâu là bờ bến, chúng sanh ra đời rồi chết, chết rồi lại sanh, quẩn quanh luân chuyển trong vòng lục đạo, cũng giống như ngày nay nói về các công xưởng hóa học: một linh tánh lớn có thể bị phân chia biến thành những linh tánh nhỏ và ngược lại, linh tánh nhỏ lại có thể kết hợp hóa thành linh tánh lớn.

Bởi lý do trên, khi một cá nhân đầu thai thành kiếp thú, chẳng phải chỉ làm một loại thú vật mà còn có thể phân thành, ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo, những loại thú tương đối có thân hình không nhỏ, và linh tánh của chúng cũng có chút điểm thông minh. Một cá nhân có thể biến thành bảy loại thú, thì trong quá trình chia cắt về thân thể sẽ có hiện tượng "phân linh," mà đã phân linh thì linh tánh càng giảm bớt, càng phân ra càng giảm đi. Thí dụ ngựa đầu thai biến thành gà vịt, rồi lại biến ra nhỏ hơn nữa. Một con ngựa lại có thể biến ra bảy con vịt và bảy con gà v.v.. Linh tánh bớt đi chừng nào thì càng ngu thêm chừng ấy, trăm ngàn vạn kiếp chưa dễ khôi phục lại. Bởi có gì? Bởi vì đã có sự phân khai, như trong quá trình phân tích được thực hiện trong phòng thí nghiệm hóa học, có sự phân ra từng bộ phận, từng thành phần. Một cá nhân đầu thai thành loài muỗi bởi nguyên do tâm địa quá độc ác, lòng tham không đáy, chỉ muốn hút máu của người khác. Tâm tướng đó còn tồn tại nên mới biến thành loài muỗi, để chuyên việc hút máu. Tuy linh tánh đã bị hóa, nhưng vẫn còn lại chút ít, có như vậy chúng mới biết theo người mà hút máu, ngoài ra không biết gì khác nữa. Muỗi hành động bởi tâm tham, lấy cái đó duy trì sanh mạng, đó là nhân duyên của loài muỗi.

Loài kiến càng thì sao? Loại này bằm sanh ham ăn. Một cá nhân nếu biến thành thân kiến thì phải hóa ra tới tám vạn bốn ngàn con. Quý vị đã thấy loài muỗi, hàng đàn, hàng đàn như vậy. Kiến càng thì từng ổ, từng ổ, đông không kể xiết. Theo nguyên tắc "tánh hóa linh tàn," nên thân phận loài kiến rất là nhỏ nhoi, sức vóc chẳng có bao nhiêu.

Lại nói tới loài ong mật, chúng rất giỏi lấy trộm, tội ăn cắp của chúng nhiều lắm, nguyên do vì kiếp trước chúng có lỗi không giữ giới cấm về trộm cướp. Đối với loài muỗi, loài kiến, kiếp trước của chúng cũng vậy, không trì giới trộm cướp. Tuy nhiên loài ong còn nặng hơn cho nên chúng rất giỏi nghề ăn trộm mật. Mật của người ta, nếu không trông coi, không có ong thợ hay ong mật ở đây canh gác, thì hết đàn ong mật nọ đến đàn ong mật kia kéo đến hút cho kỳ hết mật. Ong thích các đồ ngọt, cho nên ong lấy mật về, làm tổ, tích trữ mật tại ngân hàng của chúng. Tổ ong chính là ngân hàng của loài ong đó.

Bởi vì ong chỉ biết rằng loài ong sinh sống bằng mật, đường, cho nên chúng phải xây tổ để trữ mật, tựa như người ta phải để dành tiền vậy. Tuy nhiên, chúng cứ việc tích trữ mật, tích trữ cho nó nhiều, rồi cuối cùng mật bị người ta lấy mất. Vì lý do gì? Bởi chúng phạm giới cấm về tội đạo tặc, của lấy về bất thiện thì của đi ra cũng vậy, cái gì mà lúc lấy về không được quang minh chánh đại, thì rốt cuộc cái đó sẽ mất tiêu.

Dem các thí dụ về ba loại động vật tí hon này để nghiên cứu, tức là các loài muỗi, ong và kiến, chúng ta mới thấy rõ là không nên phạm các giới cấm sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nói dối. Giới cấm uống rượu cũng vậy. Số là uống rượu vào thường hay tạo nên những hành động hồ đồ. Hồ đồ như thế nào? Nguyên có một vị đã thọ ngũ giới, và y giữ giới rất cẩn thận, nhưng có một hôm y nẩy ra ý muốn uống rượu. Y tự bảo mình rằng: "Trong năm giới thì sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nói dối đều là trọng yếu, còn như giới về rượu thì quá bình thường, giữ giới này mà làm gì? Giới này là thừa. Thôi! Từ nay không giữ giới về uống rượu nữa. Ta đi uống chút rượu chơi." Nói rồi, y đi mua một bình rượu về, rót ra uống một mình. Y cảm thấy uống như vậy mà không có đồ nhắm thì cũng vô vị, bèn đi ra kiếm một cái gì để làm mồi rượu. Đúng lúc đó y thấy một con gà của hàng xóm chạy qua, y có ý nghĩ như sau: "Đây có lẽ là Bò-tát giúp cho ta món đồ nhắm này!"

Quý vị thấy ! Ý nghĩ của y quả là xằng bậy, tà tri tà kiến! Y bắt lấy con gà đó, giết đi để ăn thịt, tức là y đã phạm giới sát sanh và đạo tặc. Sau đó người hàng xóm kiếm gà đi ngang qua thì y đã uống say, lại còn trả lời một cách lung tung: "Chẳng thấy gà nào hết!" Vậy là y đã phạm giới cấm về nói dối. Y thấy người phụ nữ này khá xinh đẹp, y phạm thêm tội cưỡng dâm.

Các vị hãy lưu ý! Nguyên do chỉ vì uống chút rượu mà đến nỗi phạm cả năm giới như vậy. Hãy xem mấy đứa nhỏ retarded (si ngốc), chúng đều từ các nẻo thú vừa đầu thai lên làm người, nên chúng không có trí huệ. Tuy từ linh tánh nhỏ biến ra linh tánh lớn, khôi phục lại kiếp người, nhưng vì ở trong cảnh giới thú vật quá lâu, nên trí huệ bị lu mờ, cho nên kiếp này không những không biết nói, cũng không biết nghe, thì nói gì tới vấn đề giữ quy tắc.

Bởi các lý do đó mọi người phải nhận cho rõ ngũ giới là điều thiết yếu. Mỗi một giới có năm vị thiện thần ủng hộ, nếu không giữ giới, các vị thần sẽ bỏ đi, nhường chỗ cho năm ác ma. Phạm giới thì ác ma tới, không phạm giới ác ma không tới. Tại sao ma không tới? Bởi vì đã có các thiện thần hộ trì, do đó chúng ta nên đặc biệt giữ giới cho cẩn thận. Chẳng giữ giới tức chẳng tu hành, biết giữ giới tức có thể y giáo phụng hành, tức khiến chúng ta có được trí huệ chân chánh, không bao giờ điên đảo, không bao giờ xảy ra chuyện ăn mặn và phá giới. Cho nên người tu đạo phải tự khắc phục được mình trong từng giờ từng khắc, khéo mà không chế bản thân, căn cứ trên sáu căn mà hạ công phu. Như khi mắt đối diện với sắc thì bị sắc trần chuyển - tức bị lung lạc, tai nghe âm thanh bị thanh trần chuyển, lưỡi nếm vị bị vị trần chuyển, mũi ngửi hương bị hương trần chuyển, thân thể bị xúc trần chuyển, ý thì bị pháp trần chuyển - có nghĩa là bị sáu tên giặc ở sáu cửa lôi đi, làm cho linh khí ở bên trong chúng ta bị cướp mất. Nếu quý vị không bị chuyển, linh tánh không bị mất, cái đó người ta nói là trí huệ.

Bài kệ nói rằng:

Nguyên tiêu tam chương trừ phiền não  
Nguyên đặc trí huệ chân minh liễu  
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ  
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

Tam chương tức là nghiệp chương, báo chương, phiền não chương. Nghiệp chương gồm những nghiệp thiện ác mà chúng ta đã tạo tác từ kiếp trước, nay hiện thành những chương ngại mà chúng ta gặp trong kiếp này; các sự việc không xứng ý đến với chúng ta đều phát sanh từ các loại nghiệp chương đó. Báo chương là các loại khổ báo gồm cảnh địa ngục, quỷ đói, súc sanh. Có câu: "Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp gây ra chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, lại lãnh đủ quả báo," bất cứ mình tạo nghiệp gì, thì sẽ lãnh quả báo về nghiệp ấy, không có cách gì thoát được nghiệp đó. Cho nên lại có câu: "Mọi thứ mang không được, duy nghiệp được tùy thân." Kiếp

trước ta làm sai nhân quả, kiếp này ta lãnh quả, như vậy gọi là báo chương. Phiền não chương gồm tham dục, sân khúe (tức giận) và ngu si. Mỗi cá nhân đều có phiền não riêng của từng người, người có ít, người có nhiều. Như không có phiền não, tức không có tham sân si, vậy đáng là bậc thánh nhân. Nếu như chưa dứt hết vô minh, gốc phiền não vẫn còn tồn tại, nó sẽ tùy lúc, tùy cảnh ngộ mà phát khởi, lúc đó cái gì cũng quên, khiến người ta có thể làm những chuyện thương luân bại lý trái lương tâm. Phiền não mà không trừ bỏ sẽ làm chương ngại căn Bồ-đề, do đó có câu: "Ngọn lửa lẩn tẩn, thiêu rụi rừng Bồ-đề," bất luận tu hành đến đâu mà phiền não không đoạn trừ, thì cái gì cũng là giả tạm. Bởi đó, tại ngay cửa sáu căn, ta đừng để cho ngoại cảnh chuyển đổi, mà chính ta phải chuyển đổi ngoại cảnh, phải biến phiền não thành Bồ-đề, biến sanh tử thành Niết-bàn. Ta phải ý thức rõ cái "túi da hôi thối" này, cái nhục thể kết hợp với thần thức mà ta coi cuộc hôn phối sẽ mãi mãi bền vững; nhưng, đến phút chót nó cũng sẽ bỏ ta, cùng ta ly khai luôn. Mình cũng không biết sẽ đi về đâu. Tu đạo là để làm gì? Chính là để chuẩn bị lúc nhục thể sắp sửa phân ly, chúng ta biết chúng ta sẽ đi đâu, mà không bị cái túi da hôi này khống chế, chúng ta đi về trong sự tự do. Vì cái đó mà ta tu đạo. Muốn cho thành tựu đạo nghiệp, chúng ta phải thâm nhiếp thân tâm một cách thường xuyên, từng bước y theo quy củ phép tắc, không để cho ngoại cảnh tại các cửa lục căn lôi kéo. Lúc đó, quý vị đã có định lực rồi. Có định tức có thể phát huy trí huệ. Tuy nhiên quý vị phải nhớ rằng định là do sức mạnh của giới mà sanh ra, mà giới lại là "chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành," hy sinh tiêu ngã và hoàn thành công đức tu tập tinh thần đại ngã, đó là Phật pháp chân chánh, là tông chỉ của tôi. Các vị hãy thử theo tôi học tập.

## Xin Bồ Tát Làm Tiêu Độc Cho Toàn Cầu

Hoà Th ượng Tuyên Hoá

**D**ùng cam lồ và nước pháp tẩy trừ độc khí trên thế giới. Độc tiêu một phần, thì thế giới bình an thêm một phần.

Tại sao ta đã Địa Tạng Thất ? Bởi vì hiện tại thế giới có quá nhiều tai nạn, nên chúng ta cần Ngài

Địa Tạng Bồ-tát dùng sức bốn nguyện làm tiêu mọi tai nạn.

Địa Tạng Bồ-tát rất tôn trọng đạo hiếu, bởi vì Ngài đời đời kiếp kiếp luôn là người con hiếu thảo với cha mẹ. Đây không phải là chuyện dễ dàng, bởi vì chính từ sự khôn khéo gian nan mà Ngài tu luyện thành đạo. Cha mẹ Ngài không tin Tam-bảo, nhưng Ngài phải thuận ý họ, dùng mọi thứ thiện xảo phương tiện để khuyến dụ các vị đó sinh lòng chính tín nơi Tam-bảo. Nơi nào Ngài tới, Ngài đều làm hạnh Bồ-tát, chẳng lộ hình tướng, không chấp trước. Không có hình tướng là bởi vì Ngài không kể công, không tự mình khen đức hạnh. Cũng giống như khi cứu độ chúng sinh, Ngài lại nói rằng là chúng sinh tự độ, không muốn chúng sinh cảm ơn Ngài, đành lễ Ngài.

Khi Ngài ở địa vị Bồ-tát, Ngài không nghĩ rằng mình cao minh hơn các vị Bồ-tát khác; hoặc là mình có thể nguyện vĩ đại, có lòng từ bi rộng lớn hay có thần thông quảng đại hơn hết. Ngài không có những tư tưởng đó. Mọi việc làm của Ngài, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh đều coi như vô sự. Việc mình đem hết sức hết lòng ra làm mà không thấy mình có làm, không sinh lòng kiêu hãnh, cũng không làm kẻ khác chú ý. Ngài chỉ nghĩ rằng đó là bốn phận của Ngài, Ngài không kể lễ công trạng, vì thế Ngài cảm động được tất cả chúng sinh, khiến họ tán thán xưng dương ca ngợi Ngài, thậm chí cả Phật cũng khen ngợi Ngài nữa. Phật không tùy tiện khen ngợi kẻ khác, chỉ khi nào có kẻ xứng đáng thì Phật mới khen mà thôi. Bởi vì Địa Tạng Bồ-tát không kể công, Ngài cũng không tuyên truyền công đức của mình nên cảm ứng đạo giao. Cảm ứng đạo giao đó không phải do dùng thủ đoạn, hay mẹo khéo mà được. Nó tới một cách tự nhiên. Người tu Đạo chúng ta phải học tinh thần thể nguyện vô biên của đức Địa Tạng:

*Địa ngục vị không, thế bất thành Phật.*

*Chúng sinh độ tận, phương chúng bò-đề.*

Nghĩa là:

*Địa ngục chưa trống, thế chưa thành Phật.*

*Chúng sinh độ hết, mới chúng bò-đề.*

Hàng năm chúng ta đã thất, bởi vì muốn thế giới tiêu trừ độc khí. Hiện tại không khí rất ô nhiễm, vũ trụ đầy các thứ khí độc, mà tất cả những phương pháp đều không thể trừ được nó, chỉ có cách là chúng ta phải chí tâm thành khẩn, cầu chư

Phật Bồ-tát phóng quang, tiêu trừ những thứ độc khí đó, làm khí độc vô hình vô ảnh đó tiêu tan đi. Nên ở Vạn Phật Thánh Thành, mọi việc làm, đều có quan hệ đến sự an nguy của toàn thế giới. Ở trong đạo tràng này, quý-vị còn không thành tâm, thì thế giới ắt tăng thêm nguy hiểm hơn!

Nhân loại tạo ra quá nhiều ác nghiệp và sức người khó tiêu trừ chúng được. Hôm nay nhân ngày vía Ngài Địa Tạng Bồ-tát, chúng ta đồng tâm, hết sức chí thành niệm "Địa Tạng Vương Bồ-tát"; kỳ vọng rằng có thể cảm động được lòng từ bi của Bồ-tát, khiến Ngài giúp thế giới được tới chỗ bình an vô sự. Có được cảm ứng này hay không, đều do sự thành tâm của quý-vị cả. Sức của một người thì không đủ, phải cần sức lực của đại chúng. Cho nên nói: Đại chúng chí thành, hợp tâm hợp lực, cùng nhau cầu đảo cho thế giới hòa bình.

Bây giờ trong tâm quý-vị đã hiểu rằng, thế giới đầy tai ách này chẳng có hòa bình. Bởi vậy hiện tại các đạo tràng trên thế giới đều cầu đảo sự hòa bình. Đầu tiên cả là do Phật-giáo Giảng Đường, Kim Sơn Thánh Tự đề xướng, sau đó những nơi khác ở Hương Cảng, Đài Loan đều làm theo; đó cũng chứng minh rằng thế giới đang lâm vào tình trạng rất khó khăn nguy hiểm. Tuy nhiên, chơn chính cầu đảo cho hòa bình thế giới thì có đạo tràng ở Vạn Phật Thánh Thành. Tại sao vậy? Bởi vì ở đây tổ chức pháp-hội gì, đều không hy vọng có đại thí chủ tới cúng dường tiền bạc, mỗi năm tổ chức một cách âm thầm; cứ tới ngày giờ là tổ chức. Chẳng cần biết là có trai chủ hay không; cứ theo thường lệ mà tiến hành, coi đó là bốn phận của mình, không tự hào, không mảy may tính toán chuyện lợi hại gì. Mình chỉ hy vọng rằng Phật sẽ phóng quang gia bị sớm tiêu trừ tất cả những độc khí trên thế giới. Quán Âm Bồ-tát dùng nước cam lồ, quán đảnh khiến chúng sinh tai tiêu bệnh trừ, tội diệt phước sinh. Địa Tạng Bồ-tát dùng nguyện lực quảng đại của Ngài làm chúng sinh ly khổ đặc lạc, tiêu tan hết tai nạn ách chướng. Niệm Quán Âm Bồ-tát, niệm Địa Tạng Bồ-tát tức là giúp cho thế giới được tiêu độc, nhưng không cần dùng thuốc sát trùng, chỉ cần dùng nước cam lồ pháp thủy để tiêu trừ độc khí trên thế giới. Tiêu đi một phần thì thế giới có thêm một phần bình an. Khi độc khí không còn nữa, lúc đó chúng sinh sẽ được hưởng phước, nhân loại sẽ được an lành!

# Kinh Nhân Quả Ba Đời

Việt dịch : H.T Thích Thiên Tâm

## Tiếp theo kỳ trước

15. Nuôi con không được do nhân gì ?  
Xưa sinh con gái dìm cho chết ?
16. Đời nay không con do nhân gì ?  
Kiếp trước bẻ gãy hại trăm hoa.
17. Đời nay sống lâu do nhân gì ?  
Kiếp trước mua vật phóng sinh nhiều.
18. Đời nay mạng yếu do nhân gì ?  
Kiếp trước xẻ thịt giết chúng sinh.
19. Đời nay không vợ do nhân gì ?  
Kiếp trước tham mưu gian vợ người.
20. Đời nay ở góa do nhân gì ?  
Kiếp trước buông lung khinh rẻ chồng.
21. Làm thân tôi đòi do nhân gì ?  
Kiếp trước quên ơn cùng phụ nghĩa.
22. Đời nay mắt sáng do nhân gì ?  
Kiếp trước cúng dầu đốt đèn Phật.
23. Đời nay đui mù do nhân gì ?  
Kiếp trước chỉ đường chẳng phân minh.
24. Môi miệng sứt thiếu do nhân gì ?  
Kiếp trước thổi tắt đèn cúng Phật.
25. Đời nay câm điếc do nhân gì ?  
Xưa từng ác khẩu mắng cha mẹ.
26. Đời nay lưng gù cho nhân gì ?  
Kiếp trước chê cười người lễ Phật.
27. Tay bị cong queo do nhân gì ?  
Đời trước đều là người tạo nghiệp.
28. Chân bị co rút do nhân gì ?  
Kiếp trước ngăn đường đánh cướp người.
29. Làm thân trâu ngựa do nhân gì ?  
Xưa thiếu nợ người không chịu trả.
30. Đọa làm heo chó do nhân gì ?  
Kiếp trước lừa gạt phỉnh hại người.
31. Đời nay nhiều bệnh do nhân gì ?  
Xưa đem rượu thịt bày cúng Phật.

32. Đời nay không bệnh do nhân gì ?  
Xưa thí thuốc men cứu bệnh nhân.
33. Hằng bị lao tù do nhân gì ?  
Kiếp trước làm ác chẳng nhượng người.
34. Đời nay chết đói do nhân gì ?  
Kiếp trước thường lấp hang rắn chuột
35. Bị thuốc độc chết do nhân gì ?  
Kiếp trước dâng lưới giết hại cá.
36. Nổi trôi cơ khổ do nhân gì ?  
Ác tâm lấn hiếp mưu hại người.
37. Đời nay lùn bé do nhân gì ?  
Kiếp trước xem Kinh để dưới đất.
38. Nay thường thổ huyết do nhân gì ?  
Xưa ăn thịt rồi đi tụng Kinh.
39. Đời nay ngu điếc do nhân gì ?  
Kiếp trước tụng Kinh chẳng lắng nghe.
40. Ghê lác phong điên do nhân gì ?  
Xông hơi thịt cá trước bàn Phật.
41. Thân có mùi hôi do nhân gì ?  
Xưa bán hương thơm trộn dối gian.
42. Đời nay chết treo do nhân gì ?  
Kiếp trước đem dây săn bẫy thú.
43. Quan, quả, cô độc do nhân gì ?  
Xưa thường ganh ghét hiềm mắng người.
44. Sét đánh lửa thiêu do nhân gì ?  
Cân non, già, thiếu lòng gian xảo.
45. Rắn cắn cộp ăn do nhân gì ?  
Kiếp trước gây oan tạo đối đầu.  
Muôn việc mình làm lại mình chịu  
Thọ khổ địa ngục oán trách ai ?  
Đừng nói nhân quả người không thấy.  
Xa trả con cháu, gần trả mình.
46. Chỉ nhìn trước mắt người hưởng phước.  
Sẽ tin bỏ thí với trì trai.  
Kiếp trước tu nhân nay hưởng quả.  
Đời này tu tích để về sau.  
Nếu ai hủy báng Kinh Nhân Quả  
Kiếp sau đọa lạc mất thân người.  
Kẻ nào thọ trì Kinh Nhân Quả.  
Chư Phật, Bồ Tát đều chứng minh.  
Kẻ nào biên chép Kinh Nhân Quả,  
Truyền đời tu học đạo nhà hưng.  
Ai mà mang đội Kinh Nhân Quả,  
Tai hung hoành họa chẳng vào thân.

Nếu người giản nói Kinh Nhân Quả  
 Đời đời kiếp kiếp được thông minh.  
 Kẻ nào đề xướng Kinh Nhân Quả  
 Đời sau người thầy sinh cung kính.  
 Người nào ấn tống Kinh Nhân Quả.  
 Kiếp sau sẽ được thân Đế Vương.  
 Theo Kinh Nhân Quả hỏi đời trước.  
 Chính sự thọ hưởng của đời nay.  
 Theo Kinh Nhân Quả hỏi đời sau.  
 Chính sự gây nhân của kiếp này,  
 Nếu như nhân quả không cảm ứng,  
 Do đâu Mục Liên cứu được mẹ ?  
 Người nào tin sâu Kinh Nhân Quả.  
 Đồng sinh Tây phương cõi Cực Lạc.  
 Nhân quả ba đời nói không hết.  
 Thiên long chẳng bỏ ý người lành.  
 Nên ngôi Tam Bảo ruộng phước lớn,  
 Nhân tu tuy một, hưởng muôn ngàn.  
 Gởi kho bèn chắc không hư mất,  
 Nhiều đời thọ dụng phước vô cùng.  
 Muốn biết nhân đời trước,  
 Xem sự hưởng đời nay,  
 Muốn biết quả đời sau,  
 Xem việc làm kiếp này. (Hết)

## CÓ LÀM CÓ CHỊU

Việt dịch : Diệu Hạnh

**L**úc đức Thích Ca Mâu Ni trụ tại thành Vương Xá, một hôm có một người lái buôn tên gọi là Phát Ca Sa muốn đi mua hàng hóa, nên sáng sớm đi đến thành La Việt, nhưng vừa tới cổng thành thì đã bị một con trâu húc chết.

Chủ con trâu thấy thế, sợ nếu giữ con trâu hung ác này lại thì về sau thế nào cũng sẽ xảy ra chuyện không lành, nên bèn đem con trâu đi bán với một giá rẻ mạt.

Người chủ mới mua trâu xong bèn dắt trâu về nhà. Đi được nửa đường gặp một con sông, ông muốn cho trâu uống nước. Không ngờ không những trâu không uống nước, mà bản tính hung bạo dữ dằn của nó thỉnh linh nổi dậy, nó dùng sừng húc người này chết tươi.

Người nhà của nạn nhân thấy thế mới nổi giận đem con trâu ra giết, rồi đem thịt ra chợ bán. Có một người nông phu tham giá rẻ, mua đầu trâu về, lấy dây cột sừng trâu lại rồi xách về nhà.

Ấn Độ là một nước nhiệt đới, vô cùng nóng bức. Người nông phu đi được một đoạn đường thì vừa nóng vừa khát, bèn treo đầu con trâu lên một cành cây rồi ngồi dưới gốc cây này nghỉ ngơi.

Quái lạ thay, sợi dây cột đầu con trâu mắc lên cành cây bỗng dưng vô cớ đứt đoạn, khiến đầu con trâu rơi xuống, trúng ngay đầu người nông phu khiến ông này bị trọng thương mà chết ngay tại chỗ.

Chỉ trong vòng một ngày mà con trâu này đã giết chết hết ba người.

Vua Tần Bà Sa La nghe tin này rất lấy làm lạ, biết rằng bên trong phải có nguyên do gì đây. Ông bèn dẫn một số đại thần, đem hoa quả hương đèn tới núi Linh Thứu lễ Phật rồi thỉnh Ngài thuyết giải cho nghe.

Đức Phật kể cho vua Tần Bà Sa La nghe rằng :

Hồi xưa có ba người lái buôn đi qua nước láng giềng làm ăn mua bán. Họ muốn để dành tiền nên chiều hôm ấy, thay vì đi tìm khách sạn, thì lại ghé đến nhà một bà lão xin mượn một căn phòng. Hai bên thỏa thuận giá cả xong, họ ở lại nhà bà lão ngủ qua đêm ấy. Sáng hôm sau, bà lão có việc phải đi ra ngoài, ba người thừa cơ hội bà vắng mặt lên trốn đi mất.

Về tới nhà thấy thế, bà lão tức giận vô cùng, đuổi theo họ đòi tiền. Ba người phải gánh vác hành lý nặng nề nên đi chưa được xa đã bị bà lão bắt kịp. Họ thấy bà lão già cả, dễ ức hiếp, nên nặng lời nhục mạ chưởi mắng bà. Bà lão không làm gì được họ, phần ứt mà nói :

Mấy người chỉ là một phường vô lại, thấy tôi già cả nên mới ức hiếp nhục mạ tôi. Nhưng hành động này của mấy người thế nào cũng có ngày trả báo. Kiếp này tôi không làm gì mấy người được, nhưng kiếp sau, dầu tôi có sinh ra làm người hay dầu có mất thân người đi nữa, tôi cũng quyết sẽ báo thù. Tôi sẽ giết hết cả ba người, có thể mới hả được niềm căm hận này.

Đức Phật thuyết câu chuyện nhân duyên ấy quả báo xong, Ngài nói tiếp:

Con trâu hung ác chỉ nội trong một ngày mà giết hại hết ba mạng người chính là bà lão tái sinh. Ba người lái buôn đã khinh miệt bà lão trong kiếp xưa, kiếp này đã lần lượt bị trâu húc chết trong vòng một ngày.



Tội phúc như chiếc bóng đi theo mỗi người, nếu mình khinh miệt người khác mà làm việc trái với lương tâm, thì cũng chỉ có mình tự chịu lấy quả báo đau khổ về sau mà thôi !

## Hãy Học Cho Giỏi Mới Trọn Vẹn Đạo Hiếu

Hoà thượng Tuyên Hoá

Quán Âm Thất kỳ này có nhiều học sinh tới tham gia. Các em phải hiểu rõ đạo lý hiếu thảo với cha mẹ. Lúc còn ở nhà thì mình nghe lời, giúp đỡ cha mẹ dọn dẹp phòng ốc nhà cửa, quét tước sạch sẽ, giúp cha mình cắt cỏ, làm những việc cần làm, lúc đi học ở trường thì phải nghe lời thầy giáo, chuyên tâm nghe giảng bài, dụng công học tập, không nên để thời gian trôi qua lãng phí. Một ngày mình phải biết được một chữ, một ngày mình phải học một câu hay, đó là biểu hiện hiếu thảo với cha mẹ rồi đây.

Các em nhớ lấy, ở trong trường mình phải làm người học sinh giỏi, về tới nhà, mình phải làm người con tốt. Không những mình phải nghe lời cha mẹ dạy dỗ, mà mình phải nghe lời những người lớn tuổi hơn chỉ bảo. Cần hiếu thảo với cha mẹ, cần cung kính với người lớn tuổi, bởi vì họ là người có kinh nghiệm nhiều hơn mình, họ có học vấn phong phú dồi dào hơn mình. Do đó các em cần phải học tập nơi họ, coi họ là tấm gương, mới có tiền đồ quang minh xán lạn, nếu không thì con đường trước mặt của mình sẽ mờ tối, tương lai đời em sẽ chẳng còn hy vọng nữa.

Là học sinh, các em cần có mục tiêu rõ ràng, định chí nguyện kiên cố, phải có lòng kiên nhẫn, chẳng hề bị lay chuyển, dù gặp trăm ngàn khó khăn cũng không thối lui, có tinh thần như vậy, thì sau này mới làm nên việc vĩ đại, thành bậc anh hùng hào kiệt. Lúc các em học hành thì phải dụng công đọc sách, không thể chơi đùa phá phách mất thì giờ, phải nhận chân học hành tất cả mọi thứ cần thiết. Như vậy, thì mới không phụ lòng cha mẹ, không phụ lòng thầy cô, không phụ lòng nhà trường.

Các em nên biết, đây là trường học của Phật giáo, chuyên môn giáo dục, dạy dỗ bậc hiền tài, để tương lai các em ra trường sẽ trở thành người hữu

dụng cho thế giới. Hy vọng các em vì thế giới nhân loại mà mưu đồ hạnh phúc, không nên để cho thế giới trở nên suy đồi. Đó là hy vọng của trường mình. Các em ở đây học hành mọi thứ cần phải học tập một cách chân thật, nghĩa là dù một phút thời gian cũng không nên lãng phí, rằng "Thư sơn hữu lộ cần vi kinh, học hải vô nhai khổ tác châu," núi sách vở có đường, con đường ấy là siêng năng; biển học vắn thì vô bờ bến, nhưng phải lấy sự gian khổ làm thuyền, thì có thể vượt qua được.

Các em phải có tinh thần nhẫn khổ nại lao, không nề hà gian nan, chẳng nên làm biếng mà phải tập tành cần kiệm, đối với một trang giấy hay một cây viết cũng phải quý trọng nó, đừng nên tùy tiện vứt bỏ đi, trong sinh hoạt cần có qui luật, tối ngủ sớm, sáng dậy sớm, bớt coi tivi, đọc nhiều sách có trí huệ, trong trường học có bài vở nào, về nhà phải làm cho hết, lúc nào cũng ôn tập nó, bởi vì "ôn cố nhi tri tân," do ôn tập sách xưa mới học được trí thức mới. Sách coi qua một lần cũng có cái tốt của nó, các em chớ coi những sách hoạt họa vô ích.

Ở Trung Quốc, vào thời Đông Hán có một em nhỏ tên là Khổng Dung, thông minh vô cùng, lại biết hiếu thảo. Một ngày nọ, bạn bè tặng gia đình em một rổ trái lê, người anh lớn của Khổng Dung chọn một trái lê lớn nhất, lúc ấy Khổng Dung chỉ mới bốn tuổi mà đã biết lễ nghĩa đạo lý, cho nên em chỉ chọn trái lê nhỏ nhất, cha em mới hỏi rằng:

"Vì sao con không lấy trái lê lớn nhất?"

Khổng Dung trả lời: "Bởi vì con tuổi nhỏ, con chỉ ăn trái nhỏ mà thôi, những trái lớn xin nhường lại cho cha mẹ và anh con."

Các em nghĩ xem, Khổng Dung mới có bốn tuổi, mà nó đã biết được phong cách khiêm nhường, thương yêu anh em, hiếu thảo với cha mẹ. Đức hạnh như vậy không phải là trẻ em nào cũng có, tiếng thơm của em ấy, lưu truyền thiên cổ, người nào cũng biết, bởi vậy mới có câu rằng: "Dung tứ tuế, năng nhường lê," nghĩa rằng Khổng Dung mới bốn tuổi đã biết nhường trái lê.

Cũng tại thời Đông Hán có một em bé tên là Hoàng Hương, lúc em mới chín tuổi thì mẹ em chết, em đối với cha vô cùng hiếu thảo. Lúc trời mùa đông thì em dùng thân mình để sưởi ấm giường chiếu của cha mình, em sợ rằng cha mình bị lạnh. Đến lúc mùa hè, em dùng quạt để quạt

giường cha mình, vì sợ cha nóng bức, đó cũng là tâm hiếu thảo mà nhân gian mãi mãi lưu truyền, rằng: "Hương cứu tuế, năng ôn tịch," nghĩa rằng Hoàng Hương mới chín tuổi mà đã biết quạt giường cho cha mình.

Hai em bé đó hành động như vậy của chúng là do tâm chơn thành bộc lộ ra, không phải là chỉ bề ngoài giả tạo để lừa bịp người khác, hành vi như vậy đáng để mình bắt chước. Các em đều là những trẻ thơ, cần học tập gương của hai em bé này, hiếu thảo với cha mẹ như thế nào, hãy lấy đó mà làm gương.

Các em rất may mắn, được sanh trong nước giàu có, sinh hoạt an định, vật chất phong phú. Ở trong hoàn cảnh ưu việt tốt như vậy, các em không học cho giỏi là cô phụ niềm hy vọng của cha mẹ và thầy cô của các em.

Trên đất nước vô cùng sung sướng này, chúng ta luôn cần những người lương thiện, cần những người hiểu rõ đạo lý, hiểu thế nào là thương yêu đất nước, thế nào làm kẻ công dân ưu tú. Các em ở trong trường học Phật giáo mà học thì tương lai phải là mô phạm, là cái gương cho xã hội, lãnh đạo người đời hướng vào con đường thiện. Các em phải lấy sáu tông chỉ của Vạn Phật Thánh Thành làm tiêu chuẩn: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không dối trá. Nếu các em thật sự làm được sáu điều này thì tương lai các em sẽ trở thành người ưu tú nhất trong thế giới. Tôi hy vọng các em sẽ trở thành người thập phần toàn vẹn, thành kẻ có thể ảnh hưởng người đời cải ác hướng thiện, làm người có tâm đại từ bi, ban sự khoái lạc cho chúng sanh, diệt trừ những nỗi thống khổ của họ. Được như vậy thì thế giới này sẽ trở thành chốn đại đồng.

# Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

**P**ar exemple, parmi ceux qui étaient présents dans l'assemblée de ce Sutra, certains ont été grippés et ils toussaient. Je leur ai proposé de se reposer, mais ils serrèrent toujours les dents et insistaient toujours à assister à toutes les conférences sur ce Sutra. C'était une preuve de l'authenticité de leur foi. La croyance en Bouddha et en Dharma doit être ainsi sincère. Quand j'étais jeune, il m'arrivait aussi d'être malade lors des conférences sur le Sutra mais pour rien au monde, je manquais une réunion de Dharma. Je me suis décidé qu'aussi longtemps que je vivrais, je me consacrerai entièrement à l'étude du Dharma. Je ne m'accorderai aucun répit à moins d'être totalement cloué au lit ou frappé par la paralysie. Je n'aurais jamais pensé rencontrer aujourd'hui autant de gens qui ont la même volonté que moi, qui veulent absolument écouter le Dharma tout en étant malades. Cependant, on ne doit pas forcer les choses. Si vous êtes trop mal à l'aise, il vaut mieux vous reposer.

4. Ils comprennent le grand principe, quel est ce grand principe ?

Précédemment, il a été dit qu'on doit avoir la grande foi. On ne pourra comprendre ce grand principe qu'au moyen de la foi. Dans le Sutra d'Avatamsaka, on parle des quatre circuits Celui de la foi, de la compréhension, de la pratique et de la certification. Avant tout vous devez croire, ensuite vous devez comprendre. Après avoir compris, vous devez mettre votre compréhension en pratique. Par la pratique réelle, vous pouvez gagner la certification.

Quel est le grand principe ? Je vous affirme ceci: vous devez comprendre que tous les êtres vivants sont fondamentalement des Bouddhas. Cela est le grand principe

Ceci se rapporte au premier des six niveaux de l'identité du Bouddha, chacun d'entre nous est un Bouddha en puissance. Cependant, pour réaliser la Bouddhité vous devez cultiver. Si vous négligez de cultiver et vous vous répétez, je suis le Bouddha,

Bouddha... 'C'est inutile. C'est comme si vous octroyez le titre de l'empereur en disant: "Je suis l'empereur, je suis l'empereur" vos sujets et vos

ministres vous resteront-ils fidèles ? Les gens vous soutiendront-ils ? Non.

A quoi bon se proclamer Empereur ? Si vous dites que vous êtes le Bouddha, en principe vous avez raison. Mais vous devez surtout cultiver, autrement vous serez incapable de retrouver vos racines, retourner à la source et reconnaître votre face originelle.

Pourquoi doit-on comprendre que tous les êtres vivants sont des Bouddhas en puissance ? La quatrième qualité consiste à comprendre ce grand principe.

5. Cultivez la grande conduite. Quelles branches du Dharma doit-on cultiver ? On doit cultiver avec assiduité les six actions Paramitas et les dix mille conduites.

Quels sont les six actions Paramitas ?

I. La donation :

Avant tout, on doit donner, la donation veut dire donner avec un esprit désintéressé, certaines personnes parlent beaucoup de donation, incitant les autres à donner, mais elles-mêmes ne donnent jamais rien à ce qui que ce soit.

Elles ne sont pas aussi bons que les Arhats. La donation a été discutée plusieurs fois. Il y a trois sortes de dons :

1. Le don des biens matériels.
2. Le don du Dharma.
3. Le don du courage. (sans-crainte)

Les biens matériels groupent à la fois la richesse interne et la richesse externe. La richesse externe d'une personne inclut son royaume et ses trésors, son épouse, et ses enfants.

Ceux qui pratiquent la voie du bodhisattva ne font pas de distinction entre le soi et les autres. Leur réflexion fonctionne ainsi :

"Ce qui est le mien est le vôtre, et ce qui est le vôtre, je ne le désire pas ils ne distinguent pas eux-mêmes et les autres c'est ce qu'on appelle : absence de distinction entre : le moi et les autres.

Alors ils sont capables de donner leurs royaumes, leurs maisons et même leurs épouses et leurs enfants

Le Bouddha Sakyamuni, par exemple, devait montrer sur le trône mais il a préféré se convertir. Laissant ses trois merveilleuses épouses, il leur a rendu leur liberté et les a laissé suivre leur chemin, Renonçant à la gloire de la royauté, il se retirait

dans l'Himalaya cultiver la voie du Bouddhisme

La Richesse interne se réfère à l'esprit vous devez offrir votre tête sans aucune arrière-pensée, ainsi que vos yeux, votre cerveau, votre moelle épinière sans la moindre restriction. Autrement dit la peau, le sang, la chair, le nerf et les os, tous peuvent faire l'objet d'un don.

Que voulait-il dire par le don du dharma ? Cela consiste à enseigner et expliquer à tous les êtres vivants le Dharma, la doctrine du Bouddha afin qu'ils puissent en profiter et améliorer leur conduite. De toutes les offrandes,

L'offrande du Dharma est la plus précieuse.

L'offrande du Dharma consiste à propager la doctrine du Bouddha dans l'intérêt de tous les êtres. Ainsi les disciples du Bouddha doivent apprendre à donner des conférences sur les Sutras.

Ne gardez pas égoïstement vos richesses mais donnez-en au grand public affamé. Ceux qui comprennent le Bouddhadharma doivent l'apprendre aux autres. Ils doivent penser ainsi : "Si j'en comprends un pour cent, j'en expliquerai un pour cent aux autres. Si j'en connais 100 pour 100, j'en expliquerai cent pour cent. "C'est du Dharma".

La troisième donation est la donation du courage (sans crainte). Devant une catastrophe, la victime est complètement bouleversée, offrez-lui du réconfort, dites-lui " n'ayez aucune crainte, cela ne peut être pas si grave. Votre cœur est généreux. Vous trouverez certainement une solution à votre problème, tout se passera bien". Ayant chassé la peur de son cœur, vous lui avez donné le don du courage.

Ainsi la donation Paramita groupe ces trois sortes de don.

2. La deuxième perfection est celle de la moralité.

On distingue différentes séries de règles morales : celle des cinq préceptes, des huit préceptes, les dix préceptes et celle groupant dix principaux et quarante huit préceptes secondaires du Bodhisattva. Il y a celle des deux cent cinquante préceptes, les deux cent cinquante préceptes pour les Bhiksus, et 348 pour les Bhiksunis. Nous devons maintenir les préceptes.

3. La Patience, la patience est en effet une bonne qualité. Si vous êtes capable d'être patient, vous

possédez un trésor. N'ai-je pas déjà dit cela précédemment.

La Patience est un trésor sans prix que peu de gens savent comment extraire.

La patience est un bijou sans valeur mais personne ne sait comment l'utiliser. Les gens peuvent être patients une fois, mais à la deuxième fois ils s'explotent : « Qu'est ce qui vous prend à me marcher sur les pieds ainsi ? J'en ai assez supporté, ça suffit maintenant, vous avez dépassé les bornes ? »

Et là, la guerre se déclare, c'est ainsi que les choses se passent quand on perd la patience.

Il était une fois un vieux pratiquant qui s'entraînait à être patient. Il écrivait une phrase sur un morceau de papier et collait sur la porte. La phrase disait : « ma nature est pareille aux cendres. » C'est à dire, sa nature ressemble à des cendres éteintes, où n'existe même plus une étincelle. Il ne se fâchait jamais, il s'exerçait durement jusqu'à qu'il faut fût devenu aussi souple et fluide que l'eau courant. Arriva ensuite un Bodhisattva pour le tester. Il contempla le message et demanda « que signifie cette phrase ? »

Le pratiquant répondit : « ma nature est pareille aux cendres ». Un moment plus tard : « que veut dire ce signe ? » Je ne me rappelle pas très bien ; « Ma nature est pareille aux cendres » vint la réponse.

Il pose cette question plusieurs milliers de fois et finalement le vieux pratiquant s'enflammait, il répondit en articulant : « Ma nature est pareille aux cendres ». **MA NATURE EST COMME LES CENDRES !** Qu'est ce que vous essayez d'insinuer j'exerce la voie, et vous qui êtes vous et pourquoi venez vous fomenter la discorde !

Oh, vint la réponse. « Il semblerait que les cendres gardent encore quelques étincelles », en disant cela, il retourna dans le néant.

Qui était-il ? Il était le Bodhisattva Kuan Shih Yin et était venu tester le pratiquant. Après avoir pratiqué pendant des dizaines d'années pour maîtriser sa nature et la rendre pareille aux cendres, ce dernier a échoué.

« Je reviendrai vous voir dans vingt ans. » Ajouta le Bodhisattva avant de disparaître.

« Vous voyez, c'est loin d'être facile, être patient veut dire dépourvu de mauvaise humeur ». Quand j'étais disciple, je n'osais jamais me mettre en colère que ce soit en présence de mon maître ou non. Pourquoi ?

Car Mon maître n'était pas méchant. Il était très

compatissant. Mais s'il m'arrivait de me mettre en colère, il refusait de manger.

Il disait : « j'ai mal éduqué mon disciple, aussi, je me priverai de mangerai ».

C'est pourquoi, je n'osais jamais me mettre en colère.

Ai-je du sang froid ? Mon sang froid était grand, plus grand que celui de n'importe qui, mais quand j'ai quitté mon foyer pour suivre la voie, j'ai dû apprendre au contrôle.

A présent aux États-Unis, j'ai accepté trois disciples américains. Avant de quitter leur maison pour se faire moines, ils n'avaient pas franchement de mauvais caractères, mais maintenant ils en ont, ils n'ont rien appris, à part se mettre en colère. Ils ont appris l'art de sortir de leurs gonds.

Un jour deux des trois étaient venus se plaindre. L'un accusait l'autre de s'être emporté tandis que l'autre dit que le premier s'était mise en colère. Finalement quelle importance de savoir qui a raison, j'ai décidé d'annoncer une règle je la répète encore : « peu importe qui a raison ou qui a tort, toute personne qui se met en colère doit s'agenouiller devant les Bouddhas pendant vingt quatre heures. Durant tout ce temps il leur est interdit de manger, de boire, de dormir, même d'aller faire les besoins. Telle est ma règle et si vous ne vous agenouillez devant les Bouddhas, je le ferai pour vous.

Non seulement celui qui s'est mis en colère doit s'agenouiller mais tous les disciples, c'est à dire les trois américains, doivent aussi s'agenouiller. Ce qui veut dire que même ceux qui ne sont pas fautifs doivent aussi subir la pénitence.

« Mais c'est injuste ! » Dites-vous. « Un seul est fautif et les autres doivent payer pour lui ? »

Si vous parlez de justice, sachez qu'il n'y a simplement pas de justice en ce monde. Si vous avez peur, alors ne vous mettez pas en colère. Ne pensez pas vous y échapper même si je ne me trouve pas dans l'entourage. Vous recevrez tout de même le châtement. Vous pensez peut être que je ne suis pas au courant, mais comment le saurai-je si je n'ai pas un service d'information secrète qui me rapporte tous vos disputes.

Est-ce que clair ?

Patience ! Pourquoi devriez vous vous agenouiller sans manger, sans boire ou sans dormir ? Afin de cultiver votre patience. Si vous vous mettez en colère, cela vous rappelle que

vous devez renforcer votre patience et apprendre à endurer la douleur dans vos genoux lorsque vous vous agenouillez.

Avez vous bien entendu ? Si Oui, la loi entre en application immédiatement

Ceci fait soudainement peur à certaines personnes qui ont pensé à quitter leur foyer « Le Maître est

trop sévère, je n'oserais jamais me faire moine auprès de lui.

Si vous avez peur, alors ne vous mettez pas en colère tout simplement, et tout ira bien. Je n'ai pas inventé cette loi, c'est une ancienne discipline. (à suivre)

# LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

**E**n pratiquant la concentration, vous pouvez développer votre sagesse si vous n'avez pas le pouvoir de la concentration, alors vous n'avez pas de pouvoir de la sagesse. Sans la force de la sagesse, comment pouvez-vous étudier et pratiquer l'enseignement du Bouddha ?

« D'où viennent le pouvoir de la concentration et le pouvoir de la sagesse ? » Vous vous demandez.

Ils viennent des préceptes. Vous devez protéger tous les jours les préceptes, observer les préceptes jusqu'à ce qu'il arrive à y avoir un accord mutuel entre le Dharma et votre pratique. Quand vous êtes en accord mutuel avec le Dharma, vous pouvez obtenir la nourriture de l'eau du Dharma.

Un Shramanera pratique assidûment l'éthique, le Samadhi et la sagesse et il met fin à la convoitise, à la méchanceté et aux vues fausses. Ces trois poisons : la convoitise, la méchanceté et les vues fausses sont précisément la raison pour laquelle vous n'avez pas atteint l'état de Bouddha. Si vous pouvez mettre un terme à ces trois poisons, vous deviendrez rapidement des Bouddhas.

Quoiqu'en soit, si vous avez tant, vous voulez plus. C'est la convoitise. Vous rencontrez une situation et vous vous mettez en colère. Votre stupidité est les fausses vues de l'esprit et vous courez après les choses sur un mode confus. Si vous pouvez simplement mettre fin à ces trois poisons, vous pouvez être dans tout près de la bonne voie. Alors, il est très facile d'accomplir votre karma de la voie.

Il y a quatre sortes de Shramanera :

1. Un Shramanera victorieux dans la voie. Il a pratiqué et accompli à la fois la voie de l'Arhat et la voie du Bodhisattva.

2. Un Shramanera qui enseigne la voie. Il propage le Dharma pour l'intérêt des être vivants.

3. Un Shramanera qui vit la voie. Il observe les préceptes purement et vigoureusement et est très

prudent de ne jamais les briser.

4. Un Shramanera qui souille la voie. Il ne mange

pas la nourriture pure et il brise les préceptes ; il tourne le dos d'eux. Il n'est pas non seulement souillé, mais il fait une mauvaise impression sur les autres qui voyant que celui qui a quitté la vie de famille n'observe pas les préceptes, perdent foi en l'enseignement du Bouddha. Puisqu'il fait perdre aux autres la foi, on dit qu'il souille l'enseignement du Bouddha.

Paramiti, le Shramanera qui traduisait *le Sutra Shurangama*, est reconnu pour être chacun des trois premières sortes de Shramanera. Il est victorieux dans la voie il enseigne la voie et vit la voie.

Paramiti est du sanscrit ; il veut dire « une totalité extrême », qui indique que son talent et sa sagesse furent tous deux extrêmement amples et pleins. Le maître du Dharma Paramiti traduisait le Sutra Shurangama et comme Directeur de la Traduction, il se tenait au sommet de plus de deux cents Maîtres du Dharma qui étaient réunis pour travailler à la traduction. L'œuvre fut faite au monastère Chih Chih, un grand monastère dans la ville de Canton. C'est à cause du grand mérite et de la sagesse impliqués dans la direction de la traduction du Sutra, que le traducteur et l'histoire de la transmission et de la traduction sont discutés comme la neuvième porte, avant que le texte lui-même soit expliqué.

Le responsable de la révision.

Sutra : Révisé par le Shramanera Meghasikara de l'Uddiyana.

Commentaire : Le Maître du Dharma Paramiti était assisté par un Shramanera de l'Uddiyana, une ville en Inde. Avant de devenir un lieu d'habitation, Uddiyana avait été le jardin de fleurs impérial.

Ainsi, dans la transcription du mot, le chinois utilisait le caractère pour carambola, une sorte de fleur. Meghasikhara veut dire "capable de soumettre", ce qui montre qu'il pouvait soumettre les émotions perturbatrices, les obstacles, les démons ou quelque chose de ce genre. Ayant quitté Uddiyana pour la Chine, Meghasikhara révisait la traduction en faisant attention particulièrement à quelles expressions chinoises seraient utilisées. Il était un des plus grands Maîtres du Dharma à participer à l'œuvre.

## Le Certificateur.

Sutra : Certifié par le Shramanera Huai Ti du monastère Nan La sur la montagne Lo Fu.

Commentaire : Souvent, les exemplaires du texte du Sutra ne mentionnent pas le nom de ce Maître du Dharma, mais son nom est mentionné dans les éditions anciennes et devrait être ajouté aux éditions plus tardives, s'il a été omis. La montagne Lo Fu est une montagne célèbre dans la province de Canton. Le monastère Nan Lo est l'endroit où demeurait le Shramanera Huai Ti. Probablement quand le Maître de Huai Ti lui donnait ce nom, c'était dans l'espoir qu'il travaillerait dur et vigoureusement. Le Ti de son nom veut dire avancer, la signification étant qu'il devrait être continuellement vigoureux dans sa pratique, qu'il ne devrait pas s'arrêter, qu'il ne devrait pas être paresseux. Ce Maître du Dharma était extrêmement bien élevé et versé dans l'étude des enseignements des Sutras. Ainsi, il avait une très claire compréhension des doctrines que les Sutras contenaient. Il comprenait aussi le sanscrit et ainsi il était le Maître du Dharma désigné pour certifier la traduction. Puisque le Maître du Dharma Paramiti et le Maître du Dharma Meghasikhara tous deux comprenaient parfaitement le chinois, pourquoi quelqu'un d'autre originaire de Chine certifiait-il la traduction ? Bien que ces deux Maîtres du Dharma aient maîtrisé à la fois le sanscrit et le chinois, ils venaient juste d'arriver en Chine et on craignait qu'ils ne comprennent pas parfaitement le chinois, alors quelqu'un originaire de Chine était désigné pour certifier la traduction. C'était le Maître du Dharma Huai Ti.

Je ne me suis pas informé pourquoi les éditions contemporaines du Sutra ne mentionnent pas le

Maître du Dharma Huai Ti, bien que les éditions antérieures le font tous. Mais je voulais le citer afin qu'il serait connu comme celui qui a révisé la traduction.

L'éditeur.

Sutra : Édité par le disciple ayant pris les vœux de bodhisattva Fang yung de ching he, ancien censeur d'état, et concurremment serviteur, ministre et régulateur de la cour.

Commentaire : Les vœux de Bodhisattva devraient être pris à la fois par les religieux et les laïcs. Le Sutra qui expose les vœux de Bodhisattva, le Sutra du Filet de Brahma, dit soit un roi d'un pays ou un grand officier, lorsqu'il se prépare à prendre fonction devrait prendre les vœux de Bodhisattva. Parce que Fang Yung a compris l'enseignement du Bouddha, il considérait le Bouddha comme son père et les Bodhisattva comme ses frères, il a pris les dix vœux principaux et les quarante-huit vœux secondaires de Bodhisattva. Plus tard il se référait comme un disciple.

Il prit les vœux de Bodhisattva et ensuite il devint le censeur d'Etat, ce qui signifie que chaque fois que le pays était en désordre, il faisait le rapport. Il critiquait. D'Etat montre sa position officielle dans le gouvernement. L'extrait du Sutra dit ancien, ce qui indique qu'à l'époque où il éditait la traduction du Sutra Shurangama il n'occupait plus cette position. Concurremment veut dire qu'il tenait deux positions : serviteur et ministre. En tant que serviteur, il surveillait les affaires de l'empereur et il accomplissait les ordres impériaux. En tant que ministre, il était impliqué dans le gouvernement du pays et dans cette position donnait ses propres ordres. Son devoir, en tant que régulateur de la Cour était de s'assurer que les affaires de la Cour soient en équilibre.

Son nom de famille était Fang, son prénom était Yung. Yung veut dire Parfaitement Fondu. Il était originaire de Ching He.

Édité par veut dire qu'il se servait de son pinceau pour écrire le Sutra. Il façonnait la langue, la rendant encore plus élégante afin que le style et la perfection technique de l'écriture soit d'une excellence inégalable. Pourquoi ? Parce que l'officier Fang Yung était un grand écrivain, un homme extrêmement bien éduqué. Que ce soit lui-même, avec son propre pinceau qui façonnait ce texte rend le texte du Sutra Shurangama particulièrement beau. Si vous voulez apprendre le

chinois, vous pouvez mémoriser le Sutra Shurangama. C'est un modèle de la composition chinoise. Même beaucoup de Chinois sont incapables de le lire et le comprendre. Maintenant que les neuf premières portes de l'explication sont complètes, l'explication spécifique de la signification du texte s'ensuit.

## L'explication spécifique de la signification du texte.

La préface.

Le témoignage de la foi.

Une explication des cinq premières réalisations.

Sutra : Ainsi j'ai entendu.

Commentaire : Ainsi exprime la foi. Ananda, le cousin du Bouddha et son disciple qui était le plus avancé en instruction compilait les Sutras. Au début de chaque Sutra, il dit : Ainsi j'ai entendu, indiquant que les paroles qui suivent sont les paroles du Bouddha. Ainsi veut dire le Dharma tel que ceci, les dix volumes du Sutra Shurangama, est ce que moi, Ananda, ai entendu. Je, Ananda, ai entendu moi-même le Bouddha parler ceci. C'est pourquoi, le Dharma, qui est "ainsi" peut être digne de foi. Le Dharma qui n'est pas "ainsi" ne peut pas être digne de foi. "Ainsi" se réfère alors au texte du Sutra.

"Ainsi" accomplit la réalisation de la foi. Tous les Sutras enseignés par le Bouddha débutent par les six réalisations : la réalisation de la foi, réalisation de l'audition, la réalisation du temps, la réalisation d'un hôte (celui qui enseigne le Dharma), la réalisation d'un lieu et la réalisation d'un auditoire.

1. La réalisation de la foi.

Pourquoi doit-on avoir la foi ? Quelqu'un peut se demander.

La foi est la source de la voie,

Et la mère du mérite et de la vertu

Parce qu'elle nourrit toutes les racines de vertu,

Telle est sa grande importance.

Il est dit :

L'enseignement du Bouddha est comme un grand océan ; c'est seulement à travers la foi que l'on peut y entrer.

Il n'y a aucun autre moyen pour entrer dans l'océan du Dharma, excepté la foi. C'est seulement au moyen de la foi que l'on peut pénétrer profondément l'entrepôt des Sutras et avoir la sagesse égale à l'océan.

Par exemple, j'explique en ce moment le Sutra et vous devriez croire ce que je dis. Ne faites pas naître des doutes. Une fois que vous deveniez soupçonneux, même si j'explique correctement, vous penserez que ce que je dis est faux. Pourquoi ? Parce que vous manquez de foi. Si, d'autre part vous avez la foi, alors même si je fais une erreur, vous serez d'accord avec moi. Comment pourriez-vous être convaincu que même quelque chose que j'avais enseigné inexactement avait des fondements ? Au moyen de la foi. Sans la foi, vous penserez que ce que je dis est faux quand c'est vrai. Avec la foi, vous accepterez comme vrai même si ce que j'explique est faux. En fait, est-ce que j'enseigne correctement ou non ? Soyez rassuré, n'ayez pas peur. J'enseignerai certainement correctement pour vous. Tout ce que je fais ici est illustrer le genre de foi que vous devriez avoir. Votre foi devrait être ferme. Ne croyez pas vous-même. Croyez-moi. Quand je vous dis que le Sutra Shurangama est extrêmement beau, vous devriez être d'accord. Cela s'appelle avoir la foi. Ceci est ce que veut dire la réalisation de la foi.

2. La réalisation de l'audition.

Ceux avec la réalisation de la foi doivent encore venir écouter ce que je dis. Si vous avez la réalisation de la foi, alors quand le temps de l'explication arrive, vous pouvez être dans le parc ou dans un café et vous manquez entièrement l'explication. Cela serait le cas où il n'y a pas la réalisation de l'audition. Mais à la place, vous ne sortez pas boire un café quand j'explique les Sutras, ce qui est mieux. Si vous ne pensez même pas à la nourriture bien que vous ayez sauté un dîner pour être certain de pouvoir écouter le Sutra, c'est la réalisation de l'audition. Alors, peu importe, puisque vous êtes tous venus pour écouter et avez amené la réalisation de la foi avec votre sincérité, je certifierai la réalisation de l'audition pour vous.

3. La réalisation du temps.

Si vous avez la foi et l'audition, mais n'avez pas le temps, alors il n'y a pas de moyen d'écouter le Sutra. Il doit y avoir un temps approprié. Ordinairement, vous allez soit à l'école, soit au travail et n'avez pas le temps de venir écouter les explications de Sutra. Mais maintenant, nous avons trouvé le temps pour se réunir et étudier le Sutra.

(à suivre)

# LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

**N**A MWO SA DAN TWO/ SU CHYE  
DWO YE/ E LA HE DI/ SAN MYAU  
SAN PU TWO SYE.

Commentaire :

La signification de ces quatre lignes est traduite comme suivantes: NA MWO veut dire : Je m'incline respectueusement. Je m'incline maintenant au SA DAN TWO. SA DAN TWO c'est prendre refuge auprès de tous ceux qui sont parvenus à la digne, propre et égale illumination. Autrement dit : c'est venir se réfugier respectueusement auprès des trois trésors éternels, inépuisables qui se répandent aux dix directions et épuisent l'espace vide et le monde du Dharma. Vous prenez refuge ainsi jusqu'à la fin de votre vie. Certification : dans la collection des mots véritables, avant de réciter ce Mantra, vous devriez dire ce poème de quatre lignes.

Nous baissons notre tête à la lumière du sommet du grand Bouddha, le sommet invisible du Bouddha émet de la lumière où apparaît une transformation du corps du Bouddha qui parle du Mantra spirituel.

Le Shurangama, le plus avancé des dix mille  
Pratiques, de celui qui vient ainsi  
Si on peut le maintenir et le réciter  
Avec un esprit sincère  
On obtiendra tout ce qu'on cherche.

Si vous pouvez maintenir et concentrer votre esprit sur le Mantra du Shurangama, vous pourrez obtenir tout ce que vous cherchez. Avant de réciter le Mantra, vous devriez réciter ce poème de quatre vers : NA MWO, transcrit aussi comme NWO MO et NAN MWO traduits comme « retourner sa vie » et comme « suivre fidèlement. » « Compter respectueusement », « retourner et s'incliner », et « sauvez-moi ». SA DAN TWO, transcrit aussi

comme SA LI WA (il y a une légère différence dans le son d'une transcription, mais ils désignent le même mot, qui se traduit comme « tout », c'est à dire répandant dans les mondes du Dharma universel et les mondes de l'espace vide (à travers le monde du Dharma). SU CHYE DWO YE était aussi

transcrit pendant la dynastie du Chan Comme E CHYE DWO

YE et traduit dans le Chômé comme « Celui qui vient ainsi ». Les autres transcriptions sont : YE DWO ; HSIU CHYE TWO, traduits dans le Chin comme « Celui qui est bien parti. » Transcrit en SU YEHE DWO et parmi les dix titres (d'un Bouddha), SU YEHE DWO. « E LA HE DI » traduits dans le Ch'in comme « digne d'offrandes ». Alors, quand nous récitons le Mantra, nous appelons les noms de « ceux qui viennent ainsi ».

SAN MYAU SAN PU TWO SYE étaient traduits sous la dynastie de Ch'in ?

Alors il y a le deuxième et le troisième titre (de Ceux qui viennent ainsi),

SYE traduit comme « intégralité ; qui veut dire réellement inépuisable et sans fin.

Il englobe l'intégralité des sens jusqu'à l'infini dans l'espace vide et le monde entier du Dharma.

Verticalement il englobe les trois mondes ; Horizontalement il se répand dans les dix directions.

Il n'y a rien qui n'y soit pas compris.

C'était le premier qui prenait refuge auprès du Bouddha du trésor.

Il dit, « prenez refuge auprès de tous les Bouddhas des dix directions à travers l'intégralité de l'espace vide. » Ainsi, les premières lignes du Mantra Shurangama signifient prendre refuge auprès du Bouddha du trésor inépuisable, sans fin et durable à travers les dix directions jusqu'à l'infini dans l'espace vide et le monde du dharma.

Mantra :

1. NA MWO SA DAN  
TWO.

Vers :

Retournons notre vie, nous inclinant en vénération, c'est le sens du NA MWO.



Tous les trois karmas se font purifier, c'est le sens de  
SA DAN TWO.

L'Affliction et le Bodhi viennent uniquement de  
l'esprit.

Confus, on est un propane ;  
Eveillé, on est un Bouddha.

Commentaire :

La première ligne du Mantra Shurangama NA MWO SA DAN TWO. NA MWO veut dire être plus respectueux, et plus croyant, sans le moindre doute. Cela signifie que nous retournons notre propre corps et esprit, notre nature et notre vie. Nous nous mettons en toute confiance sous la protection des Bouddhas et prenons refuge auprès d'eux en donnant notre chère vie. Sans aucune réserve, nous leur vouons une croyance totale en croyance qu'ils nous sauveront.

Retournons notre vie en vénérant : c'est la signification du NA MWO. NA MWO, veut dire retournant sa vie et s'offrant respectueusement soi-même. Cela veut dire aussi retournant l'esprit et se soumettant respectueusement. Cela veut dire aussi « avoir foi », « être respectueux et avoir confiance ». Cela signifie également « sauvez-moi ». On peut y trouver plusieurs significations différentes.

« SA DAN TWO » veut dire : Purifier les trois karmas. Le sens de SA TWO est « tous ». Ici « tous » se comprend par : karma du corps, de la bouche et de l'esprit. Cela veut dire aussi : la purification de ces trois karmas. En pêchant notre corps de violer, de tuer, de commettre d'adultère ; notre esprit, de ne transgresser dans la cupidité, la haine et la stupidité, notre bouche de mentir, de calomnier, de médire, d'insulter. Quand les trois Karmas du corps de la bouche et de l'esprit sont purifiés, on dit que « tout » est purifié.

L'affliction comme le Bodhi viennent de l'esprit, vous pouvez faire naître l'affliction ainsi que l'esprit du Bodhi. C'est juste comme le retournement de votre main : le dos de votre main est l'affliction ; la paume est le Bodhi. La retourner d'une manière c'est l'affliction, la retourner d'une autre c'est le Bodhi. Tout ce que vous devez faire c'est la retourner. Si vous prenez une route éclairée, c'est la route du Bodhi. Si vous marchez dans l'obscurité, c'est l'affliction. L'affliction et le Bodhi sont alors des états d'esprit. Tout ce qui arrive se passe dans une seule pensée de votre esprit et qui détermine son état.

L'affliction et le Bodhi sont aussi de même que la glace et l'eau. La glace est simplement l'eau ; l'eau est juste la glace. Mais, vous pouvez dire que l'eau n'est pas la glace et la glace n'est pas l'eau. Vous

pouvez aussi dire que la glace est juste l'eau glacée et inversement l'eau c'est la glace fondue, l'eau et la glace sont deux états d'une matière qui se transforme. Quand il fait froid, l'eau devient la glace ; quand il fait chaud, la glace se fond et devient l'eau. De même quand vous prenez une route éclairée, alors toutes les afflictions deviendront Bodhi. Si vous prenez une route obscure tout votre Bodhi deviendra affliction. Vous seuls puissiez décider de ce que vous voulez faire.

Confus, vous êtes un profane, illuminé, vous êtes un Bouddha, un Bouddha vient d'un être ordinaire illuminé. Les Bouddhas n'ont jamais été des Bouddhas. Mais la Bouddhité s'obtient à partir d'un être vivant ordinaire. Tous les êtres vivants ont une nature du Bouddha et tous peuvent devenir Bouddhas, mais parce qu'ils sont confus, ils restent toujours des gens ordinaires. Si vous pouvez devenir illuminé alors vous êtes un bouddha. on dit :

*Les murs célestes, et les mondes des enfers  
Sont juste une substance, une seule pensée.*

Si vous êtes illuminé, alors en une seule pensée, les enfers deviennent les murs célestes. Si vous êtes confus alors en une seule pensée, les murs du ciel deviennent les enfers. L'illumination se situe dans l'espace d'une seule pensée. De même la confusion se passe aussi dans l'espace d'une seule pensée. Dans une pensée illuminée, les êtres vivants sont des Bouddhas, avec une pensée confuse même avec votre potentiel d'être un Bouddha, vous restez toujours un être vivant ordinaire. Et qu'est ce l'illumination ? L'illumination c'est l'incarnation d'une grande sagesse. Un être illuminé désigne celui qui n'est pas confus. Et qu'est ce la confusion ? La confusion est un manque de sagesse. Un être confus désigne quelqu'un qui n'a pas de sagesse. C'est juste à ce point qu'on devrait faire particulièrement attention. (à suivre)

# LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

5. Il pratiquait la grande conduite.

En général, quand on obtient un petit succès, on se sent satisfait. Ainsi, on prend l'apparition de la citadelle pour la vérité fondamentale. Les gens des deux véhicules obtiennent un petit avantage et en sont contents. Leur satisfaction à la réalisation du premier (fruit), du second, du troisième ou du quatrième fruit d'Arhatship les empêche de tourner du petit vers le grand.

Certains sont à mi-chemin et pensent qu'ils ont atteint le but. C'est le cas du Bhiksu ignorant qui obtenait l'état du quatrième Dhyana et pensait qu'il avait atteint le quatrième fruit d'Arhatship, disait, "Je suis déjà arrivé à mon but." En réalisé, il était seulement à moitié chemin.

Les hommes ordinaires arrivent à mi-chemin et font demi-tour. Sans même atteindre les quatrième Dhyana, ils commencent à se retirer, « c'est trop loin, trop dur, pour des personnes comme nous », disent-ils.

Certains sont tombés dans un guet-apens, dans une ville comme celle décrite dans le Sutra du Merveilleux Lotus du Dharma.

Pourquoi une telle ville était-elle évoquée ? Les disciples des deux véhicules pratiquaient un jour cherchant la voie du Bodhisattva sans l'atteindre.

Après, ils pratiquaient un autre jour et ne devenaient toujours pas les Bodhisattvas. Le jour suivant, même s'ils atteignaient la voie du Bodhisattva, mais ne comprenant pas leurs fins ils pensaient que la voie était trop longue.

Ces "jours" deviennent les années, les décades, plus ils cherchaient à obtenir leur but, plus leur souffrance devenait amère. Puis ils se lassaient, se fatiguaient, incapables de poursuivre. "Je ne peux plus continuer. C'est trop loin. Je ne savais pas que la voie est si longue. Je suis vraiment fatigué,"

gémissaient-ils "Voyant leur état, le Bouddha évoquait une ville et leur disait, "Regardez ! Il y a une ville vous pourrez vous y reposer quelques jours. Notre but est à une courte distance au-delà

de cette ville." Quand ils entrèrent dans la ville, les gens des deux véhicules s'engouaient de l'abondance d'or, d'argent et des pierres précieuses et décidèrent de s'installer là.

"Cet endroit est une vraie maison du trésor." Pensaient-ils.

En pratique, on doit endurer la souffrance et la fatigue. Pour pratiquer la grande conduite, on doit être patient, fort et généreux. On doit pratiquer les six perfections, la première c'est donner pour le bénéfice des autres aussi bien que pour soi-même. "J'ai vu les membres du Sangha mendiants," dit quelqu'un, "leur pratique de la voie consiste à mendier et non pas à donner."

Ah, mais quand les Bhiksus donnent de l'argent, ils ne le font pas savoir.

J'ai connu des Maîtres du Dharma qui juraient d'aider les gens seulement quand ceux-ci leur demandaient, ils offriraient même leur chair et leur sang afin de les nourrir. En considération des autres, ils offriraient de bon cœur leur propre chair et os au ciel et à la terre. Seulement, vous n'avez jamais connu une personne qui a vraiment donné son cœur au Bodhi et pratiqué la grande conduite. Ou peut être vous l'avez déjà vu mais ne l'avez pas reconnu, car il ne vous aurait pas dit : "Je suis celui qui pratique la grande conduite." Puisqu'il ne peut pas vous le dire, vous n'avez aucun moyen de savoir qu'il est celui qui peut supporter le vent, la pluie, le froid, le chaud, la faim et la soif, supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter, donner ce que les autres ne peuvent pas donner, manger ce que les autres ne peuvent pas manger, et endurer ce que les autres ne peuvent pas endurer.

D'autre part, ceux qui imitent le style d'un vrai pratiquant, pour impressionner les gens sont de bons comédiens. "Regardez-moi, je peux manger ce que les autres ne peuvent pas manger." Ce n'est qu'une apparence. Jouant le grand martyr et abandonnant la maison et la famille et la richesse, uniquement pour les apparences c'est un faux pratiquant.

Que ce soit une belle propriété ou belle femme, si son abrogation est faite pour une exposition publique, la pratique n'est pas vraie. Dans le cas contraire c'est la pratique de la grande conduite.

6. Il traverse des grandes périodes cosmiques.

La pratique d'un Bodhisattva consiste à planter les bonnes racines, mais pas toujours devant Bouddha.

Celui qui pratique pleinement, traverse trois grandes innombrables périodes cosmiques.

7. Il cherche le grand fruit.

La voie du Bodhisattva est pratiquée par ceux qui cherchent le grand fruit. Les terres étrangères ne sont pas recherchées parce que les Bodhisattvas ne sont pas des petits propriétaires qui se mettent à conquérir les autres pays pour bâtir un empire.

Seulement Anuttarasamyaksambodhi (l'illumination suprême et parfaite) le plus haut fruit de la pratique, est le but des grands êtres.

Un Mahasattva, celui dont la conduite recouvre sept aspects, devrait aussi maîtriser ses pensées.

“ Comment ? ”

Rien de particulier, mais plutôt, AINSI, AINSI c'est un énoncé direct. C'est la substance principale de la vérité réelle, et alors il n'y a rien de particulier dans l'exécution. L'absence de distinction est reportée aussi à AINSI plutôt que décrite en des termes superficiels.

On devrait maîtriser ses pensées en pensant, “ je dois aider TOUS LES ETRES VIVANTS A ENTRER DANS LE NIRVANA SANS LE RESIDU ET ETRE FRANCHI L'EXTINCTION. TOUS LES ETRES VIVANTS peuvent être divisés en douze catégories. Qui sont exposées en détail dans le Sutra du Shurangama, dix seulement sont inscrites dans ce Sutra. Celles qui n'y sont pas inscrites, comprennent “celles qui ne sont pas totalement avec forme” et “ni totalement sans forme.” "Celles qui ne sont pas totalement avec forme" comportent les êtres vivants qui ont fondamentalement une forme, et qui subsistent seulement en parasites sur les autres êtres vivants, telle une méduse transparente, dépourvu de yeux

utilisant des crevettes en guise de leur faculté visuelle. "Celles qui ne sont pas totalement sans forme" comprennent les êtres vivants qui n'ont pas fondamentalement une forme mais qui apparaîtront volontairement quand les Mantras leur font appel, c'est le Mantra pour les esprits et les fantômes.

Les quatre premières des douze catégories d'êtres vivants sont :

Ceux qui sont nés des oeufs causés par la pensée.

Ceux qui sont nés des utérus causés par l'émotion.

Ceux qui sont nés de l'humidité par suite du processus de l'union et

Ceux qui sont nés par la transformation causée par un processus de la séparation.

Dans le processus qui entraîne la pensée, l'émotion, l'union et la séparation, le doute est créé. Avec l'apparition du doute, vient le karma; avec l'existence du karma, on subit le châtement, chacun selon son karma, toute naissance dépend des conditions de la cause qui déterminent le châtement reçu.

Les êtres nés des oeufs causés par la pensée. L'exemple d'une poule couvant ses oeufs du matin au soir en pensant, “mes petits poussins devraient sortir bientôt. Sortez, sortez petits poussins.

Elle pense depuis longtemps jusqu'à finalement elle les pense hors de leurs coquilles, les oeufs représentent les poulets, venaient de la pensée.

Les êtres nés de l'utérus causé par l'émotion. L'utérus existe à cause de l'amour et l'émotion qui se passe entre le mâle et la femelle. La relation de cet amour et l'émotion résulte sous les conditions requises, en grossesse dans la matrice.

Les êtres nés de l'humidité causée par l'union. L'union du karma avec la chaleur produit sous les vraies conditions, des créatures telles les bactéries, les virus et leurs semblables. (à suivre)

# LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENERALE PAR  
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

### La suite

Le vénérable Ananda pensait que, étant le cousin du Bouddha, il n'avait pas besoin de pratiquer, que le Bouddha lui donnerait sûrement le Samadhi. Mais le Bouddha ne pouvait pas faire cela. Après son départ dans le Nirvana, Ananda devait rédiger les Sutras, mais il ne pouvait pas le faire sans avoir atteint le fruit d'Arhatship, c'est la raison pour laquelle, il a finalement réalisé la quatrième étape d'Arhatship et se rendit compte qu'il ne pouvait négliger la pratique.

Dites-vous que le corps est impur, ne l'aimez pas trop et ne le considérez pas comme pour un trésor.

Vous dites « Je ne supporte pas la critique. Je ne peux pas la supporter » ; Qui est "je" ?

S'ils me frappent, je ne peux pas le supporter. Ça me fait mal.

Vraiment ? Si vous déposez vos attachements et les observez, il n'y a ni douleur ni absence de douleur. Qui souffre ? Qui a mal exactement ? Si quelqu'un vous frappe, faites comme si vous vous cognez contre un mur. Si quelqu'un vous insulte, faites comme si vous entendez une chanson ou des paroles japonaises. Comment pourront-ils vous insulter si vous ne les comprenez pas ?

Parle t-il espagnol ? portugais ? français ? allemand ? Je n'ai jamais étudié ces langues, alors je ne les comprends pas... Ils peuvent vous gronder, mais ça n'est pas grave. En général, une fois que vous commencez à voir clair, vous brisez et laissez tomber l'attachement à votre corps, vous gagnez votre indépendance.

Considérez votre corps comme impur. Ne le regardez pas avec beaucoup d'importance. Il n'est pas important.

Considérez les sentiments, les pensées et les dharmas comme impurs aussi.

2. Considérez les sentiments comme des souffrances. Les sentiments peuvent être agréables, désagréables ou neutres ; considérez-les comme trois souffrances : Les sentiments désagréables sont la souffrance dans des souffrances, les sentiments agréables sont présents dans la souffrance de la déchéance et les sentiments neutres sont les souffrances du processus. Réveillez-vous ! Tout ce dont vous vous réjouissez est une forme de souffrance. Si vous savez que même le plaisir est souffrant, vous ne vous y serez pas attaché. J'ai souvent dit:

"En subissant la souffrance on met fin à la souffrance ;

En jouissant les bénédictions on détruit les bénédictions".

Si vous endurez votre souffrance, elle passera. Si vous vous réjouissez de vos bénédictions, elles passeront aussi. Contemplez les sentiments comme les souffrances.

Le corps, la pensée et les dharmas sont aussi des souffrances. Bien qu'il y ait quatre actions de l'esprit, vous pouvez les multiplier; chacun des quatre caractères : l'impureté, la souffrance, l'impermanence et l'absence du moi peut être appliqué sur le corps, les sentiments, les pensées et les dharmas, faisant en tous seize actions.

3. Considérez les pensées comme impermanentes. Le Sutra Vajra dit : les pensées passées ne peuvent pas être obtenues, les pensées présentes ne peuvent pas être obtenues et les pensées du futur ne peuvent pas être obtenues.

Toutes vos pensées sont inaccessibles. Elles se déroulent sans arrêt et alors elles sont impermanentes. Le corps, les sentiments et les dharmas sont aussi impermanentes.

4. Contemplez les dharmas comme "sans moi". Fondamentalement, puisqu'il n'y a pas de dharmas, d'où vient-le moi ? Le moi est une combinaison de quatre éléments et de cinq Skandhas, une création, une forme de dharmas. En dehors des quatre éléments et des cinq skandhas, le moi n'existe pas. Alors considérez les dharmas comme étant sans moi.

Les quatre actions de l'esprit sont très merveilleuses. Si vous les étudiez, les comprenez parfaitement, et vous vous y concentrez, vous serez entièrement libre et obtiendrez la vraie liberté. Si vous y êtes attaché, vous ne pouvez pas être libre. Pourquoi ? Parce que vous êtes attaché ! Alors restez dans les quatre actions de l'esprit. Donc restez et cependant ne restez pas.

### LES SIX NECESSITES

La quatrième question d'Ananda concernait les Bhiksus aux mauvais caractères. Le Bouddha dit, « Soyez silencieux et ils s'en iront ». Même lorsque le Bouddha était encore de ce monde, il y

avait des Bhiksus aux mauvais caractères. Des laïcs et les gens ordinaires. « Si vous les ignorez », dit le Bouddha, « ils s'ennuieront et partiront ».

« AINSI J'AI ENTENDU ». AINSI répond à la demande de la « FOI ». Le Dharma qui est AINSI peut être cru. Le Dharma qui n'est pas AINSI ne peut pas être cru. J'AI ENTENDU répond au besoin de l'audition. « Puisque les oreilles représentent l'audition », vous pouvez demander « Pourquoi dit-on J'ai entendu ? ». Puisque les oreilles sont juste une petite partie du corps, JE se réfère à la personne entière. UNE FOIS répond à la nécessité du temps.

« Pourquoi, » vous pouvez aussi demander, « Le sutra ne précise pas le mois, le jour et l'année ? ».

Les calendriers se diffèrent d'un pays à l'autre. Certains pays commencent l'année le premier mois, d'autres le deuxième ou troisième mois. Il n'existe pas une date fixe, en plus, si la date était fixée, les gens commenceraient à faire des recherches pour déterminer si elle était juste. Puis que le sutra énonce seulement Un Moment Donné, il n'y a pas de demande pour la vérification historique.

Pour parler du Dharma, il doit y avoir un public. Dans ce cas, c'était le rassemblement des grands Bhiksus. Le public doit avoir aussi le temps pour venir écouter, car s'ils ne restent pas, il leur manque la croyance ? Ils doivent avoir le temps, la

volonté pour écouter le Dharma et ils doivent aussi y le croire. Il doit y avoir aussi un invité pour parler du Dharma. Dans ce cas, le Bouddha est l'invité et le lieu est SRAVASTI, DANS LE JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET DU SOLITAIRE ; Donc dans les phrases du début du Sutra, toutes les six nécessités sont répondues.

SRAVASTI est le nom d'une ville en Inde. Traduit, il veut dire « Abondance et Vertu », parce que les sept joyaux, l'or, l'argent, la lazulite, le cristal, la nacra, les perles rouges et le carnelian et l'objet des cinq désirs : la beauté, la richesse, la réputation, la nourriture et le sommeil y étaient en abondance. Les gens du SRAVASTI étaient très intelligents et avaient la vertu du grand savoir et de la libération.

Vous pouviez ainsi dire que les objets des cinq désirs sont les formes, les sons, les odeurs, les saveurs et les touchers. Les états liés à l'objet des cinq désirs transforment la sagesse des gens. Les yeux courent après les formes, les oreilles après les sons, le nez après les odeurs, la langue après les saveurs et le corps après les touchers. Les gens trompés par ces états courent à la poursuite des objets de ces cinq désirs.

Les gens du SRAVASTI avaient de grandes connaissances et subtilité, libres de tout entrave car ils s'en étaient totalement détachés. (à suivre)

# CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Texte :

QUAND LA NATURE DE LA GRAINE EST DÉVIANTE, SA CONNNAISSANCE ET SA COMPRÉHENSION SERONT FAUSSES.

ON N'ATTEINDRA PAS LA MESURE COMPLETE ET SOUDAIN DE CELUI AINSI- VENU.

CEUX DES DEUX VÉHICULES SONT VIGOUREUX, MAIS MANQUENT L'ESPRIT DE LA VOIE.

CEUX DES VOIES EXTERNES PEUVENT ETRE INTELLIGENTS, MAIS MANQUENT DE SAGESSE. ILS SONT STUPIDES, PETITS ET BETES.

ILS CONFONDENT LE POING VIDE ET LE DOIGT POINTANT COMME PRODUISANT LA CONNAISSANCE AUTHENTIQUE.

MAIS S'ATTACHER AU DOIGT COMME ÉTANT LA LUNE EST UNE PERTE D'EFFORT.

PARMI DES DHARMAS DES ÉTATS DES ORGANES ET DES ORGANES DES SENS, IL EST DIGNE DE FAIRE DES INVENTIONS VIDES. NE PAS PERCEVOIR UN SEUL DHARMA : IL S'AGIT DE CELUI AINSI- VENU.

ALORS ON PEUT ETRE APPELÉ "CELUI QUI MÉDITE TRANQUILLEMENT".

UNE FOIS QU'ON A COMPRIS, QUE LES OBSTACLES KARMIQUES SONT AU FOND VIDES.

AVANT QU'ON AIT COMPRIS, LES DETTES DU PASSÉ DOIVENT ETRE REMBORSÉES.

LES AFFAMÉS QUI RENCONTRENT LE BANQUET ROYAL NE PEUVENT PAS ENCORE MANGER.

LES MALADES RENCONTRENT LE ROI MÉDECIN, POURTANT COMMENT PEUVENT- ILS ETRE GUÉRIS ?

Commentaire : QUAND LA NATURE DE LA GRAINE EST DÉVIANTE, SA CONNNAISSANCE ET SA COMPRÉHENSION SERONT FAUSSES.

Quand la graine est plantée ou pratiquée incorrectement, la racine de la nature sera déviante. Ses visions et sa compréhension seront fausses, mais

on persistera à croire qu'elles sont correctes, et on ne saura pas réformer.

ON N'ATTEINDRA PAS LA MESURE COMPLETE ET SOUDAIN DE CELUI AINSI- VENU. Puisque sa connaissance et sa compréhension sont fausses, on ne peut pas voir distinctement et pénétrer à travers l'esprit du Dharma du Seul Honoré du monde, à travers la grande mesure et le degré du merveilleux principe du Parfait et Soudain, où on pénètre le chemin essentiel du commencement jusqu'à la fin.

CEUX DES DEUX VÉHICULES SONT VIGOUREUX, MAIS MANQUENT L'ESPRIT DE LA VOIE. Bien que les Arhats à la racine engourdie des deux Véhicules pratiquent avec vigueur, ils manquent de sagesse pour éveiller la voie.

CEUX DES VOIES EXTERNES PEUVENT ETRE INTELLIGENTS, MAIS ILS MANQUENT DE SAGESSE. L'intelligence de la plupart des gens qui prennent les portes latérales et les voies externes ne dépasse pas la connaissance et l'intelligence du monde en débat. Elle n'est nullement l'ultime, parfaite, soudaine et authentique sagesse.

ILS SONT STUPIDES, PETITS ET BETES. Stupides mais contents d'eux-mêmes ; indignes, pourtant aiment agir autoritairement. Ils n'aiment pas apprendre avec l'esprit ouvert ni avec ceux qui leur sont inférieurs. Comme chez les animaux, leur comportement est vague et lent. Il s'agit les êtres vivants à la racine engourdie, mais qui se considèrent comme des êtres extraordinaires.

ILS CONFONDENT LE POING VIDE ET LE DOIGT POINTANT COMME PRODUISANT LA CONNAISSANCE AUTHENTIQUE. Ceci fait allusion au poing vide du Bouddha pour sauver le petit gamin ou le doit pointant la lune. Comment pourraient-ils comprendre le vrai sens du poing vide ou du doigt pointant la lune ?

S'ATTACHER AU DOIGT COMME ÉTANT LA LUNE EST UNE PERTE D'EFFORT. Si on s'attache au doigt pointant comme étant la

lune sans comprendre que le doigt n'est fondamentalement pas la lune, mais qu'on se sert simplement du doigt pour montrer la lune, alors on pourrait pratiquer la voie pendant une myriade d'éons, ce serait une perte d'efforts totale.

PARMI LES DHARMAS DES ORGANES DES SENS, IL EST DIGNE DE FAIRE DES INVENTIONS VIDES. Les dharmas des états des six organes des sens (les yeux, les oreilles, le nez, la langue, le corps et l'esprit), et leurs objets (les formes, les sons, les goûts, les saveurs, les objets du toucher et les dharmas) sont pris vraiment comme existants. Cependant, ce ne sont que des inventions vides et des créations purement imaginaires.

NE PAS PERCEVOIR UN SEUL DHARMA : C'EST CELUI AINSI-venu. Les quatre-vingt quatre mille branches du Dharma sont toutes établies pour neutraliser les maladies des quatre-vingt quatre mille genres de facteurs perturbateurs des êtres vivants. Quand leurs maladies sont guéries, ils n'ont plus besoin de médicaments. Il en est de même le Dharma enseigné par Bouddha.

ALORS ON PEUT ETRE APPELÉ "CELUI QUI MÉDITE TRANQUILLEMENT". Celui qui enseigne le Dharma et le Dharma enseigné sont en fait fondamentalement vides et totalement sans nature inhérente. En éveillant la matière fondamentale de la source du Dharma, pas un seul dharma n'est établi et les dix mille dharmas sont tous "ainsi". On comprend totalement les grandes fonctions de la matière. Et quand les gens et les dharmas sont tous deux oubliés, on médite tranquillement.

UNE FOIS QU'ON A COMPRIS, QUE LES OBSTACLES KARMQUES SONT AU FOND VIDES. Après qu'on a compris l'esprit et vu sa nature, il n'y a fondamentalement pas d'obstacles karmiques dans la nature propre. Quand ce principe est compris, on sait que tous les obstacles karmiques sont au fond vides, sans forme et sans nature inhérente.

AVANT QU'ON AIT COMPRIS, LES DETTES DU PASSÉ DOIVENT ETRE REMBOURSÉES. Tant qu'on ne comprend pas ce principe de la source originelle de tous les dharmas, alors on sera convoqué par son karma passé pour subir la rétribution.

LES AFFAMÉS QUI RENCONTRENT LE BANQUET ROYAL NE PEUVENT PAS ENCORE MANGER. Le Bouddha est comme un roi. Bien qu'il y ait des douceurs extraordinaires d'une centaine de saveurs à sa table, personne n'ose les manger, même si le roi le permet.

LES MALADES RENCONTRENT LE ROI MÉDECIN, POURTANT COMMENT PEUVENT-ILS ETRE GUÉRIS ? Le Bouddha est comme un roi médecin ; bien qu'il ait un merveilleux médicament qui prolonge la vie, les gens qui manquent de sagesse sont incapables de le prendre. Comment leurs maladies peuvent-elles être guéries alors ?

Texte : PRATIQUER LE DHARMA AU MILIEU DU DÉsir, A TRAVERS LE POUVOIR DE LA CONNAISSANCE ET DE LA PERSPICACITÉ.

LE LOTUS NÉ DANS LE FEU N'EST JAMAIS DÉTRUIT. LA FAUTE DE DONATEUR COURAGEUX ÉTAIT SÉRIEUX ; IL ÉVEILLAIT LA NON-PRODUCTION. IL RÉALISAIT L'ÉTAT DE BOUDDHA TRÈS TÔT, ET IL EST MAINTENANT ICI.

Commentaire : PRATIQUEZ LE DHARMA AU MILIEU DU DÉsir, A TRAVERS LE POUVOIR DE LA CONNAISSANCE ET DE LA PERSPICACITÉ. Bien que les Maîtres Fu et Kumarajiva avaient des femmes, elles n'étaient pas touchées par le désir et pratiquaient le Samadhi Dhyana et d'autres pratiques. Leur pouvoir de la connaissance et de la perspicacité n'était pas mal employé.

LE LOTUS NÉ DANS LE FEU N'EST JAMAIS DÉTRUIT. Ce qui était expliqué au-dessus est comme un lotus qui est planté au milieu d'un feu et pourtant n'est jamais détruit. LA FAUTE DU DONATEUR COURAGEUX ÉTAIT COURAGEUX ; IL ÉVEILLAIT LA NON-PRODUCTION. Bien que le donateur courageux Bhiksu commettait une faute sérieuse, il était quand même capable de se repentir et il éveillait la non-production.

IL RÉALISAIT L'ÉTAT DE BOUDDHA TRÈS TÔT ET IL EST MAINTENANT ICI. Il était déjà devenu un Bouddha et est ici maintenant. (à suivre)

# LE SUTRA DE LA CAUSE ET DE L'EFFET A TRAVERS TROIS KALPAS

Traduction en Vietnamien : Maître Vénérable Thich Thiên Tâm  
Traduction en Français : Phan Ngoc Anh

Un jour, Vénérable Ananda réunit deux cent cinquante grands Bhiksus au Pic du Vautour (Gradhakuta).

Un moment donné, Ananda joignit les mains en guise de respect envers Bouddha, tourna trois fois autour Bouddha, puis s'agenouilla devant Bouddha et s'adressa à Çakyamuni Le Bienheureux :

« Seigneur ! Lorsqu'arrive la période de décadence, tous les êtres du Jambudvîpa (Terre) ont des pensées (Snoti) mauvaises, ne respectent pas Les trois Joyaux ni les parents, vivent sans principes moraux, de façon désordonnée, misérable, sans grandeur, s'entretient quotidiennement, créant une inégalité croissante entre pauvres et riches, nobles et vils. Quelle est la cause de tous ces Karmas ? Que Le Bienheureux et miséricordieux veuille nous éclairer sur le pourquoi de ces états ».

Bouddha dit à Ananda et aux grands Bhiksus :  
« Ecoutez bien. Je vais vous expliquer tout cela de façon approfondie :

Tous les hommes et femmes de ce monde, qu'ils soient riches ou pauvres, pleins de souffrances ou incommensurablement heureux, subissent la loi du Karma : la cause se trouve dans une ou plusieurs vies antérieures, qui se répercute sur la vie actuelle.

Pour cette raison, tous les hommes doivent piété aux parents, croire et vénérer les Trois Joyaux, abandonner toute tuerie et libérer tout être en captivité ou en détresse, pratiquer le régime végétarien et la charité ; tous ces actes constituent autant de semences à l'origine des bonheurs dans les vies ultérieures ».

Bouddha récita la litanie de la Loi causale de la rétribution des actes :

La richesse vient du Jiva(vie)

Qui dépend du Kalpa vertueux antérieur,  
Celui qui pénètre et pratique ce Sutra,  
Reçoit bonheur et richesse vie après vie,

Fidèles, hommes et femmes, écoutez mes paroles, Réfléchissez et rappelez vous le Sutra de la cause et de l'effet à travers les Trois

Kalpas,

Qu'il est grand ce Sutra,

Ceci est la parole de Bouddha

Qu'il ne convient pas de critiquer ou négliger.

1. Etre mandarin dans la vie actuelle n'est pas un hasard, c'est parce qu'on a adoré la statue de Bouddha dans sa vie antérieure. Le bonheur dont on profite ici et maintenant est d'origine ancienne,

Ceinture d'or, robe pourpre, toutes marques d'honneurs

Sont le résultat de notre vénération envers Bouddha,

Embellir le Tathagata, c'est s'embellir soi-même.

Avoir les honneurs à la Cour du Roi n'est pas chose facile

Pratiquer la vertu, c'est y aider.

2. Circuler à cheval ou en palanquin devient facile si on avait auparavant construit des ponts et aménagé des voies.

3. Aujourd'hui on porte des vêtements de velours, parce que, dans son kalpa antérieur, on avait aidé la Sangha à se vêtir.

4. Ce jour, si on ne manque ni de nourriture ni de vêtement, c'est qu'on avait donné à manger et à boire aux pauvres dans sa vie passée.

5. A l'inverse, si on est misérable aujourd'hui, c'est parce qu'on a pas su faire preuve de charité dans sa vie d'hier.

6. Posséder une grande habitation à plusieurs étages aujourd'hui, est la conséquence d'actes généreux dans sa vie passée, tel que celui de distribuer la nourriture aux temples et pagodes.

7. Bonheur et honneurs sont accordés à celui qui a aidé à l'édification de pagodes ou de refuges pour les pauvres dans une vie antérieure.

8. Jouir d'une grande beauté physique dans sa vie actuelle, est le fruit de la pratique de la



vertu et de la vénération de Bouddha (par offrande d'éclatantes fleurs fraîches) dans une vie passée.

9. L'intelligence est accordée à celui qui avait dans sa vie antérieure, fait serment de ne pas tuer, d'être végétarien, d'invoquer et de prier Bouddha de façon assidue.

10. Celui qui est en état de joie permanent, avait dans sa vie passée l'habitude de faire de bonnes actions auprès du plus grand nombre.

11. La longévité conjugale dans la vie actuelle, s'observe chez ceux qui avaient pratiqué le culte de Bouddha de façon rigoureuse dans leur vie antérieure.

12. Si des parents sont en parfaite union aujourd'hui, c'est parce qu'ils savaient respecter et aimer les personnes seules dans leur kalpa passé.

13. Perdre précocement ses parents aujourd'hui, est la conséquence d'actes antérieurs tel que celui de piéger bêtes et oiseaux.

14. Si l'on a beaucoup d'enfants et de petits enfants aujourd'hui, c'est parce qu'on avait libéré des bêtes et des oiseaux emprisonnés dans sa vie passée.

15. Le crime d'infanticide (des filles) commis dans sa vie passée, mène à l'absence d'enfant dans la vie actuelle.

16. Une vie antérieure de luxure, est source de stérilité dans sa réincarnation ultérieure.

17. Celui qui a une grande longévité aujourd'hui, avait maintes fois acheté et libéré des bêtes de toute nature dans sa vie passée.

## PRIONS LE BODHISATTVA AFIN QU'IL DETRUISE LES POISONS DE L'UNIVERS

Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

*Qu'il se sert de l'eau bénite et de la rosée du dharma afin de nettoyer ces énergies empoisonneuses de l'univers. Quand une partie de ces énergies aura disparu, le monde s'avancera vers la paix en partie égale.*

Pourquoi organisons-nous cette séance de prière pour le Bodhisattva Ksitigartha ? Puisqu'il existe tellement de dangers en ce monde, nous prions Bodhisattva Ksitigartha qui, grâce à la forme de ses sermons, pourrait éliminer tous ces malheurs.

Bodhisattva Ksitigartha respectait profondément la pitié filiale ; car, depuis d'innombrables kalpas

(existances antérieures), il y a toujours été un fils pieux envers ses parents. Il n'en était pas toujours facile, car, c'était précisément à partir de ces misères et ces malheurs qu'il a cultivé la voie et atteint l'illumination. Comme ses parents ne croyaient pas en Triple Joyaux, alors pour les convaincre tout en ne les contrariant pas, il cherchait par tous les moyens les plus habiles afin de les encourager, de faire engendrer chez eux la noble croyance en Triple Joyaux. Partout où il arrivait, il pratiquait des actions d'un Bodhisattva, sans se faire connaître, sans aucun attachement, ne voulant jamais étaler ses peines, ni ses mérites. Chaque fois qu'il sauvait les gens, il disait que se sont eux-même qui se sauvaient, n'acceptant aucune reconnaissance, aucun acte honorifique de leur part. Étant un Bodhisattva, il ne se considérait jamais être supérieur aux autres Bodhisattvas n'acceptait jamais que ses sermons étaient grandioses, que sa compassion immense que ses pouvoirs surnaturels surpassaient tous ceux du monde entier. En plus de ces pensées absolument désintéressées, toutes ses activités, ses faits, ses gestes, ses paroles, il les considérait comme naturels. Même s'il devrait sacrifier toute sa force, tout son cœur pour accomplir une action, il ne pensait pas l'avoir accomplie, ne s'en vantait pas, ne se faisait pas remarquer. Mais il pensait que c'était uniquement son devoir, ne se mettant jamais en valeur, c'est pourquoi, il arrivait à toucher le cœur de tous les êtres vivants qui n'arrêtaient pas de le féliciter, le complimenter même Bouddha lui faisait des éloges. Bouddha ne complimentait que celui qui en était digne et qui le méritait, mais jamais n'importe qui. Ne racontant pas ses peines, ni proclamant ses mérites, Bodhisattva Ksitigartha arrivait à entrer en communion avec Bouddha. Cette communication n'était pas obtenue par des ruses, ni des astuces, mais elle survint naturellement. Nous autres pratiquants, nous devons apprendre à prêter des sermons aussi immenses et sincères que ceux de Bodhisattva Ksitigartha :

"L'enfer n'étant pas vidé,  
Je jure de ne pas devenir Bouddha,  
Quand tous les êtres vivants seront sauvés,  
Je deviendrai Bouddha".

Cela veut dire : "Tant que l'enfer n'était pas vidé, je jure de ne pas devenir Bouddha".

Quand tous les êtres vivants seront sauvés, je deviendrai Bouddha".

Tous les ans, nous organisons des séances de prière dans le but de détruire l'énergie empoisonneuse de ce monde. Car, actuellement, l'atmosphère est très polluée, l'univers est rempli de toutes sortes d'énergies empoisonneuses que l'homme malgré toutes les recherches les inventions scientifiques n'arrive pas à éliminer. Il ne reste qu'un seul moyen : la prière. Nous devons prier d'un cœur absolument sincère et respectueux, les Bouddhas et les Bodhisattvas afin qu'ils émettent des lumières bienveillantes capables de détruire toutes ces énergies invisibles et meurtrières. C'est pourquoi, à la Cité des Dix Mille Bouddhas, toutes les activités ont toujours été réalisées pour apporter la paix au monde entier. Si, même dans cette salle de prière, vous ne pratiquez pas d'un cœur sincère, les dangers de ce monde se multiplieront. L'humanité a créé tellement de mauvais karmas que la force humaine se trouve insuffisante pour les neutraliser. Aujourd'hui, jour de la commémoration de l'illumination de Bodhisattva Ksitigartha, prions tout ensemble d'un cœur absolument sincère et fervent, récitons le nom de ce "Roi Bodhisattva Ksitigartha" espérant toucher l'immense compassion du Bodhisattva afin qu'il conduise ce monde vers la sécurité et la paix. Qu'on obtienne ou non la réponse du Bodhisattva, tout dépend entièrement de votre sincérité, votre bonne foi. L'effort d'une seule personne ne suffit pas, il faut que tout le grand public se réunisse, et d'un commun effort, prie pour la paix mondiale.

Maintenant, vous réalisez bien que la paix n'existe pas dans ce monde plein de malheur. C'est pourquoi, dans les salles de prière existant partout dans le monde entier, tout le monde prie pour la paix : Tout d'abord, à la Pagode Montagne d'Or, puis à Hong Kong et Taiwan. Cela prouve que le monde actuel est plongé dans une situation extrêmement difficile et dangereuse. Néanmoins la Cité des dix Mille Bouddhas est le seul endroit où les prières restent encore absolument sincères et ferventes. Pourquoi ? Parce qu'ici, tous les ans, on organise des cérémonies Bouddhistes, toujours à la même date, dans le silence, sans attendre l'arrivée de quelque riche fidèle qui viendrait peut-être offrir de l'argent. Peu importe qu'il y ait ou qu'il n'y ait pas la présence du vénérable supérieur, on organise selon les rites habituels, considérant cela comme un devoir, sans se vanter, sans s'enorgueillir, d'un esprit purement désintéressé, sans calcul, sans aucun profit personnel. Tout ce qu'on espère, c'est que Bouddha émette des lumières bienveillantes afin d'anéantir toutes ces

énergies empoisonneuses de ce monde, que Bodhisattva Avalokitésvara, à l'aide de sa rosée merveilleuse, vous bénisse, guérissant ainsi toutes vos maladies, détruisant tous les dangers et péchés, engendrant davantage de bénédictions ; que Bodhisattva Ksitigartha, grâce à la force de ses sermons, de sa compassion, de sa générosité, délivre les êtres humains de leurs malheurs, leur apporte le bonheur ; écartant tout obstacle, tout danger et toute calamité. En priant Bodhisattva Avalokitésvara et Bodhisattva Ksitigartha, vous aidez le monde à éliminer tous les poisons, sans avoir besoin d'utiliser des désinfectants, seulement l'eau bénite et la rosée bienfaisante du dharma suffisent largement pour détruire ces énergies aura été éliminée, le monde s'avancera vers la sécurité et la paix en partie égale. Le jour où toutes ces énergies auront complètement disparu de ce monde, l'humanité vivra dans la paix et le bonheur.

## COMPRENDRE ET PRATIQUER LA VERTU RELIGIEUSE

Traduction en français : Ly Thi Minh  
Nguyet

**I**l était une fois deux frères d'une même famille qui se faisaient moines en même temps. Après un laps de temps, leur pratique religieuse se différenciait progressivement. L'aîné pratiquait régulièrement les règles alors que le cadet cherchait surtout à comprendre la doctrine.

Après un certain nombre d'années, les deux frères obtenaient des résultats concrets. L'aîné atteignait le stade d'Arhat tandis que son frère terminait tous les livres de doctrines, de discipline et de métaphysique du Bouddhisme.

Le cadet était fier de son érudition, ne perdait aucune occasion pour se faire connaître de façon honorifique. L'aîné se faisait des soucis pour l'avenir spirituel de son frère lui répétait toujours ces conseils suivants :

"Se réincarner dans le corps humain est une aubaine ; avoir la chance de rencontrer Bouddha n'arrive pas à n'importe qui. Bouddha a dit : Les occasions pour perdre ce corps

humain sont comparables à la terre immense tandis que celles de le recouvrer ressemblent à une toute petite parcelle de boue sous l'ongle. A l'instant où vous possédez ce corps humain, vous devez suivre la devise qui consiste à pratiquer en priorité la vertu, laissant l'érudition en deuxième position".

Le cadet réfutait les conseils de son grand frère : "Je ne crois pas que vous avez raison. Mes connaissances sur le Bodhi Dharma sont sûrement encore partielles comme la goutte d'eau par rapport à l'océan et loin d'atteindre n'atteignent pas la moelle substantielle de la doctrine, raison de plus pour aller vers le fond des choses. Attendez que je possède tous les livres de la doctrine comme un maître spirituel. Après quoi, la pratique de la vertu pourra venir sans qu'il soit trop tard".

L'aîné expliqua que la vie est d'essence impermanente et éphémère ; que la mort prématurée peut nous emporter à chaque instant ; que la pratique de la vertu bienveillante importe avant tout.

Mais le cadet restait ferme sur son propre raisonnement. Peu après, il attrapa une étrange maladie incurable. Effrayé par sa mort prochaine, en larmes, il demandait pardon à son frère : "Durant les années passées, j'ai été stupide et aveuglé et je n'ai pas écouté vos conseils. Il est trop tard pour pratiquer la vertu maintenant que je dois quitter ce monde".

Après la mort de son frère, l'aîné entra en Samadhi pour suivre la réincarnation de ce dernier qui s'est réincarné en tant que fils d'un riche propriétaire. Celui-ci habitait une maison proche d'une pagode. Le frère aîné, voulant aider son frère cadet réincarné, se fit moine dans le temple en question.

Quand l'enfant réincarné atteignait l'âge de trois ans, le frère-moine le faisait prendre refuge auprès des Trois Joyaux et lui apprenait à prier Bouddha. L'enfant était particulièrement intelligent et adoré par sa famille.

Quand il avait quatre ans, un jour, sa nourrice le portait rendre visite au moine résidant à la pagode. Celle-ci était située sur une montagne où le chemin d'accès était parsemé d'obstacles rocheux. La nourrice, à un moment donné, perdant l'équilibre, laissa tomber, de ses bras, l'enfant qui roula déchiqueté le long du flanc de la montagne.

Pendant le très court instant (Ksana) précédant sa mort, une pensée maléfique naquit dans la tête de l'enfant qui accusa la nourrice d'être à l'origine de l'accident et de sa mort. A cause de cette pensée, son âme fut condamnée en enfer.

Quand le frère aîné apprit la nouvelle, il se mit en Samadhi à la recherche de son malheureux frère. Sachant que celui-ci était en enfer, il se lamentait : "Hélas, ici, les souffrances sont extrêmes ; il m'est difficile de sauver mon frère, même avec la bénédiction des Bouddhas et des Bodhisattvas. Que puis-je faire maintenant" ? Ainsi l'enseignement de Bouddha est difficilement accédé, la réincarnation dans un corps humain est une haute acquisition karmique. D'autant plus qu'une vie humaine est éphémère. Il nous faut donc profiter de notre rencontre avec la doctrine pour pratiquer la vertu avec application et persévérance. Il est nécessaire et urgent de comprendre la doctrine, mais il est aussi important de pratiquer la vertu. La meilleure manière consiste à comprendre et à pratiquer simultanément, à considérer ces deux exercices d'une même importance.

## ON RÉCOLTE CE QU'ON A SEMÉ

Traduction en vietnamien par : Diêu Hanh

**A** lors que Bouddha Çakyamouni résidait à la Cité Rajagriha, un jour arrivait un négociant du nom de Phat Ca Sa. Ce dernier voulait acheter quelques marchandises mais fut encorné mortellement par un buffle sous le portail de la cité La Viet au petit matin.

Le propriétaire du méchant buffle prit peur et décida de se séparer au plus vite de sa dangereuse bête en la vendant à un prix dérisoire à un éleveur qui amenait le bovidé à la maison. A mi-chemin, comme il côtoyait une rivière, l'éleveur voulait faire boire à la bête qui refusait et blessait mortellement l'homme.

La famille de ce dernier, furieuse, tuait le buffle dans la journée et vendait la viande au marché. Un paysan achetait à pas prix la tête du buffle et la ramenait sur son dos à l'aide d'une corde. Sur la route, sous la chaleur accablante de l'été indien, le paysan eut l'idée de se reposer à l'ombre d'un arbre en suspendant la tête de

buffle à une branche. Par malheur extraordinaire, la corde qui retenait la tête de l'animal fut rompue, laissant choir cette dernière sur le paysan qui mourait sur le champ.

Ainsi, ledit buffle avait tué trois personnes dans une même et seule journée.

Le roi Bimbisara ayant pris connaissance de cette nouvelle, suspectait l'existence d'une cause mystérieuse à l'origine de ces morts en série. Il réunissait un certain nombre de ses mandarins pour aller présenter des offrandes à Bouddha qui résidait alors au Pic du Vautour (Gradhakuta). Le roi pria Bouddha de donner son enseignement sur cette affaire.

Ainsi, Bouddha dit au roi Bimbisara :

Autrefois, il y avait trois négociants qui allaient dans une contrée voisine pour leur commerce. Le soir venu, au lieu de chercher un hôtel, et pour raison d'économie, ils demandaient à gîter chez une vieille dame, moyennant une somme d'argent pour la nuit. Le lendemain matin, la dame s'absentait momentanément de la maison. Profitant de cette absence, les trois hommes quittaient la maison sans régler leur dû.

A son retour, constatant la forfaiture, la vieille dame allait à la recherche des trois négociants, et les rattrapait sur la route. Ces derniers refusaient de payer la dame tout en l'insultant grossièrement. La vieille dame constatant son impuissance leur lançait sa rage : "Vous n'êtes qu'une bande de voyous qui profitez de mon grand âge pour m'outrager et me voler. C'est un acte qui amène vengeance. Dans ma vie présente, je suis en situation de faiblesse contre vous. Mais dans une vie ultérieure, que je réincarne sous forme humaine ou animale, je jure de me venger en vous tuant tous les trois".

Bouddha prêchait sur le Karma, sur la rétribution des actes volitifs : le méchant buffle, qui a tué trois personnes dans la même journée, est la réincarnation de la vieille dame. Les trois personnes tuées sont la réincarnation des trois négociants. Les actes volitifs, bons ou mauvais, accompagnent chaque homme dans ses vies successives (Kalpas). Ainsi, on récolte ce qu'on a semé.

## LES EXPLICATIONS SUR LE DHARMA DU MATRE VÉNÉRABLE HUA

**L**e bien et le mal ne dépassent pas une seule pensée.

Une pensée de bonté augmente l'énergie pure dans le monde ;

Une pensée de mal augmente la mauvaise énergie du monde.

'Ne faites pas de mauvaises actions ; pratiquez toutes les bonnes actions ; purifiez votre propre esprit ; c'est ce que tous les bouddhas enseignent. Ceci est une vérité du Bouddhisme. Le monde est un désordre parce que, bien que tout le monde comprenne l'énoncé au-dessus, personne ne le met pas en pratique.

Dans le retrait de méditation, nous engageons à reformer nos mauvais comportements. C'est une occasion parfaite pour tourner une nouvelle feuille et recommencer une autre. Une seule pensée de mal peut causer des vents forts, des déluges et des malheurs tragiques. Cependant, si toute personne dans le monde pouvait garder les cinq préceptes et pratiquer les dix bonnes actions, le monde jouirait une pluie saisonnière et des vents doux et toutes les nations et leurs citoyens seraient en paix. Si tout le monde depuis du chef national jusqu'au citoyens ordinaires pouvaient garder les cinq préceptes et pratiquer les dix bonnes actions, ils seraient certainement bénis par des vêtements abondants et de la nourriture suffisante et leur vie serait satisfaisante et heureuse. Mais, tout pays qui brise les cinq préceptes et viole les dix bonnes actions seront au-delà d'une ombre d'un doute, remplis de familles séparées et de mauvaise lutte ; il sera une nation pauvre et faible dont les citoyens souffrent de la famine et de la difficulté.

Etudier le Chan est juste un processus de s'abstenir de tuer, de voler, de mentir, d'avoir une conduite lascive et de consommer des produits toxiques. Dans la salle de méditation, nous concentrons nos pensées sur l'étude : soulever une question ensuite la laisser s'en aller. Nous posons activement la question 'Qui' et l'observons à tout moment, en faisant arrêter toutes les autres pensées. En faisant ceci n'est pas moins qu'en gardant les cinq préceptes et mettant en pratique les dix bonnes actions. Ainsi dès que nous essayons dans la salle de méditation, nous sommes remplis par les cinq préceptes et les dix bonnes actions. Pour cette raison, nous ne devons pas gaspiller le temps

inutilement. Nous devrions à la place saisir le temps et nous demander 'Qui est attentif du Bouddha.'

Pendant votre méditation, vous devriez travailler dur et vous avancez avec détermination. Réfléchissez intérieurement, cherchez votre véritable soi. Demandez à vous-même, 'Combien de pensées grossières ai-je permis s'élever? Faites des inventaires :

Faites naître les bonnes réflexions qui ne sont pas encore élevées.

Augmentez les bonnes réflexions qui sont déjà élevées.

Supprimez les mauvaises pensées qui n'ont pas encore surgies.

Débarassez toutes les mauvaises pensées qui sont déjà produites.

Il s'agit la formation d'une carrière d'un débutant dans la pratique.

Le monde fait face à la destruction imminente parce que les mauvaises réflexions des gens l'emportent en nombre sur leurs bonnes pensées. Une pensée de la bonté augmente la propre énergie dans le monde. Une pensée du mal augmente la mauvaise énergie dans le monde. Nous voulons transformer la mauvaise énergie en énergie favorable et paisible. La mauvaise énergie se reporte à l'énergie toxique et nuisible. Chaque pensée de la cupidité augmente l'énergie nuisible dans l'univers. Chaque pensée de haine augmente l'énergie nocive dans le monde. Chaque pensée de stupidité augmente l'énergie nocive dans l'univers. Si nous faisons des choses en nous servant de la cupidité, de la haine et de la stupidité, alors le monde sera un lieu ténébreux et les malheurs se produiront. Si nous nous servons de l'éthique, de la concentration et de la sagesse pour résoudre nos problèmes, alors le ciel et la terre seront pur et paisible. C'est pourquoi qu'on dit que partout où les mauvais gens dominent, les calamités abonderont. Partout où les bons gens prédominent, la bonne fortune abondera. En général, les catastrophes et la fortune sont toutes deux faites par des gens.

Les anciens avaient un proverbe qui dit : 'le bien et le mal sont deux chemins différents ; vous pratiquez l'un ou vous engagez l'autre quand vous marchez.' Les gens qui pratiquent la bonté peuvent quitter le Triple Royaume ; les malfaiteurs peuvent tomber dans les trois mauvaises destinées. Le bien et le mal sont toutes deux reposent dans une seule pensée. La sagesse et l'occurrence des bonnes pensées ; la stupidité est l'occurrence des mauvaises pensées.

Toutes les choses dans le monde exposent constamment le Dharma. Certaines choses exposent

le Dharma pur tandis que d'autres exposent le Dharma impur.

## AMELIORER LA VERTU EST SIGNE DE PIETE FILIALE

Le Maître Vénérable Hsuan Hua  
Traduction en français : Phan Ngoc Anh

Notre session d'étude rassemble beaucoup de jeunes élèves cette fois-ci. Je vous exhorte à pénétrer la morale de la piété filiale. Vivant sous le toit parental, l'enfant doit obéir aux parents, aider au bon entretien de la maison par exemple en balayant l'habitation, en coupant les herbes du jardin, en faisant ce qu'il faut avec l'esprit de prévenance. A l'école, le jeune écoute avec application l'enseignement du maître, étudie les leçons qui sont autant de connaissances accumulées dans le temps. Bien travailler à l'école, c'est manifester sa piété envers les parents.

Il faut toujours vous souvenir que vous devez être un bon élève à l'école et un agréable enfant à la maison. Il vous faut également écouter les conseils des grandes personnes qui possèdent plus d'expérience de par la longueur de leur vécu, et souvent un niveau de culture générale plus riche. Il vous faut prendre exemple sur les personnes de valeur pour progresser dans la vie sociale.

En tant qu'élèves, vous devez avoir un but précis, une aspiration sans faille, une patience inébranlable malgré mille difficultés. Avec un tel état d'esprit, vous pourrez réussir de grandes réalisations utiles à la société. Etudier, c'est s'adonner à la lecture en évitant de perdre son temps à diverses activités ludiques superficielles ; c'est apprendre à élargir ses connaissances dans différents domaines, ce qui permet d'aller toujours plus loin. En faisant ainsi, vous répondez aux aspirations de vos parents et de vos maîtres.

Souvenez-vous que vous êtes ici dans un institut de formation bouddhique qui s'occupe de l'instruction et de la formation de moines sages et talentueux qui seront de bons propagateurs de la doctrine à travers le monde. J'espère que vous êtes animés par le désir

d'apporter le bonheur au monde et d'éviter sa déchéance. Ce désir, c'est celui de notre école. Ici, vous devez étudier de façon franche et sincère, c'est-à-dire sans gaspillage du temps, selon l'adage :

« L'étude assidue mène au sommet de la montagne des livres ; on peut traverser la mer immense du savoir grâce à l'embarcation de la persévérance ».

Vous devez vous forger un moral de solide résistance devant les difficultés ; éviter la paresse ; apprendre à être économe ( par exemple, ne pas gaspiller une page de papier ou un bout de crayon ) ; suivre une discipline de groupe, se coucher et se lever tôt, diminuer la durée des moments devant la télévision, lire le plus possible de livres pour cultiver l'esprit ; faire au jour le jour les devoirs de l'école ; revoir les anciennes leçons qui peuvent servir de base pour l'acquisition de connaissances nouvelles. Lire un livre nouveau est bénéfique. Les bandes dessinées sont de peu d'utilité.

En Chine, à l'époque des Dong Han, vivait un jeune garçon du nom de Khong Dung, précocement intelligent et pieux. Un jour, des amis offrirent à la famille un panier de poires.

Le frère aîné de Khong Dung choisit la plus grosse des poires. Khong Dung, qui avait quatre ans, prit la plus petite poire. Le père demanda à Khong Dung : « pour quelle raison n'as-tu pas choisi la plus grosse poire ? » Réponse de Khong Dung : Je suis petit, j'ai besoin de manger une petite poire, laissant les grosses poires aux parents et à mon frère aîné.

Réfléchissez un peu : Khong Dung n'avait que quatre ans mais déjà possédait un style de modestie, d'amour fraternel et de piété envers ses parents. Une telle vertu morale ne se retrouve pas chez n'importe quel enfant, ce qui justifie la bonne réputation de Khong Dung qui se perpétue par l'expression : « Dung n'avait que quatre ans mais savait déjà céder la poire ».

A la même époque Dong Han, une petite fille du nom de Hoang Huong, âgée de neuf ans, se faisait remarquer par sa piété envers son père après la mort de sa mère. Par temps froid hivernal, elle utilisait la chaleur de son corps pour réchauffer la natte et le lit de son père. L'été, elle éventait le lit pour donner quelque fraîcheur au père. Ainsi, s'explique le dicton populaire : « Huong avait neuf ans et savait éventer le lit paternel ».

Les deux enfants ci-dessus ont agi par amour véritable venant du fond de leur cœur, sans prétention aucune, sans l'intention de tromper quiconque. De

telles actions sont de parfaits exemples de piété filiale à suivre.

Vous avez la chance de naître dans un pays pourvu de richesses, d'avoir une activité stable, une vie matérielle aisée. Bénéficiant de toutes les conditions favorables, vous devez réussir vos études pour ne pas décevoir l'espérance de vos parents et de vos maîtres.

Dans ce pays hyper-développé, il est nécessaire d'avoir des hommes honnêtes, dotés de vertus morales et patriotiques dignes de parfaits citoyens. Vous êtes dans une école bouddhiste dont la vocation est de former des maîtres modèles servant d'exemples à la société, sachant guider les autres dans la voie de la vertu et du bien. Vous devez prendre comme préceptes les six disciplines de la Cité des Dix mille Bouddhas : ne pas rivaliser, ne pas convoiter, ne pas être cupide, ne pas être égoïste, ne pas mentir, pratiquer le non désir. Si vous arrivez réellement à réaliser ces six attitudes de vie et de pensée, vous serez les meilleurs des hommes. J'espère que vous atteindrez cette perfection, que vous serez aptes à changer le comportement du plus grand nombre dans le sens du Bien, que vous serez toujours pleins de compassion pour autrui, que vous répandrez une joie contagieuse aux autres, joie qui leur fait oublier leurs souffrances. Dans ces conditions, ce monde deviendra une terre égalitaire.

## Les Termes Bouddhistes

**Arhat** : L'état d'Arhat est le rang le plus élevé atteint par les Sravakas. Un Arhat est un saint Bouddhiste ayant accompli la libération du cycle de la naissance et de la mort, généralement en vivant une vie monastique en accord avec les enseignements des Bouddhas. L'état d'Arhat est le but de la tradition Théravada et, en ce sens, il diffère de celui des Bodhisattvas dans la tradition Mahayana.

**Bouddha Prateyka** : Aussi appelés Bouddhas solitaires. Ces Bouddhas deviennent illuminés, ... en méditant sur le principe de causalité. Cependant à l'inverse des parfaits Bouddhas, ils ne s'efforcent pas d'enseigner la voie aux autres êtres.

Saha : « Endurance » ; nom donné à notre monde plein de souffrance, qui est enduré cependant avec joie par les humains.

Tathagata : Veut dire « Bouddha ». « Celui qui est venu comme tous les Bouddhas, qui met en application de manière parfaite la loi de cause à effet et parvient à la sagesse suprême. Une des appellations les plus élevées d'un Bouddha ».

Vairocana : Le bouddha principal dans le Sutra Avatamsaka. Il présente le « corps d'essence » (l'aspect transcendantal) du Bouddha Sakyamouni et de tous les Bouddhas. Sa terre pure est le Monde du Trésor de la Fleur, c'est à dire, la totalité du cosmos.

# LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

## La suite

Le Maître utilisait un des cinq sortes de Dharmas dans le Sutra Shurangama, celui de la provocation et du crochet pour attraper le démon. Quand la femme démon entra dans la chambre, elle avait sur elle une odeur infecte intense et écoeurante. Elle essaya de mettre le chapeau noir son trésor du Dharma, sur la tête du Maître mais elle n'y arriva pas. Ensuite elle essaya de le frapper avec l'une de ses balles magiques, mais ça ne marcha pas non plus. Elle lança sa deuxième balle et manqua à nouveau. Ayant ainsi perdu, elle se retourna pour s'enfuir. Maintenant le Maître appela les dieux, les dragons et ceux de la division octuple des démons et des esprits aussi bien que les protecteurs du Dharma et les bons esprits qui surveillaient à gauche, à droite, devant, derrière, en bas, en haut et dans les directions intermédiaires. Voyant cela, ne pouvant pas s'enfuir, elle s'agenouilla et pleura.

Le Maître lui parla du Dharma, lui expliqua les Quatre Nobles Vérités, les douze interdépendances et les six Perfections elle les a comprises immédiatement, et se détermina à réaliser le Bodhi et demanda à prendre refuge auprès de Triple Joyau. Le Maître l'accepta et lui donna le nom de "la jeune fille du Vajra selon sa volonté".

Elle suivait le Maître quand il allait sauver les gens, mais son caractère principal était celui d'un démon et partout où elle allait, elle dégageait une puanteur terrible. Le Maître l'envoya au comté Chiao Ho dans la province Chi Lin, à la montagne Lui Fa dans la Grotte Transparente Des Dix Mille Saints pour pratiquer la voie. Elle pratiquait vigoureusement et bientôt obtenait des pouvoirs spirituels et pouvait sauver des êtres vivants. Mais quand elle les sauvait, elle n'aimait pas qu'on le sût puisque le bien fait pour montrer aux autres n'est pas le vrai bien et le mal fait en secret de peur que les autres le sachent est vraiment le grand mal.

Ainsi, une ex-femme démon, ayant changé ses manières déviantes et retourné aux pratiques orthodoxes est maintenant semblable au Bodhisattva Kuan Yin et rejoint la famille des Bouddhas.

A la grotte appelée des Dix Mille Saints, le Maître a envoyé plusieurs disciples étranges et peu ordinaires pour pratiquer la voie. Elle est dite transparente parce qu'elle avait trois entrées et totalement visible dans toutes les directions, à l'endroit où les trois tunnels se rencontrent, il y avait un temple construit de briques et de bois de charpente.

A l'entrée de l'ouest, il y avait une grotte appelée la Grotte de Lao Tseu. A l'entrée de l'est il y en avait une autre qui donnait de l'eau assez suffisamment pour satisfaire les besoins d'une centaine de milliers de chevaux. La grotte du fond est appelée la Grotte Chi Tsu, nommée ainsi d'après Chi Hsiao T'ang, un officier originaire du nord-est de la Chine celui-ci, pendant la dynastie des Ming, dirigeait cinq démons, l'un d'entre eux était "l'Essence du poisson noir". L'Essence du poisson noir était un officier de la dynastie des Ming à Pékin, appelé Blackie le Grand. Chi Hsiao T'ang savait qu'il était vraiment un poisson sous une apparence humaine et était résolu à le capturer. Il savait que Blackie devait traverser la montagne et il l'attendait. Quand il passa, Chi Hsiao T'ang libéra le tonnerre de la paume de sa main et le tua. Personne ne savait exactement le nombre de grottes qui existaient dans la montagne Lui Fa. Chaque fois que vous les comptez, le nombre est différent, aujourd'hui soixante deux, le lendemain peut-être soixante-dix.

Une fois, un homme s'y rendait et vit deux vieux entrain de jouer aux échecs dans une grotte. Il toussa, les deux hommes à barbes longues se dirent : "Comment peut-il arriver ici ?"

Ils firent un signe de leurs mains et l'entrée de la grotte se ferma. L'homme s'agenouillait devant la porte et pratiquait la voie jusqu'à la fin de ses jours. Sa tombe peut encore être vue à l'extérieur de la grotte à la porte en pierre. Comme les anciens étaient sincères quand ils cherchaient la voie !

Plusieurs Aryas y étaient l'un deux. Li Ming celui qui a maîtrisé le Kung Fu et était capable de monter sur la montagne à pic aussi vite qu'un singe. Quand le Maître visitait la grotte, il y



arrivait à quatre heures du matin et souvent il voyait Li Ming Fu en train de se prosterner devant le Bouddha. Ses cheveux emmêlés pesaient sept à huit kilos. Il ne les lavait jamais. Sur son corps, tout était petit : sa taille, ses yeux, ses oreilles, sa bouche, mais il était très fort, capable de soulever seul deux rails de chemin de fer qui huit personnes ordinaires avaient du mal à soulever. Personne ne savait son âge, ni d'où il venait. Il ne s'agit pas d'un conte de fées, mais c'est une histoire vraie que vous le croyiez ou non.

#### LE POUVOIR DE LA GRANDE COMPASSION SUR LA MORT

Li Sheng Hsi d'Harbin se disputait souvent avec sa femme pour un rien celle-ci tenta de se suicider en buvant deux tasses de lessive. Quand on l'avait découverte, il semblait impossible de la sauver. Heureusement un fidèle bouddhiste était présent. "Le Maître de Dharma Tu Lun est dans la région", dit-il. Il est chez Mr. Kuo. Allez-y rapidement et implorez son aide. Il pourra certainement faire un miracle.

Mr. Li envoya son fils demander de l'aide au Maître. Mais le Maître dit : Je ne fais pas de miracles. Vous feriez mieux d'appeler un médecin immédiatement.

Quand le garçon rapportait les paroles du Maître, le fidèle dit : Vous devez essayer à nouveau et soyez plus sincère. Si vous n'êtes pas vraiment sincère, le Maître n'acceptera pas sûrement car il n'avait jamais voulu se mêler des affaires des autres.

A la deuxième fois, le garçon s'agenouilla pendant trois quarts d'heure, pleurant amèrement. Devant tant de sincérité, le Maître a accepté de venir. Il jeta un regard à la femme. Les quatre membres de la malade étaient aussi froids que la glace et la famille était déjà en train de préparer les funérailles. En voyant le Maître, la famille entière se prosterna devant lui et criait :

Le Bouddha est venu pour nous aider.

Le Maître les rassura et leur dit qu'il les aiderait. Ensuite il bénit un verre d'eau avec le Mantra de la Grande Compassion, essaya d'ouvrir la bouche de la femme avec une baguette et versa l'eau dans sa bouche. Un moment après, un liquide écumeux sortit au coin de sa bouche ; elle vomit et aussitôt se rétablit complètement. Le Maître encouragea la famille à se coopérer et à vivre en harmonie.

Pour exprimer leur profonde gratitude, la famille a inscrit sur une plaque des mots suivant : "Aussi dominateur que le Tathagatha", écrits horizontalement, et sur deux autres plaques

verticales à chaque côté : "La compassion sauve tout. Les fidèles sont libérés, ils réalisent l'illumination suprême. Les croyants instruits, l'esprit éveillé éclairent les incroyants."

#### LA GRANDE COMPASSION GUERIT LA MALADIE

En 1945, une grave épidémie se répandait dans la campagne, tuant une foule de gens quotidiennement. Dans le village de la famille de Lu Yu Fang vivait la famille Mei composée de onze personnes. Lorsque la peste frappa leur maison, treize d'entre eux étaient morts en trois jours, et deux autres étant un beau-frère et une servante.

Le Maître demanda à plusieurs de ses proches disciple :-Voulez-vous leur porter secours.

Oui, répondirent-ils.

D'accord, dit le Maître, allons-y.

Ils marchèrent jusqu'au village qui avait été ravagé par la peste et commençant à parcourir la région entière en récitant le Mantra de la Grande Compassion. La récitation nettoya la région et partout où ils passèrent, la maladie fut chassée et plus de nouveaux cas. De cette manière, ils sauvèrent d'innombrables êtres vivants de la catastrophe. (à suivre)

# L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

**S**iddharta observait la ferme. Un homme et ses vaches labouraient le champs, les oiseaux chantaient et le soleil brillait avec éclat. « C'est vraiment beau ici », pensa-t-il. « Les sillons tracés dans le champs ressemblent aux ondulations sur le lac. »

Il s'asseyait et son esprit se reposait pour la première fois pendant un bon moment. Mais quand il regardait plus près la scène devant lui, il commença à remarquer les choses qu'il n'avait jamais vues auparavant. A l'endroit où le laboureur était passé, des sillons avaient été creusés, il voyait des corps de centaines de petits insectes tués par la lame, et d'autres qui couraient dans la confusion.

Il remarqua aussi que les oiseaux ne chantaient plus gaiement. Ils s'abattirent vivement sur les sillons et happèrent ces insectes terrifiés. Et les petits oiseaux effrayés se sauvèrent précipitamment dans tous les sens sous la menace des vautours et des grands oiseaux qui planaient au-dessus d'eux.

Il remarquait que les vaches labouraient péniblement essayant de tirer la lourde charrue à travers la terre. Les coups de fouet du fermier crevaient douloureusement les ampoules. Et le fermier, aussi travaillait très dur. Comme les bêtes, son corps robuste étincelait de sueur sous le soleil brûlant.

« Un cercle de souffrances ! » Se dit le Prince. « Ce fermier, ses animaux, ses oiseaux et ces insectes—ils travaillent dur tous les jours pour se nourrir essayant d'être heureux. Mais, en réalité, ils s'entretuent et se font mal eux-mêmes les uns les autres ! Comme ils sont pitoyables ! »

Le cœur du Prince était rempli de compassion pour toutes ces créatures souffrantes. Il ne supportait pas les voir malheureux. Il chercha un endroit ombragé et commença à méditer profondément sur ce qu'il avait vu. Quand il se mit à examiner de plus en plus profondément la nature de la souffrance, il se rendit compte que son esprit se concentrait et se calmait. Il éprouvait une sorte de sérénité qu'il n'avait jamais ressentie auparavant.

Avec son esprit maintenant au repos, il commença à penser : « Tout être vivant cherche le bonheur. Mais comme il est constamment aveuglé par son ignorance et ses désirs qu'il ne trouve partout que la souffrance, la peur, la déception, la faim, la vieillesse, la maladie, la mort – Ce sont les récompenses qu'il peut tirer de ses éternels problèmes !

« Maintenant, que j'ai découvert l'origine de ces souffrances, tous les plaisirs éphémères de ce monde ne présentent plus aucun intérêt pour moi. Je dois découvrir une solution qui m'apportera la paix et le bonheur durable. Mais puis-je être satisfait si je me délibère seulement moi-même de la souffrance ? Je dois aussi trouver un moyen pour aider toutes les autres créatures. Elles ont été si gentilles avec moi et elles souffrent beaucoup ! Je dois trouver un moyen pour en finir avec toutes ces souffrances et ensuite le partager avec elles. »

Sorti de cette méditation compatissante, le prince ouvrit ses yeux. Devant lui se tint un homme habillé comme un pauvre mendiant qu'il n'avait jamais vu auparavant. Ses yeux étaient doux et brillants où reflète le regard de la grande paix sur un visage absolument serein.

« S'il vous plaît, qui êtes-vous ? » Demanda le Prince.

L'homme répondit, « Je suis quelqu'un qui, effrayé par les souffrances du monde, fuit les plaisirs ainsi que la compagnie des autres, alors je pars maintenant seul à l'aventure. J'ai abandonné ma maison et maintenant je vis dans les caves, dans la forêt partout où je me trouve. Mon seul intérêt c'est de trouver le bonheur suprême et parfait. » Après avoir prononcé ces paroles, l'homme disparut comme par magie, laissant le Prince à la fois étonné et rempli de joie.

« Enfin, j'ai trouvé le véritable sens de ma vie », se dit-il.

« Moi aussi, je quitterai ma maison et je commencerai à chercher le véritable bonheur et la fin de toute souffrance ! »

Et alors, avec un esprit ferme et un cœur solide, il monta sur le cheval Kantaka et retourna au palais.

(à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang  
8 B rue Fontaine  
93000 Bobigny-France  
Tel./Fax : 01.48.50.98.66  
kimquang@free.fr  
kimquangtu@hotmail.com

Chú Lăng Nghiêm từ khi bắt đầu là quy y mười phương tận hư không biến pháp giới hết thầy chư Phật, sau đó lại quy y mười phương tận hư không biến pháp giới hết thầy chư Bồ Tát, kế đó lại quy y các bậc Thánh nhân sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán, kế tiếp lại quy y chư Thiên. Quy y chư Thiên này không phải phụng hành pháp của chư Thiên, chỉ là cung kính chư Thiên, bỏn lai người xuất gia bất tất lễ bái ai, người xuất gia đáng thọ sự cúng dường của chư Thiên, tại sao lại phải cung kính chư Thiên, chư Thiên lễ bái bạn là vì bạn có đạo đức, có tu hành, bạn đừng nên có tâm cống cao ngã mạn nói, bạn biết không ! Tất cả hộ pháp chư Thiên đều cúi đầu đánh lễ tôi, không thể sinh tâm cống cao ngã mạn như thế, phải cảm thấy chính mình chưa đủ đạo đức của mình mới viên mãn, cũng phải xem có như không thật, như hư vọng. Mình có đạo đức mà không chấp trước, bạn có học vấn chân thật cũng đừng tự mãn, như vậy mới là người tu đạo. Cho nên người tu hành tụng trì Chú này cũng phải cung kính chư thiên thiện thần, không những cung kính thiện thần mà ác thần cũng phải cung kính. Phải trừ khử cống cao ngã mạn của mình. Cho nên chỗ lợi ích của sự trì Chú Lăng Nghiêm nói cũng nói không hết. Tôi cũng không muốn nói cứu kính có diệu dụng gì, vì nếu tôi nói ra thì các bạn tụng trì lại sinh ra một thứ tâm tham, tụng trì Chú Lăng Nghiêm sẽ được diệu dụng gì. Như vậy thật chẳng phải muốn trì tụng Chú Lăng Nghiêm, nếu bạn thật muốn trì tụng Chú Lăng Nghiêm thì phải coi trọng Chú Lăng Nghiêm như ăn cơm, mặc y, ngủ nghỉ. Nếu chúng ta làm như thế thì sẽ đắc được cảm ứng gì, linh nghiệm gì cũng không nghĩ đến, vì khi bạn nghĩ cũng là vọng tưởng, chưa thành công sao lại vọng tưởng, giống như em bé mới sinh ra, ngồi không thể ngồi được mà nghĩ muốn chạy, đi còn chưa được, làm sao chạy được. Tại sao em bé lại nghĩ như thế ? Vì không hiểu, nhưng đến khi chạy được lại nghĩ muốn bay. Bạn nói làm được chăng ? Vốn là việc không thể làm được sao lại phải nghĩ tưởng, lại không phải là chim, cũng không có cánh mà muốn bay. Vọng tưởng này thật là quá lớn, tụng trì Chú Lăng Nghiêm cũng như thế, tu hành là tu hành, đừng có tâm mong chỗ sở đắc, nói tôi nhất định phải như thế này, như bạn nói tôi nhất định không chết, đến lúc chết vẫn phải chết, không có biện pháp nào tránh khỏi cái chết. Cho nên ý nghĩ này chỉ là vọng tưởng, nếu bạn nhận chân tu hành, chứng quả rồi, chấm dứt sinh tử mới tính. Bạn muốn không chết thì không chết, mà chẳng phải cứ nghĩ tưởng, tôi không chết - tôi không chết, tôi phải giữ gìn túi da hôi thối này, giữ đi giữ lại, đến lúc còn đang nói hẹn gặp lại thì ra đi hôi nào không hay.

Hoà Thượng Tuyên Hoá